

LỜI GIỚI THIỆU

55 năm xây dựng và phát triển của Trường Đại học Tây Bắc là chặng đường đầy gian nan thử thách nhưng vô cùng vẻ vang. Trải qua nhiều giai đoạn, thời kỳ phát triển khác nhau cùng những thăng trầm của lịch sử, Trường Đại học Tây Bắc vẫn từng bước đi lên.

Tiền thân là Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo được thành lập ngày 30/6/1960, Trường đã không ngừng vươn lên và đạt được những thành tựu rực rỡ về tất cả các mặt, đặc biệt từ khi trở thành trường đại học đa ngành (23/3/2001). Thành tựu nổi bật nhất của Nhà trường 55 năm qua là đã đào tạo được hàng chục nghìn giáo viên, cán bộ khoa học có trình độ từ trung cấp, đại học đến thạc sĩ, trong đó có hàng nghìn cán bộ, giáo viên dân tộc thiểu số và hàng trăm giáo viên, kỹ sư, cử nhân của Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Những cán bộ, giáo viên và kỹ sư được đào tạo dưới mái Trường Đại học Tây Bắc đều vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiều người đã trở thành cán bộ cốt cán có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Sự tồn tại, phát triển của Trường Đại học Tây Bắc 55 năm qua đã góp phần thực hiện được lời Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn khi Người lên thăm Tây Bắc ngày 7/5/1959: “Phát triển bình dân học vụ khắp nơi, làm thêm nhà trường cho con em có chỗ học. Trong mọi công việc phải ra sức giúp đỡ đồng bào rẻo cao...”

Để khẳng định vai trò của Trường Đại học Tây Bắc đối với việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho đất nước và sự đóng góp to lớn của các thế hệ giáo viên, cán bộ, kỹ sư và sinh viên Nhà trường, thiết thực kỷ niệm 55 năm thành lập Trường Đại học Tây Bắc (1960 - 2015), Nhà trường tổ chức chỉnh sửa, bổ sung cuốn “Lịch sử Trường Đại học Tây Bắc”.

Cuốn sách này khó có thể phản ánh hết được tầm vóc lịch sử của Trường Đại học Tây Bắc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Tây Bắc và đất nước 55 năm qua, chúng tôi mong muốn nhận được sự tham gia góp ý kiến của các thế hệ thầy, cô giáo cùng toàn thể cán bộ, sinh viên Nhà trường để cuốn sách được đầy đủ và chính xác.

Ban Biên tập

Phần thứ nhất **NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN**

Chương 1

SỰ RA ĐỜI CỦA TRƯỜNG CẤP II KHU TỰ TRỊ THÁI - MÈO VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG THỜI KỲ 1960 - 1980

1. Sự ra đời của Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo

1.1. Tình hình Tây Bắc sau hòa bình lập lại và nhu cầu của ngành giáo dục

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954), cùng với các địa phương trên miền Bắc, toàn bộ Khu Tây Bắc được giải phóng. Đó là điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở Tây Bắc trong giai đoạn cách mạng mới.

Do hậu quả sự thống trị, bóc lột tàn bạo của đế quốc phong kiến và sự tàn phá của chiến tranh, nên sau ngày hòa bình lập lại, Tây Bắc chìm ngập trong cảnh nghèo nàn, lạc hậu, hoang tàn và đổ nát. Đời sống của đồng bào các dân tộc khó khăn, đói rách. Tàn dư chế độ cũ cùng các hủ tục lạc hậu còn ảnh hưởng nặng nề trong đời sống nhân dân.

Với vị trí chiến lược quan trọng, sau hòa bình lập lại, các toán thổ phỉ, biệt kích thám báo cùng các phần tử tay sai phản động điên cuồng chống phá cơ sở Đảng, chính quyền ở Tây Bắc. Lợi dụng phong tục, tập quán địa phương, chúng kích động, tổ chức nhiều vụ “xung Vua”, “đón Vua” diễn ra lộn xộn ở vùng biên giới.

Trong khi đó, chính quyền cơ sở ở Tây Bắc còn rất non yếu, nhận thức của đồng bào các dân tộc thấp kém, thiếu cán bộ cốt cán, nhất là cán bộ người dân tộc. Năm 1955, toàn khu có 16 châu thì 9 châu chưa thành lập được chi bộ Đảng. Trong tổng số 316 xã, mới có 39 xã thành lập được chi bộ Đảng cơ sở; số lượng đảng viên chỉ chiếm 0,08% dân số. Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc chưa được hình thành. Cá biệt, ở một số địa phương vùng biên giới, chính quyền cơ sở non yếu đến mức không có khả năng tổ chức và lãnh đạo nhân dân các dân tộc phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống, ổn định xã hội.

Trước những khó khăn, phức tạp trên, Đảng, Chính phủ đã kịp thời đề ra chủ trương đúng đắn, khẩn trương thực hiện “cứu đói”, “cứu rách”, huy động quân đội tiêu trừ thổ phỉ, kiên quyết tiêu diệt các toán biệt kích thám báo, củng cố chính quyền cơ sở, giữ vững an ninh chính trị; mặt khác, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giác ngộ để nâng cao nhận thức trong đồng bào.

Ngày 29/9/1954, Trung ương Đảng ra Nghị quyết về việc thành lập Khu Tự trị Thái - Mèo và vận động đồng bào các dân tộc thực hiện. Ngày 29/4/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 230/SL thành lập Khu Tự trị Thái - Mèo. Đến ngày 7/5/1955, Hội đồng nhân dân Khu họp kỳ đầu tiên, công bố Sắc lệnh thành lập Khu Tự trị.

Mục đích của việc thành lập Khu Tự trị được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Mục đích lập Khu Tự trị Thái - Mèo là làm cho các dân tộc anh em dần dần tự quản lý lấy mọi công việc của mình, mau chóng phát triển kinh tế và văn hóa của mình để thực hiện các dân tộc bình đẳng về mọi mặt... Nó sẽ luôn được sự giáo dục và lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và sự giúp đỡ của các dân tộc anh em khác”*.

Khu Tự trị Thái - Mèo là một bộ phận khăng khít trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, một đơn vị hành chính của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thời kỳ 1955 - 1962, Khu Tự trị không có cấp tỉnh, chỉ có cấp châu trực thuộc Khu và cấp xã. Thời điểm thành lập, Khu Tự trị bao gồm 16 châu (Mường Tè, Mường Lay, Sinh Hồ, Điện Biên, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Tuần Giáo, Thuận Châu, Mường La, Mai Sơn, Yên Châu, Mộc Châu, Phù Yên, Phong Thổ, Than Uyên, Văn Chấn); đến tháng 10/1955, lập thêm 2 châu Tủa Chùa và Mù Cang Chải. Ngày 27/10/1962, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua Nghị quyết đổi tên Khu Tự trị Thái - Mèo thành Khu Tự trị Tây Bắc và thành lập ba tỉnh thuộc khu bao gồm: Lai Châu, Sơn La và Nghĩa Lộ. Hệ thống đơn vị hành chính của Khu gồm có 4 cấp: khu, tỉnh, châu, xã. Về tổ chức Đảng, Trung ương quyết định chuyển Đảng bộ Khu Tây Bắc thành Đảng bộ Khu Tự trị Thái - Mèo (từ 1962 là Đảng bộ Khu Tự trị Tây Bắc). Các cơ quan của Khu đóng tại Thị trấn Thuận Châu (Sơn La) - thủ phủ của Khu Tự trị.

Nhân dịp kỷ niệm 5 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, từ ngày 7 đến ngày 9/5/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Trung ương Đảng và Chính phủ lên thăm Tây Bắc. Người đến thăm và nói chuyện với đồng bào các dân tộc Thuận Châu, Yên Châu, Mộc Châu. Tại cuộc mít tinh ở Sân vận động Thị trấn Thuận Châu (7/5/1959), Người căn dặn cán bộ, chiến sỹ và đồng bào các dân tộc, trong đó nhấn mạnh: *“Thì đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, gặt cho tốt vụ chiêm, chuẩn bị tốt vụ mùa. Đồng thời phải ra sức bảo vệ rừng cho tốt. Cũng cố thật tốt các tổ đổi công và hợp tác xã theo đúng nguyên tắc tự nguyện, tự giác. Ra sức cải tiến kỹ thuật, làm nương phai cho tốt, làm phân bón cho nhiều, cày bừa cho kỹ, đề phòng sâu bọ, thú rừng. Phát triển bình dân học vụ khắp nơi, làm thêm nhà trường cho con em có chỗ học. Chăm lo vệ sinh, phòng bệnh, làm cho bản mường sạch sẽ, đồng bào mạnh khỏe, sửa sang và giữ gìn đường sá để đi lại dễ dàng, củng cố các tổ chức dân quân và tự vệ, làm tốt công tác nghĩa vụ quân sự. Trong mọi công việc, phải ra sức giúp đỡ đồng bào rẻo cao”*

Thời điểm đó, đại bộ phận đồng bào các dân tộc Tây Bắc vẫn còn mù chữ. Hòa bình vừa mới lập lại chưa lâu, còn bao khó khăn thiếu thốn cần giải quyết. Nhưng tư tưởng của Bác luôn nhất quán: một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Cách mạng tháng Tám 1945 thắng lợi, Bác đã phát động phong trào bình dân học vụ để diệt một trong những “*đồng minh của giặc ngoại xâm*” là “*giặc dốt*”. Nay hòa bình đã lập lại, Bác muốn cả dân tộc phải thoát khỏi tình trạng mù chữ, nâng cao nhận thức, làm chủ cuộc sống của mình. Lời dạy đó của Bác là sự khởi đầu cho những bước phát triển không

ngừng của giáo dục Tây Bắc những năm sau này.

Ngay trong năm 1959, hơn một ngàn giáo viên miền xuôi được động viên, tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục miền núi Tây Bắc, tạo thuận lợi cho việc mở thêm các trường phổ thông cấp II và cấp III. Đó là sự kiện lớn đối với giáo dục Tây Bắc.

Từ 1954 đến 1960, sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục của Tây Bắc đã đạt được những thành tựu quan trọng, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu của thời kỳ mới. Tính đến năm 1960, thời điểm diễn ra cuộc tổng điều tra dân số lần thứ nhất trên toàn miền Bắc, trình độ dân trí của đồng bào Tây Bắc còn rất thấp kém. Với tổng số nhân khẩu toàn khu năm 1960 là 437.550 người thì cứ trên 1 vạn nhân khẩu có 1 người trình độ đại học; 1.000 nhân khẩu có 2 người trình độ cấp III, 19 người có trình độ cấp II, 142 người có trình độ cấp I, 112 người biết đọc biết viết và 27 người đang học vỡ lòng. Nói cách khác, tỷ lệ người biết chữ ở Tây Bắc đến năm 1960 là 30%.

Số liệu trên chứng tỏ sau 15 năm kể từ ngày độc lập, số người biết chữ trên Khu Tự trị Thái - Mèo đã tăng lên nhanh chóng, khác hẳn so với trước Cách mạng tháng Tám 1945, thời điểm chỉ có rất ít học sinh, trên toàn khu mới chỉ có 2 trường tiểu học, nhân dân hầu như hoàn toàn mù chữ, không có một người có trình độ đại học. Hiện tại, số học sinh phổ thông của khu đã tăng gấp 15 lần so với trước Cách mạng tháng Tám. Mặc dù vậy, so với mặt bằng chung của miền Bắc, trình độ văn hóa của đồng bào các dân tộc Khu Tự trị Thái - Mèo vẫn còn thấp, khoảng 70% dân số mù chữ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của tình hình mới.

Nguyên nhân của thực trạng đó là do nhận thức của đồng bào các dân tộc còn thấp; thiếu cán bộ cốt cán, nhất là cán bộ người dân tộc ở cơ sở; lực lượng giáo viên miền xuôi lên tăng cường cho Tây Bắc vừa ít về số lượng, lại có sự khác biệt về phong tục, tập quán với đồng bào các dân tộc, bất đồng về ngôn ngữ... nên chưa thể làm thay đổi trình độ dân trí của khu. Trong khi đó, Trường Sư phạm Miền núi Trung ương đặt trụ sở tại Thủ đô Hà Nội, khoảng cách xa xôi, giao thông bất tiện, gây không ít khó khăn cho công tác đào tạo giáo viên cho khu vực miền núi Tây Bắc.

Đối với giáo dục Tây Bắc lúc này, không gì tốt hơn bằng việc thành lập ở đây một trung tâm đào tạo giáo viên phục vụ nhu cầu của đồng bào.

Trong bối cảnh lịch sử đó, vấn đề bức thiết đặt ra là phải thành lập một trường sư phạm trên địa bàn Tây Bắc để làm nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên tại chỗ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Đó là lý do ra đời của Trường Sư phạm Cấp II Khu Tự trị Thái Mèo (tiên thân đầu tiên của Trường Đại học Tây Bắc ngày nay); đồng thời hiện thực hóa một bước lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị Cha già dân tộc rất đỗi kính yêu với đồng bào Tây Bắc nói riêng, của cả nước nói chung.

1.2. Sự ra đời của Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ giáo viên tại chỗ, phục vụ sự phát triển kinh

tế, văn hóa, xã hội ở Tây Bắc trong thời kỳ mới, ngày 30/6/1960, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Văn Huyền đã ký Quyết định số 267/QĐ thành lập Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh, trong đó có Trường Sư phạm cấp II đặt tại Khu Tự trị Thái - Mèo. Quyết định của Bộ Giáo dục đã nêu rõ:

“Điều 1. *Nay thành lập các trường Sư phạm cấp II liên tỉnh với nhiệm vụ đào tạo giáo viên cấp II về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để cung cấp cho nhu cầu phát triển nền giáo dục phổ thông trong toàn miền Bắc ...Trường Sư phạm cấp II đặt ở Khu Tự trị Thái - Mèo có nhiệm vụ thu nhận giáo sinh ở trong Khu tự trị ...*

Điều 2. *Trường đặt tại địa phương nào thì do UBHC tỉnh, khu đó giúp Bộ quản lý về mọi mặt: trường sở, cán bộ, học sinh và chuyên môn. Riêng việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch đào tạo và kế hoạch phân giáo sinh tốt nghiệp thì do Bộ phụ trách. Chi phí các trường đều do ngân sách của Bộ Giáo dục đài thọ.*

Điều 3. *Mỗi trường Sư phạm cấp II có một ban giám hiệu (một Hiệu trưởng và một Hiệu phó) phụ trách và ba bộ phận giúp việc: Giáo vụ - Tổ chức - Hành chính Quản trị...”*

Ngày 07/7/1960, Bộ Giáo dục tiếp tục ra Quyết định bổ sung số 272/QĐ về cơ chế quản lý Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo, cụ thể như sau:

“Điều 1. *Nay thêm vào Điều 2 quyết định số 267/QĐ ngày 30/6/1960 thành lập các trường Sư phạm cấp II như sau:*

Trường Sư phạm cấp II đặt tại Khu Tự trị Thái - Mèo do ngân sách của Khu Tự trị đài thọ và do Khu quản lý mọi mặt...”

Thực hiện Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục, khoảng giữa tháng 10 năm 1960, Lễ công bố Quyết định thành lập Trường Sư phạm cấp II đặt ở Khu Tự trị Thái - Mèo (thường gọi là Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo) được tổ chức tại Sân vận động Khu Học xá Mường La với sự tham dự của đông đảo giáo viên, cán bộ Khu Học xá, nhân dân địa phương và đại biểu của Khu ủy, Ủy ban hành chính Khu Tự trị Thái - Mèo.

Sự ra đời của Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo là sự kiện lịch sử trọng đại đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục ở Tây Bắc. Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo được thành lập không chỉ đáp ứng được yêu cầu đào tạo đội ngũ giáo viên tại chỗ cho các tỉnh miền núi Tây Bắc, đặc biệt là đội ngũ giáo viên dân tộc ít người ở địa phương, mà còn đặt nền móng cho một trường đại học đa ngành ở Tây Bắc sau này.

2. Sự phát triển của Nhà trường thời kỳ 1960 - 1980

2.1. Những năm đầu mới thành lập và sự phát triển của Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo giai đoạn 1960 - 1965

Những năm đầu mới thành lập, tình hình Nhà trường khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt.

Khi công bố Quyết định thành lập, Trường chưa có giáo sinh và Hiệu trưởng.

Cơ sở vật chất của Trường hầu như chưa có gì, mọi sinh hoạt của giáo viên và giáo sinh đều ghép chung với Khu Học xá Mường La.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ của Trường khi đó còn rất ít. Đầu tiên chỉ có 8 thầy tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được Bộ Giáo dục cử lên công tác tại Trường, đó là các thầy: Đỗ Mộng Bảo, Trần Kiều (giáo viên Toán), Hoàng Thiện Hùng, Lê Kỳ Huân (giáo viên Văn), Vũ Tự Hùng (giáo viên Hóa học), Trịnh Đình Toán (giáo viên Sinh học), Chu Văn Phụng (giáo viên Lịch sử), Trần Phương Thịnh (giáo viên Địa lý).

Hai tháng sau, Bộ Giáo dục tăng cường thêm cho Trường thầy Đặng Thọ Nhân (giáo viên Vật lý). Trong thời gian này, Khu Học xá Mường La cử thầy Vũ Lương sang Trường dạy thể dục.

Thầy Lê An (giáo viên cấp II ở Văn Chấn) và thầy Cao Thiệp (cán bộ miền Nam tập kết) được Khu cử đi học ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, sau khi tốt nghiệp, thầy Lê An về Trường dạy Tâm lý Giáo dục, thầy Cao Thiệp về dạy Chính trị.

Như vậy, trong những ngày đầu thành lập, toàn Trường chỉ có 12 giáo viên, hầu hết tuổi đời còn rất trẻ. Đó chính là đội ngũ đầu tiên của Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo. Người được giao phụ trách Trường lúc đó là thầy Đỗ Mộng Bảo.

Trên cơ sở đội ngũ giáo viên hiện có (12 người) của Trường, cuối năm 1960, Nhà trường thành lập hai tổ chuyên môn: Tổ Tự nhiên có 7 người do thầy Trần Kiều làm Tổ trưởng, Tổ Xã hội có 5 thầy do thầy Lê Kỳ Huân – giáo viên Văn làm Tổ trưởng. Các giáo viên Nhạc, Họa, Thể dục và giáo viên các môn khác sau khi được bổ sung sinh hoạt ghép với hai tổ.

Ngoài 12 thầy kể trên, thời điểm này còn có hai giáo viên Khu Học xá Mường La là thầy Vũ Gia Thụy (giáo viên Nhạc) và thầy Thọ (giáo viên Họa), sang dạy Nhạc và Họa cho Trường.

Để khai giảng được khóa học đầu tiên, hầu hết giáo viên của Trường phải về tận các bản, làng để chiêu sinh. Số giáo sinh này kết hợp cùng với những giáo viên cấp 1 và những người đã học sơ cấp ở Trường Sư phạm Miền núi Trung ương (Hà Nội) được Khu cử vào Trường học trung cấp, hệ 7+2. Năm học đầu tiên (1960 - 1961), toàn Trường có 152 giáo sinh, biên chế thành 05 lớp: 02 lớp Tự nhiên, 02 lớp Xã hội và 01 lớp cấp tốc. Riêng lớp cấp tốc (hay còn gọi là lớp vệ tinh, có khoảng 20 giáo sinh, dành cho con em các dân tộc ít người chưa tốt nghiệp cấp II) chỉ đào tạo các môn Tự nhiên.

Về tổ chức Đảng, Trường có 1 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Khu Học xá. Bí thư Chi bộ đầu tiên là thầy Cao Thiệp (1960 - 1962), sau đó là thầy Mai Ngọc Nam (1962 - 1965). Về tổ chức đoàn thể, cả Trường có 1 Liên chi đoàn trực thuộc Ban Chấp hành Đoàn Khu Học xá. Bí thư Liên chi đoàn đầu tiên là thầy Lê An.

Năm 1961, Nhà trường mở thêm hệ hàm thụ (đào tạo cả Tự nhiên và Xã hội) dành cho những giáo viên đã tốt nghiệp Sư phạm Tiểu học về Trường học tập trung 2

kỳ. Phần lớn giáo viên tốt nghiệp đều trở thành cốt cán chuyên môn ở các trường phổ thông và phòng giáo vụ huyện.

Do khó khăn thiếu thôn về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ dạy học nên hầu hết các bài giảng và đồ dùng dạy học, giáo viên đều phải tự biên soạn và thiết kế lấy.

Sau khi kết thúc năm học đầu tiên, cuối năm 1961, Khu Học xá chuyển địa điểm từ châu Mường La về thị trấn Thuận Châu - lúc đó là thủ phủ của Khu Tự trị Thái - Mèo (Khu Học xá đóng tại bản Hìn châu Mường La nên thường gọi là Khu Học xá Mường La - nay là khu Nhà nghỉ Công đoàn thuộc phường Chiềng Lề, Thành phố Sơn La. Khu học xá có: Trường Sơ cấp Sư phạm, Trường Trần Đăng Ninh hay còn gọi là Trường Thiếu nhi các dân tộc, Trường Bổ túc Thanh niên các dân tộc, Trường Phổ thông Lao động. Từ năm 1960 thêm Trường Sư phạm cấp II. Khi chuyển về Thuận Châu (Sơn La) Khu Học xá có 3 trường: Trường Sư phạm Cấp II, Hiệu trưởng là thầy Lương Văn Cúc; Trường Bổ túc Công - Nông, Hiệu trưởng là thầy Lò An Bình; Trường Thanh niên Dân tộc, Hiệu trưởng là thầy Lê Khánh Tế - Chủ tịch Công đoàn Khu Học xá).

Sau đó, Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo được Khu cấp đất xây dựng Trường tại thị trấn Thuận Châu với diện tích mặt bằng quản lý là 15,16 ha.

Năm 1962, Khu Tự trị Thái - Mèo đổi tên gọi là Khu Tự trị Tây Bắc. Để phù hợp với đơn vị hành chính mới của Khu, Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo đổi tên gọi là Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Tây Bắc (gọi tắt là Sư phạm cấp II Tây Bắc).

Từ khi chuyển về Thuận Châu, Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc có bước phát triển mới. Ban Giám hiệu Nhà trường từng bước được kiện toàn, cơ cấu tổ chức của Trường tiếp tục được bổ sung, công tác đào tạo và xây dựng cơ sở vật chất có nhiều chuyển biến tích cực.

Cuối năm 1961, thầy Lương Văn Cúc, Trưởng Ban Quản lý Khu Học xá Thuận Châu được bổ nhiệm giữ chức Hiệu trưởng Trường Sư phạm cấp II Khu Tự trị Thái - Mèo; thầy Đỗ Mộng Bảo được bổ nhiệm giữ chức Phó Hiệu trưởng. Ngay sau đó, thầy Lương Văn Cúc được Khu cử đi học tại Trường Bổ túc Văn hóa Trung ương (Hà Nội), thầy Đỗ Mộng Bảo với cương vị Phó Hiệu trưởng tiếp tục phụ trách Trường.

Năm 1964, thầy Lương Văn Cúc (Hiệu trưởng) hoàn thành chương trình học tập ở Trường Bổ túc Văn hóa Trung ương về quản lý Nhà trường.

Cùng thời gian này, một số phòng, ban của Trường bắt đầu được hình thành. Phòng Giáo vụ do thầy Thọ (giáo viên Họa) phụ trách; Phòng Tổ chức do ông Nguyễn Viết Thanh (cán bộ tổ chức của Khu) làm Trưởng phòng. Năm 1963, Phòng Quản trị Hành chính được thành lập.

Đội ngũ giáo viên của Trường tăng lên nhanh chóng. Nhiều giáo viên tiếp tục được Bộ Giáo dục cử lên tăng cường cho Nhà trường, trong đó có cô Lí Bích Phương (người Hoa), giáo viên Toán về Trường năm 1961, là giáo viên nữ đầu tiên của

Trường; thầy Hà Văn Nguyên (người Mường ở Yên Bái), giáo viên Tâm lý Giáo dục về Trường năm 1965, là giáo viên dân tộc thiểu số đầu tiên của Trường. Năm học 1964 - 1965, tổng số giáo viên, cán bộ của Trường là 67 người.

Hàng năm, Nhà trường cử cán bộ về các địa phương của Tây Bắc tiếp nhận hồ sơ và đón các giáo sinh về Trường học tập và rèn luyện. Số lượng giáo sinh là con em các dân tộc Tây Bắc tựu trường ngày một đông. Năm học 1963 - 1964, Trường có 347 giáo sinh, được biên chế thành 7 lớp, trong đó có 01 lớp “đặc cách” (có khoảng 30 giáo sinh). Năm 1964, hai ban đào tạo Tự nhiên và Xã hội được hình thành, Trường bắt đầu mở hệ 7+3, gồm có 01 lớp Tự nhiên, 01 lớp Xã hội với tổng số khoảng 50 giáo sinh.

Về cơ sở vật chất, năm học đầu ở Thuận Châu (1961 - 1962), Trường có 1 nhà ăn tập thể phục vụ chung cho cả giáo viên, cán bộ và giáo sinh, 1 sân vận động để tổ chức các hoạt động chung, 3 dãy nhà tập thể của giáo viên, 7 lớp học và nhà ở của giáo sinh. Tất cả nhà ở, lớp học của Trường đều là nhà gianh tre, vách đất do thầy, trò tìm kiếm vật liệu tự làm lấy. Sau hơn 4 năm xây dựng, đến năm 1965, Trường đã có 09 dãy nhà xây lợp ngói và 12 nhà toóc xi lợp gianh. Riêng chỗ ở của giáo sinh vẫn còn nhà gianh tre, vách đất.

Tuy chưa khang trang, nhưng hệ thống cơ sở vật chất đó về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu công tác, đào tạo cùng những sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, giáo sinh Nhà trường. Đây là tiền đề quan trọng để Nhà trường mở rộng quy mô đào tạo.

Cùng với sự phát triển của Nhà trường, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng từng bước lớn mạnh. Đến năm 1965, Liên chi đoàn có 07 chi đoàn với trên 300 đoàn viên; Công đoàn Nhà trường có gần 100 đoàn viên (cả giáo viên và cán bộ).

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được coi là một trong những thế mạnh của Trường. Các đội văn nghệ, bóng đá, bóng chuyền của Trường tham gia các kỳ hội thao, hội diễn của tỉnh, Khu đều đoạt giải. Tháng 10/1963, tỉnh Sơn La (mới tái lập) tổ chức Giải bóng đá Liên ngành, đội bóng đá nam của Trường tham gia thi đấu đạt Giải B.

Là một trường đóng ở địa phương miền núi Tây Bắc, nghèo nàn lạc hậu, xa Trung ương, giao thông liên lạc hết sức khó khăn..., nhưng sau 5 năm xây dựng, Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc đã có sự vươn lên phát triển nhanh chóng về mọi mặt. Đó là thành quả to lớn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, sự nỗ lực cố gắng đầy tâm huyết của tập thể Ban Giám hiệu, cán bộ, giáo viên và giáo sinh Nhà trường. Có thể nói, trong những năm 1960 - 1965, Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc là trung tâm đào tạo cán bộ cách mạng người dân tộc thiểu số tiêu biểu ở Tây Bắc.

Trong số những giáo sinh tốt nghiệp của Trường, nhiều người đã trở thành cán bộ chủ chốt trong các ban, ngành của các tỉnh Tây Bắc, trong đó có các đồng chí: Lò Tiến Thâm, Trần Quang Ân, Cầm Thị Chiêu, Lò Thị Hải Yến, Hoàng Kim Thông,

Quàng Văn Bình, Trần Luyến, Trần Du Luyện... (Ông Lò Tiến Thâm - nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc; ông Trần Quang Ân - nguyên Hiệu trưởng Trường Trung học Sư phạm Sơn La; bà Cẩm Thị Chiêu - nguyên Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Sơn La; bà Lò Thị Hải Yến - nguyên Vụ phó Vụ Giáo dục Mầm non; ông Hoàng Kim Thông - nguyên Trưởng khoa Toán - Lí, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc; ông Quàng Văn Bình - nguyên Chủ tịch tỉnh Điện Biên; ông Trần Luyến - nguyên Giám đốc Sở Văn hóa Sơn La; ông Trần Du Luyện - nguyên Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Sơn La).

2.2. Sự phát triển của Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc giai đoạn 1965 - 1973

Từ cuối 1964, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, mọi mặt hoạt động của miền Bắc nhanh chóng chuyển hướng từ thời bình sang thời chiến cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của cách mạng.

Quán triệt chỉ thị Trung ương, tháng 2/1965, Khu ủy ra Chỉ thị về việc sơ tán nhân dân và các cơ sở kinh tế, văn hóa ra khỏi các vị trí mà địch có thể đánh phá. Tiếp đó, Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc triệu tập cuộc họp để quán triệt Nghị quyết của Khu ủy và phân chia địa điểm sơ tán cho các đơn vị. Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc được hướng dẫn sơ tán về một số xã của huyện Thuận Châu, Quỳnh Nhai và nếu chiến tranh ác liệt có thể sơ tán lên Tuần Giáo.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình, thực hiện Nghị quyết của Khu ủy, từ tháng 5/1965, Chi bộ và Ban Giám hiệu Nhà trường đã khẩn trương xây dựng kế hoạch, nhanh chóng đưa Trường về nơi sơ tán ở Nà Toong (Thuận Châu). Tháng 7/1965, giặc Mỹ đánh phá Sơn La ngày càng ác liệt, từ Nà Toong, Trường tiếp tục sơ tán vào Huổi Má, Hát Củ (Quỳnh Nhai). Năm 1966, Khoa Xã hội chuyển sang Thẩm Hạng; Khoa Tự nhiên vẫn ở Hát Củ, tháng 10/1966 chuyển tới Liệp Muội (Thuận Châu). Theo kế hoạch, các đồng chí trong Ban Giám hiệu Nhà trường có trách nhiệm quán xuyến mọi mặt hoạt động của Trường ở nơi sơ tán. Từng đồng chí trong Ban Giám hiệu đã được tăng cường cho các đơn vị để chỉ đạo việc dựng lán trại, nhanh chóng ổn định nơi ăn, chốn ở, tiếp tục nhiệm vụ giảng dạy, học tập.

Từ năm 1967, chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ngày càng trở nên ác liệt. Tỉnh Sơn La, trong đó có thị trấn Thuận Châu cũng bị đánh phá nhiều lần. Cơ sở chính của Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc, nơi được coi là “Trung tâm đào tạo cán bộ cộng sản ở Tây Bắc” bị bom Mỹ san phẳng.

Trong thời kỳ sơ tán, để giữ bí mật, tránh sự đánh phá của giặc Mỹ, có lúc Trường đã đổi tên là “Hợp tác xã khai hoang Nậm Tè”, các lớp được gọi là các “Đội sản xuất”. Do phân tán cơ sở ở nhiều địa phương nên địa chỉ liên hệ của Trường lúc này là Hợp tác xã khai hoang Nậm Tè (Mường Sại, Thuận Châu, Sơn La). Đến năm 1970, khi trở về Thuận Châu, Trường mới trở lại đúng tên gọi là Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc.

Là một trường sư phạm ở miền núi, lại mới được thành lập, khi sơ tán phải chuyển đi nhiều nơi khác nhau, càng làm cho những khó khăn của Nhà trường thêm chồng chất. Có những lúc, lớp học phải chuyển vào trong các hang núi hoặc dựng lán trại ở đầu nguồn các khe suối. Cơ sở vật chất, nơi ăn chỗ ở của giáo viên, cán bộ và giáo sinh ở nơi sơ tán hết sức tạm bợ, thiếu thốn mọi bề. Trong khi đó, Sơn La bị địch đánh phá ác liệt, nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm phục vụ cuộc sống sinh hoạt trở nên khan hiếm. Có thời điểm, việc vận chuyển lương thực, thực phẩm vào nơi sơ tán bị gián đoạn, cán bộ, giáo viên và giáo sinh đã tìm sẵn, khoai, các loại rau rừng để ăn cho qua ngày.

Kiên trì trụ vững vào thời điểm thử thách gian truân nhất đó, Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc đã có bước phát triển mới. Năm 1967, Khu ủy ra Quyết định thành lập Đảng bộ Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc. Bí thư Đảng ủy là thầy Phạm Viết Tâm. Đảng bộ lúc này có 4 Chi bộ với 31 đảng viên.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, trong bom đạn chiến tranh, bộ máy tổ chức của Trường tiếp tục được kiện toàn. Năm 1967, ngoài hai khoa Tự nhiên và Xã hội, Trường thành lập thêm Khoa Chính trị, Trưởng khoa là thầy Phạm Viết Tâm. Khoa Chính trị đào tạo được 02 khóa, mỗi khóa có trên 50 giáo sinh, đến năm 1970 khi Trường chuyển về Thuận Châu thì kết thúc.

Công tác đào tạo của Nhà trường vẫn được duy trì và giữ vững. Trong hoàn cảnh đế quốc Mỹ tăng cường đánh phá miền Bắc và địa bàn tỉnh Sơn La hết sức ác liệt, khó khăn thiếu thốn về mọi mặt, Nhà trường phải sơ tán ở nhiều nơi, nhưng năm học 1965 - 1966, Trường vẫn duy trì được 8 lớp với tổng số 206 giáo sinh. Năm học 1966 - 1967, cả Trường có 10 lớp theo học ở hai hệ 7+2 và 7+3, với gần 300 giáo sinh.

Có thể nói, những năm tháng sơ tán là thời kỳ gian truân nhất trong quá trình phát triển đi lên của Nhà trường, khó khăn thiếu thốn về mọi mặt, từ viên phấn, chiếc bút, quyển vở đến tài liệu đồ dùng dạy học. Tuy nhiên, phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” vẫn được đẩy lên sôi nổi, chất lượng đào tạo được giữ vững. Chính thời điểm này, nhiều thầy giáo, cô giáo đã khắc phục mọi khó khăn thử thách, vươn lên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, trở thành tấm gương mẫu mực về nghị lực vượt khó, lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, lí tưởng nghề nghiệp cho giáo sinh noi theo. Điển hình nhất là các thầy: Lường Văn Cúc, Đỗ Mộng Bảo, Phạm Viết Tâm, Lê An, Phan Lạc Đĩnh, Bắc Việt, Cầm Quỳnh... Nhiều cán bộ, công nhân viên phát huy tinh thần trách nhiệm, cần mẫn trong công việc, thương yêu giáo sinh như ruột thịt của mình. Nhiều giáo sinh đã khắc phục khó khăn gian khổ ngày đêm miệt mài học tập đạt danh hiệu tiên tiến, xuất sắc. Hằng năm tỷ lệ lên tốt nghiệp, lên lớp luôn đạt từ 90 đến 98%.

Từ năm 1968, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta bước sang thời kỳ mới. Chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ tạm thời chấm dứt, miền Bắc trở lại thời kỳ hòa bình. Nhưng không vì thế mà nhiệm vụ chiến đấu bị buông lỏng, trái lại,

nhân dân miền Bắc luôn đề cao cảnh giác, vì “Đế quốc Mỹ có thể quay trở lại đánh phá miền Bắc bất cứ lúc nào”.

Trên tinh thần đó, năm 1968, mọi mặt hoạt động của Nhà trường vẫn được duy trì ở nơi sơ tán. Chỉ có một số cán bộ hành chính, phục vụ về cơ sở ở Thuận Châu làm nhiệm vụ mua bán lương thực, thực phẩm và các đồ dùng thiết yếu cho giáo viên, cán bộ và giáo sinh. Đến tháng 4/1970, các đơn vị của Trường mới từ nơi sơ tán chuyển về thị trấn Thuận Châu tiếp tục nhiệm vụ đào tạo.

Năm 1971, hưởng ứng khẩu hiệu hành động của tỉnh Sơn La “Tiền tuyến cần người Sơn La có đủ, tiền tuyến cần của Sơn La sẵn sàng”, Nhà trường làm Lễ xuất quân cho thầy Nguyễn Thiện Tề (giáo viên Hóa học) và 21 giáo sinh lên đường nhập ngũ. Trong số này, giáo sinh Lường Xích Long (Khoa Tự nhiên) sau đó đã hi sinh.

Chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của giặc Mỹ chấm dứt chưa được bao lâu, ngày 06/4/1972, chúng tiếp tục quay trở lại đánh phá lần thứ hai. Trong hoàn cảnh đó, quán triệt chỉ thị của Trung ương và Khu ủy, từ giữa năm 1972, thầy trò Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc tiến hành sơ tán lần hai. Khác với lần trước, phạm vi sơ tán lần này hẹp hơn, chủ yếu là các địa điểm: Nà Toong, Chiềng Ly, Liệp Muội, Mường Sại (Thuận Châu). Rút kinh nghiệm trong lần sơ tán thứ nhất, Nhà trường chỉ đạo sâu sát hơn; cơ sở vật chất được chuẩn bị chu đáo, nhanh gọn; việc dựng lán trại, tu sửa hầm hào được phân công cụ thể cho từng đơn vị phòng, ban, khoa và đến từng lớp; vấn đề tích trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men và công tác cảnh giới được đặc biệt coi trọng. Nhờ vậy, mọi hoạt động của Trường ở nơi sơ tán nhanh chóng được ổn định, hoạt động dạy học được duy trì đều đặn.

Từ năm 1972, ngoài hệ đào tạo 7+3 vẫn được duy trì, Nhà trường bắt đầu mở hệ đào tạo 10+3 (khóa đầu có 02 lớp, 32 giáo sinh, trong đó lớp Văn - Sử có 18 giáo sinh, lớp Toán - Lí có 14 giáo sinh; đến năm 1973, có thêm 01 lớp Sinh - Hóa, 01 lớp Sinh - Địa) và mở hệ dự bị 7+2 dành cho con em các dân tộc vùng sâu, vùng xa vào học chương trình cấp III (2 năm) sau đó chuyển lên học hệ 10+3. Khóa dự bị đầu tiên của Trường có 02 lớp: 01 lớp Tự nhiên, 01 lớp Xã hội với tổng số gần 100 học sinh.

Trong hoàn cảnh phải đi sơ tán, chiến tranh ác liệt, Trường phân tán đóng ở nhiều nơi, nhưng chất lượng đào tạo và nề nếp chuyên môn vẫn được đặc biệt coi trọng. Nhờ đó, hằng năm, tỷ lệ giáo sinh tốt nghiệp luôn đạt từ 95% trở lên.

Công tác đoàn thể, nhất là hoạt động của Đoàn Thanh niên luôn được duy trì đều đặn. Phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước được đẩy lên sôi nổi và đi vào chiều sâu. Năm 1971, Nhà trường chỉ đạo Công đoàn, Đoàn Thanh niên triển khai các phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước và tiến hành trồng cây (cây lát, cây đen, cây long não) trong khuôn viên của Trường. Mỗi khóa giáo sinh tốt nghiệp ra trường đều được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường chỉ đạo tổ chức lễ phát động phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng”, động viên tuổi trẻ tình nguyện đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì để góp phần vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước của dân tộc, công cuộc xây dựng

và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

2.3. Sự phát triển của Trường Sư phạm cấp II Tây Bắc giai đoạn 1973 - 1980

Năm 1972, nhân dân ta giành được thắng lợi to lớn trên cả hai miền Nam - Bắc, buộc đế quốc Mỹ và tay sai phải kí kết Hiệp định Pari (27/1/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Trong điều kiện, hoàn cảnh mới của cách mạng Việt Nam sau Hiệp định Pari, thực hiện nhiệm vụ của Khu ủy và Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện từ nơi sơ tán trở về địa điểm cũ.

Để chuẩn bị cho công tác di chuyển các đơn vị sơ tán về thị trấn Thuận Châu, Đảng ủy, Ban Giám hiệu cử đoàn cán bộ do các thầy Phí Văn Thịnh, Phan Lạc Đình dẫn đầu về trước. Do nhà cửa, lớp học, đường xá lâu ngày không sử dụng, lại bị chiến tranh tàn phá nên mọi cơ sở vật chất hầu như phải làm lại từ đầu. Đoàn cán bộ của Trường đã tập trung tu sửa lại nhà cửa, lớp học, đường xá và một số công trình vệ sinh công cộng như nhà ăn tập thể, trạm xá... để đón các đơn vị từ nơi sơ tán trở về. Đến tháng 7/1973, các đơn vị của Trường chuyển hết về thị trấn Thuận Châu. Do có sự chuẩn bị trước nên nơi ăn, chốn ở của trên 1.000 con người, cả giáo viên, cán bộ và giáo sinh nhanh chóng được ổn định; khó khăn thiếu thốn từng bước được khắc phục.

Cùng với những biện pháp nhằm nhanh chóng ổn định tình hình, Nhà trường cũng đôn đốc các đơn vị chấn chỉnh đội ngũ, kiểm tra lại toàn bộ các trang thiết bị, tài liệu, đồ dùng dạy học để sớm có kế hoạch mua sắm bổ sung, kịp thời bước vào năm học mới. Trong tình hình mới, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác xây dựng đội ngũ, mở rộng quy mô, loại hình đào tạo.

Từ năm học 1973 - 1974, Nhà trường tiếp tục đề nghị Bộ Giáo dục tăng cường thêm giáo viên cho trường. Nhiều thầy, cô tốt nghiệp các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Sư phạm Việt Bắc được Bộ cử lên công tác ở Trường. Ban Giám hiệu cũng đề ra chủ trương giữ lại Trường những giáo sinh có kết quả học tập và rèn luyện tốt để bổ sung cán bộ cho các phòng, ban, khoa hoặc gửi đi đào tạo nâng cao trình độ. Nhờ vậy, đến năm 1975, đội ngũ cán bộ, giáo viên của Trường tăng lên 157 người, trên 40% trong số đó có trình độ đại học và 10+3. Đây là lực lượng nòng cốt đưa Nhà trường phát triển đi lên.

Công tác đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực. Nhà trường đã tập trung mũi nhọn ưu tiên cho hệ đào tạo 10+3. Năm 1975, Trường có 7 lớp 10+3 thuộc các ngành: Văn - Sử, Toán - Lý, Sinh - Hóa, Sinh - Địa, Lí - Kỹ thuật Công nghiệp, với tổng số trên 300 giáo sinh. Trong thời gian này, số lượng học sinh các lớp Dự bị Tự nhiên và Xã hội cũng tăng lên nhanh chóng; lớp Dự bị Xã hội có khóa đông đến trên 70 học sinh.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, thời cơ giải phóng miền Nam đã xuất hiện. Thực hiện Kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, nhân dân ta

thực hiện “Dốc sức mình chi viện cho tiền tuyến miền Nam” để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi.

Hòa cùng khí thế chung của dân tộc, thầy trò Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước: Thanh niên “Ba sẵn sàng”, Phụ nữ “Ba đảm đang”, “Dạy tốt - Học tốt”. Đặc biệt, phong trào tòng quân tình nguyện, xếp bút nghiên lên đường nhập ngũ được đông đảo cán bộ, giáo viên và giáo sinh Nhà trường hưởng ứng. Trong những năm chống Mỹ, cứu nước đã có 71 giáo sinh và giáo viên Nhà trường lên đường nhập ngũ, góp phần đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước được độc lập thống nhất, cả nước cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tháng 11/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 245 về bỏ khu, hợp tỉnh. Đến năm 1976, Khu Tự trị Tây Bắc giải thể sau hơn 20 năm tồn tại và phát triển. Từ năm 1976, Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc trực thuộc Bộ Giáo dục quản lý và tiếp tục làm nhiệm vụ đào tạo giáo viên cấp II cho các tỉnh Tây Bắc.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới của Nhà trường, dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục, bộ máy lãnh đạo Trường nhanh chóng được kiện toàn.

Năm 1977, đồng chí Cẩm Quỳnh được bổ nhiệm Hiệu trưởng Nhà trường. Ban Giám hiệu lúc này gồm có đồng chí Cẩm Quỳnh - Hiệu trưởng, đồng chí Hoàng Siêng - Phó Hiệu trưởng, đồng chí Phạm Viết Tâm - Phó Hiệu trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy.

Cùng với việc kiện toàn Ban Giám hiệu, các đơn vị phòng, ban, khoa cũng được củng cố, tăng cường.

Từ 1978 đến 1980, ngoài 02 khoa Tự nhiên và Xã hội, Nhà trường thành lập mới Khoa Đào tạo Cơ sở (hay còn gọi là Khoa Dự bị, ban đầu có 03 lớp) do thầy Nguyễn Thiện Tề làm Trưởng khoa.

Các phòng, ban của Trường gồm có: Phòng Tổ chức Chính trị, Phòng Giáo vụ, Phòng Quản trị Đời sống, Phòng Hành chính Tổng hợp, Tổ Tài vụ, Tổ Kiến thiết, Trạm xá. Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

Trong bối cảnh chung của đất nước thời bao cấp (những năm 1975 - 1980), kinh tế, xã hội có nhiều biến động, thiên tai lũ lụt diễn ra ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam; hai cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc để lại hậu quả nghiêm trọng, đẩy đất nước ta lâm vào khủng hoảng, phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Là một trường đóng trên địa bàn miền núi Tây Bắc, Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc cũng phải trải qua những năm tháng thử thách cam go của thời kỳ bao cấp. Đời sống của cán bộ, giáo viên, giáo sinh hết sức khó khăn. Hàng tuần, thầy và trò phải cùng nhau vào cơ sở II của Nhà trường ở Chiềng Bôm (Thuận Châu) tăng gia lao động sản xuất. Năm 1979, chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ, Nhà trường

tham gia cùng với địa phương xây dựng phòng tuyến ở đèo Pha Đin.

Bằng ý chí, nỗ lực, quyết tâm, thầy, trò Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc đã từng bước vượt qua mọi khó khăn thử thách, đưa Nhà trường không ngừng vươn lên.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường tiếp tục tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Ngoài những giáo viên ở xuôi lên, đội ngũ giáo viên Nhà trường còn được bổ sung thêm nhiều đồng chí đã tốt nghiệp sau đại học ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ năm học 1979 - 1980, Nhà trường có chủ trương cử một số học sinh hệ Dự bị 7+2 dự thi vào các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Đại học Sư phạm Việt Bắc, Đại học Sư phạm Hà Nội 2 nhằm tạo nguồn cán bộ giảng dạy cho Trường về sau này. Trong số 36 người được Nhà trường cử đi dự thi khóa đầu, có 12 người trúng tuyển vào Đại học Sư phạm Việt Bắc, Đại học Sư phạm Hà Nội 1. Đến 1980, tổng số giáo viên, cán bộ Nhà trường tăng lên 227 đồng chí, trong đó có 76 đồng chí có trình độ đại học, 2 đồng chí có trình độ sau đại học và 1 đồng chí có trình độ lý luận cao cấp.

Công tác chuyên môn được đặc biệt coi trọng. Hằng năm, Trường tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi từ cấp Khoa đến cấp Trường. Phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” đã có từ thời chống Mỹ, tiếp tục được đẩy lên sâu rộng trong toàn Trường.

Công tác đào tạo của Trường thời gian này cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Ngoài hệ 10+3 và hệ dự bị (7+2) đã có từ trước, từ năm 1980, Trường bắt đầu tuyển hệ Cao đẳng Chính quy, khóa đầu tiên có 07 lớp với trên 300 giáo sinh, bao gồm: 2 lớp Văn, 2 lớp Toán, 1 lớp Sinh - Nông, 1 lớp Lý - Kỹ thuật Công nghiệp, 1 lớp Sử - Chính trị. Địa bàn tuyển sinh của Trường ngày càng được mở rộng; ngoài đối tượng con em các dân tộc ở Tây Bắc, thời kỳ này có nhiều học sinh ở các tỉnh Thái Bình, Hải Hưng, Hà Tây... lên học. Năm học 1979 - 1980, Trường có 31 lớp với tổng số 1.110 giáo sinh, trong đó tỉ lệ giáo sinh là con em các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc chiếm khoảng 15%.

Với những thành tích đạt được, tháng 4/1980, Nhà trường được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Lao động Hạng Ba, Đoàn Thanh niên được Trung ương Đoàn tặng cờ luân lưu “Đơn vị khá nhất khối các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp”. Công đoàn Nhà trường nhiều năm liền được Công đoàn ngành và Công đoàn tỉnh Sơn La tặng Bằng khen. Năm 1980, đồng chí Cầm Quỳnh - Hiệu trưởng Nhà trường được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba. Nhiều tập thể, cá nhân cũng được Bộ Giáo dục, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La tặng Bằng khen.

20 năm đầu tiên là thời kì Nhà trường phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nhưng bằng ý chí và nghị lực vượt khó, Trường đã không ngừng vươn lên, trưởng thành. Đội ngũ cán bộ, giáo viên không ngừng tăng lên. Công tác đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực. Các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên ngày càng vững mạnh. Thành tựu rực rỡ nhất của Nhà trường trong 20 năm xây dựng và phát

triển là đã đào tạo, bồi dưỡng được 2.271 giáo viên (thuộc các hệ 7+2, 7+3, 10+3 và Cao đẳng bồi dưỡng), trong đó có 490 giáo viên người dân tộc thiểu số. Đây là kết quả sự nỗ lực phấn đấu đầy tâm huyết của tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, cùng toàn thể cán bộ, giáo viên và giáo sinh Nhà trường. Thành tựu này thực sự đã góp phần tạo cơ sở nền tảng cho Nhà trường phát triển đi lên trong các giai đoạn sau.

Chương 2 **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY BẮC** **THỜI KỲ 1981 - 2000**

2.1. Sự ra đời Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc

Sau 5 năm, kể từ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, nhân dân ta đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng cũng phải trải qua không ít những khó khăn, thử thách. Từ năm 1981, thiên tai mất mùa diễn ra liên tiếp ở cả ba miền của đất nước, hậu quả của cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc vẫn chưa được khắc phục, tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới và sự kìm hãm của cơ chế quan liêu bao cấp đã đẩy nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng, lạm phát tăng nhanh, đời sống của nhân dân vô cùng khó khăn, thiếu thốn.

Trong bối cảnh chung đó, Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc vốn là một

trường miền núi xa xôi, điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương còn khó khăn, lạc hậu, do đó việc duy trì hoạt động và phát triển của Nhà trường là một thách thức to lớn. Tuy nhiên, vượt lên mọi khó khăn thử thách, được sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu cùng toàn thể giảng viên, cán bộ Nhà trường đã cố gắng duy trì hoạt động phát triển Nhà trường cả về số lượng, chất lượng, cũng như quy mô và loại hình đào tạo.

Đến năm 1981, đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ hành chính và phục vụ cũng được bổ sung đông đảo, nâng tổng số cán bộ, giáo viên, cán bộ Nhà trường lên 252 người.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng đẩy mạnh các mặt hoạt động phục vụ tích cực nhiệm vụ đào tạo của Trường.

Trong thời gian này, Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng mở rộng quan hệ kết nghĩa với các địa phương nơi Trường đóng như thị trấn Thuận Châu, xã Chiềng Ly, xã Thôm Mòn, xã Tông Lệnh, xã Chiềng Bôm (nơi xây dựng Cơ sở 2 của Trường). Để góp phần củng cố mối quan hệ với các địa phương, Hằng năm vào mùa gặt, Nhà trường cử các đoàn giảng viên, sinh viên đi lao động giúp dân, ngày hè thường tổ chức đi dạy bổ túc văn hoá hoặc xoá mù. Ngoài ra, Nhà trường còn cử các đội văn nghệ xung kích đi biểu diễn văn nghệ phục vụ đồng bào địa phương và bộ đội biên phòng đóng nơi biên cương phía Tây Bắc của Tổ quốc.

Trước sự lớn mạnh của Nhà trường về tất cả các mặt và nhu cầu chuẩn hoá đội ngũ giáo viên cấp II có trình độ cao đẳng sư phạm của địa phương, từ năm 1980, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Nhà trường đã đề xuất với Bộ Giáo dục nâng cấp Trường thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

Ngày 06 tháng 04 năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 146/CP, nâng cấp Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Những điều cơ bản quy định trong Quyết định của Chính phủ như sau:

“Điều 1. Công nhận Trường Sư phạm cấp II 10+3 Tây Bắc là Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc và giao cho Bộ Giáo dục quản lý.

Điều 2. Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cấp II có trình độ cao đẳng sư phạm phục vụ cho nhu cầu phát triển của hai tỉnh Sơn La và Lai Châu.

Điều 3. Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc thuộc hệ thống giáo dục Đại học và Cao đẳng được hưởng các chính sách chế độ mà Nhà nước đã quy định cho các trường Đại học và Cao đẳng.

Điều 4. Phụ trách Trường do một Hiệu trưởng, giúp việc Hiệu trưởng có một số Phó Hiệu trưởng...”

Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc được công nhận là Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc không chỉ là sự thay đổi thuần tuý về tên gọi mà còn là sự khẳng định bước phát triển mạnh mẽ về chất của Nhà trường. Từ đây, Nhà trường đã đào

tạo đội ngũ giáo viên cấp II có trình độ chuẩn quốc gia - cao đẳng sư phạm, cho các tỉnh Tây Bắc. Đây là kết quả của quá trình phấn đấu xây dựng không mệt mỏi của các thể hệ giáo viên, cán bộ, giáo sinh đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách đưa Nhà trường không ngừng phát triển đi lên. Việc công nhận Nhà trường là Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc cũng thể hiện sự quan tâm của Trung ương mà trực tiếp là Bộ Giáo dục đối với sự nghiệp giáo dục ở miền Tây Bắc của Tổ quốc, nơi mà sự nghiệp giáo dục còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, nhu cầu về giáo dục luôn đặt ra bức thiết.

2.2. Sự phát triển của Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc thời kỳ 1981 - 2000

2.2.1. Giai đoạn 1981 - 1990

Đầu những năm 80, kinh tế - xã hội của đất nước gặp nhiều khó khăn, tác động của khủng hoảng ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nước ta.

Là một trường đóng trên địa bàn vùng núi, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc gặp phải muôn vàn khó khăn, thử thách mà lớn nhất là khó khăn về cơ sở vật chất.

Hệ thống nhà ở của cả thầy và trò, lớp học, đường sá và các tiện nghi phục vụ cho giảng dạy, học tập, sinh hoạt còn rất tạm bợ. Cơ sở vật chất không đủ đáp ứng với nhiệm vụ chính trị mà Nhà trường phải gánh vác. Việc giải quyết nhu cầu sinh hoạt hàng ngày gặp vô vàn khó khăn. Có những thời điểm, bếp ăn tập thể giáo viên và giáo sinh chỉ vay đủ gạo để nấu cháo, thậm chí có ngày phải đặt bánh sắn ở cửa hàng ăn uống Thuận Châu cho cán bộ, giáo viên và giáo sinh ăn thay cơm. Việc các gia đình giáo viên, cán bộ đi xếp sổ mua gạo từ 1- 2 giờ sáng là chuyện thường xuyên. Việc thực hiện chế độ *Giá - Lương - Tiền, bù giá vào lương* và đổi tiền đã gây ra những xáo trộn lớn. Đồng tiền lạm phát đến chóng mặt làm cho đời sống giáo viên, cán bộ, giáo sinh lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn. Nhiều gia đình cán bộ giáo viên phải tính kế sinh nhai bằng một số nghề phụ như làm vườn, nuôi lợn hoặc các nghề phụ khác.

Trong bối cảnh lịch sử đó, vượt qua mọi khó khăn thử thách, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc vẫn trụ vững và phát triển.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, tập thể cán bộ giáo viên Nhà trường đã nỗ lực, cố gắng thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ chính trị trung tâm là đào tạo đội ngũ giáo viên cấp II cho các tỉnh Tây Bắc. Chính vào thời điểm khó khăn nhất, chất lượng đào tạo của Trường ngày càng được nâng cao, tỷ lệ tốt nghiệp của giáo sinh Hằng năm đều đạt từ 95 % trở lên.

Năm 1982, kết thúc khóa đào tạo giáo viên 10+3 cuối cùng, Nhà trường từ đó chỉ đào tạo hệ cao đẳng chính quy, cao đẳng bồi dưỡng và Dự bị cao đẳng 7+2. Kết thúc năm học 1982 - 1983, Nhà trường đã cho ra đời những sản phẩm đầu tiên của hệ cao đẳng sư phạm chính quy.

Trên thực tế, ở các vùng sâu, vùng xa của Tây Bắc, do thiếu giáo viên, nên tình trạng giáo viên phải dạy “kê” nhiều môn học, kể cả những môn không được học là chuyện phổ biến. Do đó, từ 1984, Nhà trường chuyển sang đào tạo ban rộng: Văn - Sử - Giáo dục công dân, Toán - Lí, Sinh - Hóa, Sinh - Địa. Sự điều chỉnh sang đào tạo ban rộng có ý nghĩa to lớn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp giáo dục ở các địa phương Tây Bắc.

Từ năm học 1986 - 1987, Nhà trường bắt đầu mở các lớp Dự bị 1 năm để đáp ứng nguồn đào tạo, vì thời điểm này thí sinh dự thi vào Trường ít, thường không đủ chỉ tiêu tuyển sinh.

Ngoài việc đào tạo giáo viên cho hai tỉnh Sơn La, Lai Châu, trong khoá học 1984 - 1987, Nhà trường còn làm nhiệm vụ đào tạo giáo viên cho Nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào, đã có 14 sinh viên hệ cao đẳng chính quy tốt nghiệp trở về nước công tác.

Về công tác đào tạo đội ngũ, từ đầu những năm 1980, số lượng giáo viên của Trường tăng lên nhanh chóng. Nhiều thầy, cô tốt nghiệp các trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Việt Bắc, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Sư phạm Vinh... tiếp tục được Bộ Giáo dục điều lên tăng cường cho Nhà trường.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ giáo viên của Trường không ổn định, số cán bộ giảng dạy Hằng năm chuyển vùng rất lớn. Tình hình đó đặt ra yêu cầu phải ổn định đội ngũ cán bộ giảng dạy mới có thể củng cố được đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo. Trước yêu cầu đó Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã có tầm nhìn chiến lược về công tác quản lý cán bộ và đào tạo đội ngũ.

Trong những năm 1983 - 1985, ngoài việc tiếp tục cử các học sinh Dự bị dự thi vào các trường đại học, Hằng năm, Nhà trường còn chọn 20 - 30 sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng sư phạm gửi đi học chuyên tu ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 và Trường Quản lý Giáo dục. Sau khi tốt nghiệp, số sinh viên này trở về Trường công tác, bổ sung một số lượng đáng kể vào đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường.

Cùng với công tác đào tạo, công tác xây dựng cơ sở vật chất của Trường thời gian này cũng được các cấp lãnh đạo quản lý quan tâm, xúc tiến đầu tư trong khả năng cho phép của Nhà trường. Khu nhà làm việc của Ban Giám hiệu và một số phòng, ban, khoa đã được xây dựng khang trang hơn, mặc dù qui mô xây dựng còn rất khiêm tốn. Toàn bộ khu nhà ở của sinh viên và khu lớp học đã được xây cấp 4, chấm dứt tình trạng nhà tranh, vách đất kéo dài hàng chục năm.

Việc mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập của Trường vẫn được tiến hành thường xuyên. Các loại hoá chất cho phòng thí nghiệm thực hành của khoa Sinh - Hoá, Toán - Lí, cùng nhiều thiết bị phục vụ giảng dạy cho các bộ môn ngày càng được tăng cường. Riêng Thư viện của Trường Hằng năm đã được mua sắm thêm hàng trăm đầu sách, phần nào đã đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên, cán bộ và giáo sinh. Một số nhà ở khu vực gia đình đã được Nhà

trường hỗ trợ xây dựng; nhiều gia đình không tự lo được nhà ở đã được Nhà trường hỗ trợ vật liệu, cấp cho vật liệu thanh lý để làm nhà.

Đề ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của Nhà trường trong giai đoạn mới, tháng 10/1988, Đảng bộ Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc tiến hành Đại hội nhiệm kỳ XV. Trên tinh thần dân chủ công khai, nhìn thẳng vào sự thật, Đại hội đã chỉ rõ những tồn tại, yếu kém của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ công tác và dành nhiều thời gian để bàn về vấn đề đổi mới Nhà trường một cách toàn diện. Những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý, điều hành được Đại hội phân tích cụ thể, chính xác. Đại hội đã bầu lại đồng chí Nguyễn Thiện Tề làm Bí thư Đảng uỷ, hai đồng chí Quàng Văn Tịch, Nguyễn Thị Mai Suối làm Phó Bí thư Đảng uỷ. Tuy nhiên, do nhiều lí do khác nhau, các đồng chí trong Ban Giám hiệu và một số cán bộ chủ chốt của Nhà trường không nằm trong Ban Chấp hành Đảng bộ, vì thế trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng uỷ và Ban Giám hiệu gặp không ít khó khăn.

Trên tinh thần đổi mới, bầu không khí chính trị trong Trường trở nên sôi động, xu hướng dân chủ công khai được mở rộng trong cán bộ, giáo viên và sinh viên, tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình trong cán bộ đảng viên và quần chúng được đặc biệt coi trọng. Công tác quản lý, điều hành được chấn chỉnh theo hướng quy củ, minh bạch hơn.

Ngay sau khi được kiện toàn, Đảng uỷ đã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn đổi mới phương thức hoạt động và công tác, nhằm hỗ trợ thật tốt cho công tác đào tạo, thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm của Nhà trường.

Những nỗ lực cố gắng của Trường đã được các cấp lãnh đạo Đảng, Chính quyền của Trung ương và địa phương tặng nhiều phần thưởng cao quý. Tháng 10/1982 Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt lên thăm và làm việc đánh giá thời gian qua Nhà trường đã có nhiều cố gắng. Năm 1982, Đoàn trường đã được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng cờ “Đơn vị thi đua khá nhất” khối các trường đại học và cao đẳng. Năm 1983, Nhà trường được Bộ Giáo dục tặng Bằng khen về công tác xây dựng cơ bản. Năm học 1984 - 1985, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Sơn La tặng Bằng khen là “Đơn vị thi đua khá nhất” trong khối các trường chuyên nghiệp và dạy nghề. Từ 1985 đến 1990, Công đoàn Trường liên tục được Công đoàn tỉnh Sơn La tặng Bằng khen là Công đoàn cơ sở vững mạnh.

2.2.2. Giai đoạn 1991 - 2000

Năm 1991, trước những biến động của tình hình chính trị quốc tế, đặc biệt là sự tan rã và sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã tác động tiêu cực không nhỏ đối với nước ta. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII tiếp tục sự nghiệp đổi mới đất nước toàn diện, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thành quả bước đầu của công cuộc đổi mới đã tạo ra những cơ hội mới, do

vậy, Đảng, Chính phủ quan tâm hơn đối với sự nghiệp giáo dục, tổ chức sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng trong cả nước, tăng lương cho giáo viên, cán bộ, làm công tác giáo dục bằng nhiều phương thức.

Tuy vậy, Nhà trường lại phải đối mặt với một sự thật hết sức nghiệt ngã đó là sinh mệnh của Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc đã nhiều lần được đặt lên “bàn cân” của Bộ Giáo dục. Đầu năm 1991, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chủ trương sát nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 để thành lập Trường Đại học Tây Bắc, đóng tại thị xã Hoà Bình.

Tháng 4 năm 1992, Đảng bộ Nhà trường tiến hành Đại hội nhiệm kỳ XVI và đã dành nhiều thời gian thảo luận về đổi mới Nhà trường, củng cố công tác quản lý, lãnh đạo, tăng cường khối đoàn kết thống nhất, xây dựng các phương án để Nhà trường tồn tại và phát triển; không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng nhu cầu về giáo viên của hai tỉnh Sơn La, Lai Châu. Đại hội đã bầu đồng chí Hoàng Lăng làm Bí thư Đảng bộ.

Để duy trì sự tồn tại và phát triển, Nhà trường đã tiến hành nhiều giải pháp, trong đó, giải pháp có tính đột phá là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ. Từ năm 1993, Nhà trường tiến hành mở các lớp bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên, cán bộ để chuẩn bị đi học cao học, nghiên cứu sinh; tìm cách mở rộng loại hình đào tạo để tăng qui mô sinh viên, tăng cường chất lượng đào tạo và nghiên cứu, tạo sự phát triển mới cho Trường.

Cũng trong thời gian này, Nhà trường liên tiếp cử giảng viên đi đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Lực lượng được đào tạo nâng cao trình độ chính là một điều kiện để tăng cường chất lượng đội ngũ, góp phần vào sự phát triển Nhà trường giai đoạn sau này.

Ngày 23 tháng 12 năm 1994 Đảng bộ Nhà trường tiến hành Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ XVII, đồng chí Hoàng Lăng tiếp tục được bầu làm Bí thư Đảng ủy. Trong thời gian này một thách thức mới của Nhà trường bắt đầu nảy sinh. Cuối 1994, Bộ Giáo dục và Đào tạo lại có chủ trương sát nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc với Trường Trung cấp Sư phạm Sơn La làm nhiệm vụ đào tạo giáo viên Tiểu học, còn nhiệm vụ đào tạo giáo viên Trung học phổ thông và Trung học cơ sở cho các tỉnh Tây Bắc được giao cho Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Sự biến động của Nhà trường, cùng với khó khăn về đời sống đã trực tiếp tác động đến công tác đào tạo của Trường. Năm học 1994 - 1995, số lượng giáo viên, cán bộ cả Trường chỉ còn 154 người và dưới 300 giáo sinh. Nhiều cán bộ, giáo viên tiếp tục xin chuyển về xuôi hoặc về các tỉnh Sơn La, Lai Châu.

Đến giữa năm 1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo lại có chủ trương giao Trường cho tỉnh Sơn La quản lý để thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Sơn La.

Trước tình hình đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã có nhiều biện pháp tích cực. Trước hết, Nhà trường đã mở Hội nghị với đại diện của Tỉnh ủy, Ủy

ban Nhân nhân hai tỉnh Sơn La, Lai Châu bàn về phát triển Nhà trường vào ngày 20/11/1994. Sau đó, Nhà trường cử nhiều đoàn cán bộ đi làm việc với hai tỉnh Sơn La, Lai Châu để kiến nghị với Bộ Giáo dục và Chính phủ để duy trì sự tồn tại của Trường.

Từ năm 1993 đến năm 1995, Nhà trường liên tục mở các lớp ngoại ngữ cho giáo viên, trên 60 giáo viên đã có trình độ C Tiếng Anh. Một số cán bộ giảng dạy đã được Nhà trường cử đi học Tin học ở Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; có trên 50 giáo viên, cán bộ đã được học Tin học ứng dụng trong công tác.

Năm 1996, Nhà trường bắt đầu mở hệ Cao đẳng Tiểu học. Năm 1997, Nhà trường mở thêm các ban học mới gồm: Văn - Công tác Đội, Sử - Địa, Toán - Tin... Ngoài loại hình đào tạo chính quy, Nhà trường còn mở thêm loại hình đào tạo theo địa chỉ.

Vùng tuyển sinh của Nhà trường ngày càng mở rộng, bao gồm các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương... Hằng năm số thí sinh dự thi vào Trường ngày một đông.

Do những nỗ lực của Nhà trường và để đảm bảo sự công bằng giữa các vùng miền trong cả nước, Chính phủ đã có chủ trương thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Sau chuyến thăm và làm việc với các tỉnh khu vực Tây Bắc của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, ngày 07/05/1998, Văn phòng Chính phủ đã ra Thông báo số 98/TB-VPCP về chủ trương của Chính phủ đối với tương lai của Nhà trường. Những nội dung cơ bản trong thông báo của Phó Thủ tướng như sau:

“...Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu ban hành quy chế đào tạo sau đại học phù hợp với điều kiện khó khăn của các tỉnh Tây Bắc và các vùng có nhiều dân tộc thiểu số; hoàn thiện đề án nâng cấp Trường Trung học Sư phạm Lai Châu thành Trường Cao đẳng Sư phạm Lai Châu và chuẩn bị điều kiện để chuyển Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình lên đại học đa ngành.

Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia xem xét xây dựng đề án hình thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ cho khu vực Tây Bắc, có thể đặt tại Sơn La. Trung tâm này sẽ gồm một đại học đa năng, trung tâm nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn, địa chấn, nghiên cứu khoa học nông, lâm nghiệp”.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, ngày 06/12/1999, tại Công văn số 11545/KHTC, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La tạo điều kiện giúp đỡ Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc có thủ tục cấp đất tại địa điểm mới để lập quy hoạch xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc thành Trường Đại học Tây Bắc.

Nỗ lực cố gắng mọi mặt để vượt qua khó khăn, thử thách, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc từng bước vươn lên phát triển nhanh chóng.

Từ năm 1991 đến năm 2000, Nhà trường đã đào tạo được trên 2000 giáo viên

cấp II có trình độ Cao đẳng Sư phạm thuộc các hệ đào tạo chính qui tập trung, hệ bồi dưỡng, hệ bồi dưỡng đặc biệt để công nhận đặc cách. Những sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp ra công tác ở các địa phương đều có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiều người đã trở thành giáo viên giỏi, cán bộ cốt cán ở các tỉnh Tây Bắc.

Công tác xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ được Nhà trường quan tâm đặc biệt. Đến năm 1999, số cán bộ giảng dạy có trình độ Thạc sĩ chiếm gần 40%. Việc bồi dưỡng ngoại ngữ và tin học cho cán bộ, giáo viên cũng được Nhà trường coi trọng.

Công tác xây dựng cơ sở vật chất, sau hơn 10 năm Nhà trường không được cấp kinh phí xây dựng cơ bản nên hệ thống nhà ở, lớp học xuống cấp nghiêm trọng. Tuy vậy, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã có những nỗ lực khắc phục khó khăn, tăng cường cơ sở vật chất bằng cách sử dụng hợp lý nguồn kinh phí Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp để chống xuống cấp tu sửa nhà cửa, lớp học. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí khá lớn để mua sắm sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác dạy và học. Số đầu sách mua sắm trong thời gian này lên đến 2000 bản. Hằng tháng, Nhà trường tiếp nhận khoảng 40 đầu báo, tạp chí các loại. Ngoài cơ sở vật chất hiện có, trong thời gian này, Trường đã mua sắm và xây dựng được 2 phòng học ngoại ngữ, trang bị thêm các phòng thí nghiệm Hoá - Sinh, Vật Lý tương đối hiện đại. Đồng thời, Nhà trường cũng đã xây dựng và sửa chữa được 24 phòng học, khu kí túc xá đủ chỗ cho hơn 600 sinh viên. Năm 1999, Nhà trường đã dành nguồn kinh phí Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp làm được gần 500 m đường bê tông.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng của Trường là Công đoàn và Đoàn Thanh niên thời gian này đã có nhiều cố gắng, góp phần vào việc củng cố và phát triển Nhà trường về mọi mặt.

Phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao của Trường vẫn được duy trì và đó là một trong những thế mạnh của Trường. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đều đặn các kỳ hội thao, hội diễn văn nghệ với không khí sôi nổi, chất lượng cao. Trường tham gia thường xuyên “Ngày hội Văn hoá - Thể thao” của tỉnh Sơn La do các trường luân phiên tổ chức. Tháng 10 năm 1998, Nhà trường đang cai tổ chức “Ngày hội Văn hoá - Thể thao” của tỉnh Sơn La với qui mô hoành tráng, nội dung và hình thức phong phú.

Những cố gắng vươn lên của Nhà trường về mọi mặt đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể ghi nhận và tặng nhiều danh hiệu cao quý.

Năm 1998, đồng chí Hoàng Lăng - Bí thư Đảng uỷ, Quyền Hiệu trưởng Nhà trường được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú”.

Năm 1999, Nhà trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; đồng chí Quyền Hiệu trưởng Hoàng Lăng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba.

Năm 2000, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ “Đơn vị tiên tiến xuất sắc”, Công đoàn Trường được Nhà nước tặng Huân chương Lao động Hạng Ba.

Ngoài ra, nhiều tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Từ năm học 1999 - 2000, Đảng bộ Nhà trường liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh

Tóm lại, 20 năm xây dựng và phát triển (1981 - 2000) là chặng đường đầy gian nan thử thách, song với bề dày truyền thống, với ý chí quyết tâm và trí tuệ tập thể, Nhà trường vẫn tìm ra giải pháp hiệu quả, có tính chất quyết định bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển đi lên của Trường. Đến năm 2000, Nhà trường đã có 3 khoa (Văn-Sử, Toán-Lí, Sinh-Hóa), 4 tổ bộ môn (Tổ Mác-Lênin, Tâm lí Giáo dục, Tổ Ngoại ngữ, Tổ Thể dục), Phòng Giáo vụ, Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Tổ chức Chính trị, Phòng Quản trị Đời sống, Tổ Tài vụ, Trạm xá, Ban Kiến thiết. Ngoài các đơn vị đào tạo, phòng, ban trên còn có các tổ chức đoàn thể như: Đoàn thanh niên, Công đoàn... Thành tựu lớn nhất trong công tác đào tạo của Nhà trường thời kỳ này là đã đào tạo, bồi dưỡng được 4.219 giáo viên có trình độ 10+3 và cao đẳng sư phạm cho sự nghiệp giáo dục các tỉnh Tây Bắc. Với những thành tựu của Nhà trường đạt được trong thời kỳ này đã góp phần tạo cơ sở, nền tảng để Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc vươn lên trở thành trường đại học đa ngành ở khu vực Tây Bắc.

Chương 3

SỰ THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ TRƯỜNG TỪ 2001 ĐẾN 2015

3.1. Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và sự thành lập Trường Đại học Tây Bắc

Bước vào thế kỷ XXI, sự phát triển của khoa học công nghệ, nhất là sự bùng nổ của thông tin đã mang đến cho các dân tộc nhiều vận hội để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Nhưng, trong quá trình hội nhập, các dân tộc cũng phải đối mặt với không ít những hiểm họa và thách thức. Hoà nhập nhưng không bị hoà tan là mục tiêu của các nước đang phát triển như nước ta.

Sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Tây Bắc đạt được những thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực. Cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại được cải thiện đáng kể; nền kinh tế đang từng bước có sự chuyển dịch từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ cấu kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Đời sống của người lao động không ngừng được cải thiện. Các lĩnh vực văn hoá giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, đến năm 2000, Tây Bắc vẫn là địa phương nghèo nhất của cả nước. Cơ sở hạ tầng tuy đã được cải thiện nhưng sự giao lưu trao đổi giữa các địa phương trong vùng và giữa Tây Bắc với các tỉnh miền xuôi vẫn hết sức khó khăn. Tính đến năm 2000, cả khu Tây Bắc mới có 3 cơ sở sản xuất có vốn đầu tư của nước ngoài nhưng vẫn chưa được đưa vào sản xuất. Thu nhập bình quân đầu người thuộc loại

thấp nhất trong cả nước, toàn khu mới chỉ đạt khoảng 142 USD/người/năm, trong đó Sơn La 127 USD/người, Lai Châu 145 USD/người... Nếu so sánh GDP bình quân đầu người của Tây Bắc với GDP bình quân đầu người của cả nước thì mới chỉ bằng trên 1/3; so với một số nước trong khu vực như Thái Lan chưa bằng 1/10, và GDP của Malaixia gần gấp 20 lần GDP bình quân đầu người của Tây Bắc (Năm 1998, GDP của Thái Lan là 1600 USD/người, Malaixia là 3400 USD/người, Việt Nam là 370 USD/người). Nhiều địa phương của Tây Bắc như Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Mường La (Sơn La), Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tủa Chùa (Lai Châu), thu nhập bình quân đầu người chỉ đạt trên dưới 100 USD/người/năm.

BẢNG THỐNG KÊ TỶ LỆ HỘ NGHÈO CÁC KHU VỰC TRONG CẢ NƯỚC

Khu vực	Năm 1993 (%)	Năm 1998 (%)
Tây Bắc	81,0	73,4
Tây Nguyên	70,0	52,4
ĐB sông Cửu Long	47,1	36,9
Đông Bắc	86,1	62,0
ĐB Sông Hồng	62,1	29,3
Duyên hải Bắc Trung bộ	74,5	48,1
Duyên hải Nam Trung bộ	47,2	34,5

(Nguồn: Số liệu của Tổng cục Thống kê)

Tây Bắc còn là địa phương có trình độ dân trí thấp nhất cả nước. Tính đến năm 2000, ở Tây Bắc vẫn còn 1/3 số xã chưa được phủ sóng truyền hình. Tuy là địa phương đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, nhưng tỷ lệ tái mù ở Tây Bắc còn cao. Đến năm 2000, hai tỉnh Sơn La, Lai Châu mới có 11.259 người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học (năm 1999 Sơn La, Lai Châu có 10.000 người có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học). Tỷ lệ bình quân số cán bộ có trình độ cao (đại học trở lên) chỉ có khoảng trên 50 người 1 vạn dân.

Trong khi đó, giáo dục, đào tạo của Tây Bắc còn nhiều bất cập và yếu kém. Theo số liệu thống kê năm 2000, ở Tây Bắc còn trên 50% số trường học là gianh tre, nửa lá. Trang thiết bị, đồ dùng phục vụ quá trình giảng dạy và học tập thiếu thốn. Năng lực chuyên môn của giáo viên không đều chưa đáp ứng yêu cầu của cải cách giáo dục. Số đông đội ngũ giáo viên cầm bản, xóa mù được đào tạo theo kiểu “cấp tốc” trước đây, đến nay vẫn chưa được đào tạo lại. Đến năm 2000, Sơn La, Lai Châu có Trường Cao Đẳng Sư phạm Tây Bắc, 08 trường trung cấp chuyên nghiệp của tỉnh. Tổng số học sinh, sinh viên các trường trung học chuyên nghiệp và cao đẳng trong vùng là 6.388 người.

Số lượng các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở Sơn La, Lai Châu được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Tên trường	Số học sinh, sinh viên	Giáo viên, giảng viên	Ghi chú.
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc	1.807	120	
2	Trường Trung học Sư phạm Sơn La	1.500	112	350 BD
3	Trường Trung học Sư phạm Lai Châu	1.200	78	228 BD
4	Trường TH Nông - Lâm Sơn La	493	32	
5	Trường TH Y Tê Sơn La	508	27	
6	Trường TH VHNT Sơn La	0	7	60BD
7	Trường Dạy nghề Sơn La	400	61	
8	Trường TH Kinh tế Lai Châu	291	24	160BD

9	Trường TH Y tế Lai Châu	189	16	
---	-------------------------	-----	----	--

Trên bình diện toàn khu vực, sự phân bố giáo dục, trường lớp, ngành nghề so với miền xuôi và giữa các địa phương trong vùng còn nhiều bất cập. Trong đó bất cập lớn nhất không chỉ là sự mất cân đối giữa các ngành nghề trong vùng, giữa các địa bàn với nhau và giữa các cấp học trong ngành giáo dục mà còn là nguồn nhân lực có trình độ cao ở Tây Bắc thuộc các lĩnh vực kinh tế, nông lâm, y-dược chủ yếu được đào tạo ở miền xuôi hoặc được tăng cường từ miền xuôi lên không phải được đào tạo tại chỗ ở Tây Bắc.

Thực trạng trên cho thấy, bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, khó khăn lớn nhất của các tỉnh Tây Bắc là thiếu hụt nguồn nhân lực có trình độ cao. Vì thế, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ có trình độ cao, có kỹ thuật nghề nghiệp vững vàng để tham gia vào quá trình lao động, thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Tây Bắc trở nên vô cùng cấp bách.

Trong bối cảnh lịch sử đó, để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ có trình độ cao (đại học) cho các tỉnh Tây Bắc, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc, một số điều cơ bản trong Quyết định như sau:

“Điều 1. Thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

Điều 2. Trường Đại học Tây Bắc có nhiệm vụ:

- 1. Đào tạo nhân lực có trình độ Đại học và Cao đẳng.*
- 2. Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức.*
- 3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc.*

Điều 3. Trường Đại học Tây Bắc trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trụ sở của trường đặt tại tỉnh Sơn La; Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng”.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngày 16/05/2001, Lễ công bố Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc được tổ chức tại Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc (Thị trấn Thuận Châu - Sơn La) trước sự chứng kiến của đông đảo đồng bào các dân tộc Tây Bắc, đại biểu Ban Dân tộc Trung ương, Ban Dân tộc Quốc hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và đại biểu của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Tây Bắc.

3.2. Sự phát triển của Trường Đại học Tây Bắc từ 2001 đến 2010

3.2.1. Về công tác tổ chức

Sau gần một tháng kể từ khi công bố Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc, ngày 12/06/2001, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số

3345/QĐ-BGD&ĐT-TCCB bổ nhiệm đồng chí Đặng Quang Việt, nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

Cũng trong thời gian này, đề ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ Thuận Châu, Đảng bộ Nhà trường tiến hành Đại hội Nhiệm kỳ XIX (2001 - 2005). Đại hội đã bầu đồng chí Đặng Quang Việt làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Văn Bao làm Phó Bí thư Đảng bộ, cùng 7 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng uỷ.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng uỷ, hệ thống tổ chức Đảng trong Trường từng bước được kiện toàn. Ngoài các chi bộ được thành lập từ trước (Toán - Lí, Sinh - Hoá, Ngữ văn, Tổ chức - Tài vụ, Đào tạo, Hành chính Tổng hợp, Chi bộ Môn chung), Đảng uỷ ra quyết định thành lập mới Chi bộ khoa Sử - Địa (2002), Chi bộ khoa Tiểu học - Mầm non (2003). Tháng 12/2003, Đảng bộ Nhà trường trở thành Đảng bộ cơ sở trực thuộc Tỉnh uỷ Sơn La.

Ban Giám hiệu giai đoạn 2001 - 2007 gồm có: Hiệu trưởng là đồng chí Đặng Quang Việt, hai Phó Hiệu trưởng là đồng chí Lò Tiến Thâm và đồng chí Nguyễn Văn Bao.

Tháng 9/2005, Đảng bộ tiến hành Đại hội nhiệm kỳ XX (2005 - 2010), đồng chí Đặng Quang Việt được bầu lại làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Văn Bao được bầu lại làm Phó bí thư Thường trực, cùng 3 đồng chí trong Ban Thường vụ và 10 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ. Nhiệm kỳ XX, Đảng uỷ cũng ra Quyết định thành lập mới Chi bộ khoa Nông - Lâm - Kinh tế (2006), Chi bộ khoa Ngoại ngữ (2008), Chi bộ khoa Lí luận Chính trị (2009), Chi bộ khoa Kinh tế (2009).

Ban Giám hiệu giai đoạn 2007 - 2012 gồm có: Hiệu trưởng đồng chí Đặng Quang Việt (bổ nhiệm lại), hai Phó Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Văn Bao (bổ nhiệm lại) và đồng chí Đinh Thanh Tâm (Quyết định số 7854/QĐ - BGD&ĐT ngày 12/12/2007).

Tháng 6 năm 2010, Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc tiến hành Đại hội nhiệm kỳ XXI (2010 - 2015), đồng chí Đặng Quang Việt tiếp tục được bầu lại làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Văn Bao tiếp tục được bầu lại làm Phó Bí thư Thường trực, cùng 3 Ủy viên Ban Thường vụ và 14 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng uỷ. Đến tháng 6/2010, toàn Đảng bộ có 14 chi bộ: Toán - Lí - Tin, Sinh - Hoá, Ngữ văn, Tổ chức - Tài vụ, Đào tạo - Quản lí Khoa học, Hành chính Tổng hợp, Môn chung, Sử - Địa, Nông - Lâm, Tiểu học - Mầm non, Ngoại ngữ, Lí luận Chính trị, Kinh tế, Công tác Chính trị và Quản lí người học. Tổng số đảng viên trong Đảng bộ là 351 người.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên Nhà trường được đặc biệt coi trọng.

Để thực hiện Quyết định số 2905/QĐ/BGD&ĐT ngày 11/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Minh Hiền, Trường Đại học Tây Bắc đã tích

cực làm việc với các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Ngoại Ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội... mời giáo viên lên thỉnh giảng cho các lớp đại học và Thạc sĩ tại Trường. Từ 2001 đến 2010, Nhà trường đã mời được 145 lượt Giáo sư, 228 lượt Phó Giáo sư, 364 lượt Tiến sĩ lên tham gia giảng dạy và báo cáo chuyên đề khoa học, góp phần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên của Trường và nâng cao chất lượng đào tạo hệ đại học. Mười năm qua, Nhà trường đã liên kết với các trường đại học khác mở được 18 lớp Thạc sĩ thuộc các ngành: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Chính trị, Kinh tế, Công nghệ Thông tin, Anh văn, Lịch sử, Địa lí, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Giáo dục Thể chất, Tâm lí Giáo dục.

Ngoài ra, để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ giảng viên, từ 2001 đến 2010, Nhà trường đã cử được 7 đoàn cán bộ, giáo viên đi thăm quan học tập kinh nghiệm về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học ở các nước Trung Quốc, Thái Lan, Mỹ, Canada, Singapore, Malaixia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Niu Dilân, Úc.

Kết quả, đến tháng 8/2010, Trường có 372 cán bộ, giảng viên (giảng viên là 270, cán bộ 94), trong đó có 1 PGS.Tiến sĩ, 11 Tiến sĩ, 30 Nghiên cứu sinh, 147 Thạc sĩ (cập nhật thông tin ở Phòng Tổ chức Cán bộ)

Cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Đại học Tây Bắc tính đến 08/2010 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị	T.Số	PGS	Tiến sĩ	Ths	CN	Tr.độ khác	Ghi chú
BGH	3	1		2			
P. Tổ chức Cán bộ	4			1	2	1	
P.HCTH	23			2	4	17	
P. Đào tạo	23		1	8	12	2	
P. QLKHQHQT	3			2	1		
P. Công tác Chính trị	5			2	3		
VP. Đảng uỷ	2				2		
VP. Công đoàn	1				1		
VP. Đoàn trường	2				2		
Trang Website	1				1		
Dự án	1				1		
Trạm xá	2					2	
P.Tài vụ	7				6	1	
Ban Nội trú	8			1	2	5	
K.Toán - Lí - Tin	48		3	30	15		
K.Ngữ văn	24		1	22	1		
K. Sử - Địa	28		2	14	12		
K.Sinh - Hoá	30		1	15	14		
K.Ngoại ngữ	19			12	7		
K.LL Chính trị	18			11	7		
K. Kinh tế	18			2	16		
K. Nông - Lâm	52		1	10	29	12	
Khoa Tiểu học Mầm non	22		1	7	14		
BM. TLGD	11		1	5	5		
Khoa Thể dục Thể thao	18			1	17		
Tổng cộng	373	1	11	147	174	40	

(Nguồn: Số liệu tại Phòng Tổ chức Cán bộ trường, tính đến tháng 08/2010)

Bộ máy tổ chức của Trường Đại học Tây Bắc, bao gồm:

1. Ban Giám hiệu gồm có: Hiệu trưởng và hai Phó Hiệu trưởng.

2. Phòng chức năng gồm có: Phòng Quản lý Khoa học và Quan hệ Quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Công tác Chính trị, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Tài vụ, Trạm xá, Ban Quản lý Khu Nội trú.

3. Đơn vị chuyên môn gồm có: khoa Toán - Lí - Tin (2002), khoa Ngữ văn (2002), khoa Sinh - Hoá (2002), khoa Sử - Địa (2002), khoa Tiểu học - Mầm non (2003), khoa Nông - Lâm - Kinh tế (2006), khoa Ngoại Ngữ (2008), khoa Lí luận Chính trị (2009), khoa Kinh tế (2009), khoa Thể dục Thể thao (2010), Bộ môn Tâm lí Giáo dục.

Ngoài các đơn vị trên, bộ máy tổ chức của Trường còn có: Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ (2006), Ban Chỉ đạo Dự án xây dựng Trường (2006), Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyển giao công nghệ (2009).

3.2.2. Về công tác đào tạo

Trong điều kiện của một trường đại học vừa mới được thành lập, cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị phục vụ quá trình dạy học thiếu thốn, đội ngũ giảng viên vừa thiếu lại vừa yếu, cốt cán chuyên môn không nhiều, chưa có kinh nghiệm đào tạo đại học... trong khi đó, trọng trách của Trường Đại học Tây Bắc trong việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho các tỉnh Tây Bắc lại hết sức nặng nề.

Ngay từ đầu, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã xác định công tác đào tạo là nhiệm vụ chính trị trung tâm của Nhà trường, vì thế trong bất kỳ điều kiện hoàn cảnh nào, dù khó khăn đến đâu cũng phải giữ vững và không ngừng mở rộng qui mô, loại hình đào tạo.

Năm học 2001 - 2002, Trường có 12 lớp Cao đẳng chính quy, 02 lớp Đại học chính quy (khóa đầu tiên) với 64 sinh viên (1 lớp Đại học Sư phạm Ngữ văn, 1 lớp Đại học Sư phạm Toán), 02 lớp Dự bị.

Từ 2002 đến 2004, ngoài những lớp và ngành học đã có, Trường mở thêm các lớp mới: Đại học Sư phạm Lịch sử, Đại học Sư phạm Sinh, Đại học Sư phạm Tiểu học, Đại học Sư phạm Mầm non, Đại học Sư phạm Vật lí, Đại học Sư phạm Hoá học, Đại học Sư phạm Tiếng Anh, Đại học Sư phạm Địa lí.

Từ năm học 2003 - 2004, để đáp ứng nhu cầu củng cố đội ngũ, nâng cao trình độ cho cán bộ giảng viên, Nhà trường đã đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường liên kết với Đại học Sư phạm Hà Nội mở 3 lớp Thạc sĩ tại Trường: 1 lớp Thạc sĩ Ngữ Văn, 1 lớp Thạc sĩ Toán và 1 lớp Thạc sĩ Quản lí. Trong thời gian này, Nhà trường còn mở thêm một số ngành học ngoài sư phạm như: Nông học, Lâm sinh, Kế toán.

Năm học 2005 - 2006, Nhà trường đã mở được 15 ngành đào tạo đại học, trong đó có 5 ngành ngoài Sư phạm; 5 ngành đào tạo cao đẳng, trong đó có 1 ngành ngoài Sư phạm. Tổng số sinh viên của Trường là 5.225, trong đó, tỷ lệ học sinh là con em các dân tộc thiểu số chiếm gần 30%. Riêng năm học 2005 - 2006, số sinh viên thuộc thành phần các dân tộc thiểu số trúng tuyển vào Trường chiếm 34,8%.

Năm học 2009 - 2010, Trường có 29 ngành đào tạo Đại học (tính cả 4 ngành liên thông từ trung cấp lên đại học), trong đó có 8 ngành ngoài Sư phạm. Nhà trường cũng đã liên kết với một số trường đại học: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Bách khoa Hà Nội, mở được 18 lớp Thạc sĩ thuộc các ngành: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Hoá học, Chính trị, Vật lí, Khoa học máy tính, Giáo dục Thể chất, Nông học, Lâm sinh, Kinh tế. Đến năm học 2009 - 2010, tổng số sinh viên toàn Trường là 11.582, trong đó hệ Chính quy có 6.967 sinh viên, được biên chế thành 109 lớp. Tỷ lệ sinh viên là người dân tộc thiểu số chiếm gần 40%. Địa bàn tuyển sinh được mở rộng bao gồm các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra, chất lượng đầu vào ngày càng được nâng cao.

Công tác tạo nguồn thông qua hệ Dự bị đại học cho ngành Nông học, Lâm sinh được coi trọng

Với những cố gắng trên, chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng không ngừng được nâng cao. Hằng năm, tỷ lệ sinh viên được xét tiếp tục tiến độ học tập luôn đạt từ 95% trở lên. Công tác kiến tập của các lớp Đại học Sư phạm và Cao đẳng Sư phạm 100% được đánh giá xếp loại khá trở lên, trong đó, có trên 80% đạt loại giỏi. Kết quả tốt nghiệp của sinh viên luôn đạt từ 95 - 98%, trong đó có 30% đạt loại Khá và Giỏi.

THỐNG KÊ MỖ NGÀNH ĐÀO TẠO TỪ 2001 ĐẾN 2010

STT	Năm học bắt đầu được tuyển sinh	Đào tạo trình độ đại học	Đào tạo trình độ cao đẳng
1	2001-2002	SP Toán	SP Hoá - Sinh
2	2001-2002	SP Ngữ Văn	SP Toán - Tin
3	2002-2003	SP Lịch sử	
4	2002-2003	SP Sinh học	
5	2003-2004	GD Tiểu học	Tiếng Anh
6	2003-2004	GD Mầm non	Tin học
7	2003-2004	Nông học	
8	2003-2004	Lâm sinh	
9	2004-2005	SP Vật lý	Sinh - Thể dục
10	2004-2005	SP Địa lý	Văn - GD CD
11	2004-2005	SP Hoá học	
12	2004-2005	SP Tin học	
13	2004-2005	SP Tiếng Anh	
14	2004-2005	Kế toán	

15	2005-2006	GD Chính trị	Giáo dục thể chất
16	2005-2006	Chăn nuôi	
17	2006-2007	SP Toán - Lý	GD Mầm non
18	2006-2007	SP Văn - GDCD	SP Tiếng Anh
19	2006-2007	SP Sử - Địa	
20	2006-2007	SP Sinh - Hoá	
21	2009-2010	Kế toán (liên thông TC lên ĐH)	SP Nhạc-Công tác đội
22	2009-2010	KH cây trồng (liên thông TC lên ĐH)	
23	2009-2010	GD Tiểu học (liên thông TC lên ĐH)	
24	2009-2010	GD Mầm non (liên thông TC lên ĐH)	
25	2009-2010	Công nghệ thông tin	
26	2009-2010	Bảo vệ thực vật	
27	2009-2010	Quản lý Tài nguyên rừng và môi trường	
28	2009-2010	Quản trị Kinh doanh	Quản trị kinh doanh
29	2010-2011	GD Thể chất	

TỔNG HỢP	Từ 2001 đến 2010	Mở được 29 ngành đại học (tính cả 4 ngành liên thông từ TC lên ĐH), trong đó có 8 ngành ngoài SP	Mở được 11 ngành đào tạo trình độ cao đẳng (có 3 ngành ngoài SP)
	Từ 2005 đến 2010	Mở được 15 ngành đại học (tính cả 4 ngành liên thông từ TC lên ĐH), trong đó có 5 ngành ngoài SP.	Mở được 5 ngành đào tạo trình độ cao đẳng (có 1 ngành ngoài SP)

QUY MÔ SINH VIÊN NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2009 - 2010**1. Quy mô, số lượng các lớp chính quy phân theo ngành và trình độ đào tạo:****a. Trình độ đại học:**

Ngành	Tổng số sinh viên	Tổng số sinh viên phân theo năm đào tạo				
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
		5872	1693	1446	1499	1234
1. SP Toán	397	123	94	104	76	
2. SP Vật lý	282	79	68	75	60	
3. SP Tin	163	48	55	70	38	
4. CNTT	212					
5. QTKD	179	36				
6. SP Hóa học	270	68	69	74	59	
7. SP Sinh học	316	71	87	90	68	
8. Lâm sinh	277	30	96	91	60	

9. QLTN rừng và MT	58	58	0	0	0	
10. Nông học	329	62	104	91	72	
11. Kế toán	408	129	80	103	96	
12. Ngữ văn	372	128	90	70	84	
13. SP Lịch sử	335	97	71	80	87	
14. SP Địa lý	386	97	98	94	97	
15. GD Chính trị	311	103	80	67	61	
16. SP Tiếng Anh	313	62	54	80	117	
17. GD Tiểu học	289	94	75	60	60	
18. GD Mầm non	269	88	59	50	72	
19. SP Sinh - Hóa	212	48	47	117	0	
20. SP Sử - Địa	229	83	87	59	0	
21. SP Toán - Lý	262	83	65	54	60	
22. SP Văn - GDCD	310	106	67	70	67	

b. Các ngành đào tạo trình độ cao đẳng :

Ngành	Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo			
	Tổng số	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
	1095	426	371	298
1. Ngành SP Toán - Tin	118	0	67	51
2. Ngành SP Toán - Lý	65	65	0	0
3. Ngành GD Thể chất	144	48	52	44
4. Ngành SP Sử - Địa	224	73	79	72
5. Ngành SP Văn - GDCD	63	63	0	0
6. Ngành SP Tiếng Anh	117	0	64	53
7. Ngành SP Sinh - Hóa	56	0	56	0
8. Ngành SP Hoá - Sinh	88	45	0	43
9. Ngành GD Mầm non	129	41	53	35
10. Ngành Tin học	63	63	0	0
11. Ngành Tiếng Anh	28	28	0	0

2. Quy mô, số lượng các lớp phi chính quy phân theo ngành và trình độ đào tạo:**a. Đào tạo theo hình thức VLVH (Tại chức cũ)**

Ngành	Tổng số sinh viên	Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo		
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
I-Đại học	2.066	706	659	701
1. Ngành SP Tin	50	0	50	0
2. Ngành Lâm sinh	38	38	0	0
3. Ngành Kế toán	1074	615	376	83
4. Ngành GD Tiểu học	546	53	151	342

5. Ngành GD Mầm non	358	0	82	276

b. Đào tạo theo hình thức liên thông từ cao đẳng lên đại học:

Ngành	Tổng số sinh viên	Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo	
		Năm thứ 1	Năm thứ 2
I- Đại học	1549	1034	515
1. Ngành SP Toán học	291	138	153
2. Ngành SP Ngữ văn	170	89	81
3. Ngành SP Sinh học	178	75	103
4. Ngành SP Lịch sử	104	74	30
5. Ngành SP Địa lý	82	33	49
6. Ngành Tin học	53	53	0
7. Ngành SP Hoá học	109	39	70
8. Ngành SP Tiếng Anh	13	13	0
9. Ngành GD Tiểu học	257	228	29
10. Ngành GD Mầm non	292	292	0

3. Học sinh Dự bị và Cử tuyển

Năm học	Tổng số học sinh	Học sinh Dự bị (A,B)	
		Thi tuyển	Cử tuyển
2009 - 2010	146	98	48

(Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo tính đến tháng 6/2010)

Mỗi năm có từ 1400 đến 1800 (chiếm 96 - 98%) sinh viên thuộc các ngành Sư phạm, Công nghệ Thông tin, Kinh tế, Nông - Lâm tốt nghiệp ra trường. Trong đó, số lượng sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi chiếm từ 0,2 đến 1%.

3.2.3. Về hoạt động nghiên cứu khoa học

Đề xứng đáng là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu Tây Bắc và định hướng cho công tác đào tạo của Nhà trường, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đặc biệt coi trọng công tác nghiên cứu khoa học. Hằng năm, Nhà trường dành nguồn kinh phí nằm trong ngân sách nhà nước cho mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học luôn đạt từ 500 đến 700 triệu đồng. Những năm 2003, 2004 nguồn kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học đạt trên 1 tỷ đồng.

Từ năm 2001 đến 2010, Trường đã triển khai thực hiện được 10 đề tài cấp Tỉnh; 26 đề tài cấp Bộ; 282 đề tài cấp Trường của cán bộ, giảng viên và 697 đề tài của sinh viên, trong đó có 21 đề tài đạt giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, bản tin khoa học và công nghệ của Trường được xuất bản đều đặn, đến nay đã xuất bản được 15 số bản tin khoa học; cán bộ giảng viên trong Trường đã đăng được 45 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước, 11 bài báo quốc tế.

Cùng với việc triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, Nhà trường cũng đã tập trung chỉ đạo cán bộ giảng dạy xây dựng và đưa vào sử dụng 184 bộ ngân hàng dữ liệu đề thi thuộc các bộ môn. Kết quả nghiệm thu, đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học của giáo viên, sinh viên luôn đạt 100% loại khá trở lên, trong đó có trên 50% đề tài được xếp loại xuất sắc.

Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tập trung vào việc đổi mới phương pháp dạy học; nghiên cứu năng lực học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Tây Bắc; nghiên cứu về lịch sử, địa lí địa phương; bảo tồn nguồn gen quý hiếm của một số cây trồng, vật nuôi tại địa phương... Ngân sách dành chi cho nghiên cứu khoa học Hằng năm đạt từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng (cả các đề tài cấp Tỉnh).

Từ năm 2001 đến 2010, Nhà trường đã tiến hành triển khai được 05 dự án đầu tư bằng nguồn vốn trong nước và tài trợ quốc tế: Dự án PHE do quỹ Ford tài trợ góp phần tạo nguồn cho công tác tuyển sinh của Trường (2003), Dự án “Tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm Hoá phân tích” và Dự án “Tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm Hoá Hữu cơ” của Trường Đại học Tây Bắc” và Dự án “Giáo dục đại học 2” do quỹ TRIG tài trợ. Năm 2010, Cơ quan Hợp tác Quốc tế của Chính phủ Nhật Bản (JICA) tài trợ cho Nhà trường Dự án “Nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu cho cán bộ giảng viên Trường Đại học Tây Bắc” trị giá 2,4 triệu USD. Cán bộ giảng viên Nhà trường đã thực hiện 11 dự án chuyển giao công nghệ cho các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Lai Châu.

Cùng với những hoạt động trên, từ 2001 đến 2010, Nhà trường đã tổ chức được 15 hội thảo về: “Chiến lược phát triển của Trường Đại học Tây Bắc đến 2010 và tầm nhìn đến 2020”, “Đánh giá thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực các tỉnh Tây Bắc” phục vụ cho công tác đào tạo, xây dựng “Qui chế chi tiêu nội bộ”, “Qui chế học vụ”, “Qui chế dân chủ cơ sở”, “Qui chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc”, xây dựng “Ngân hàng dữ liệu đề thi”, ... Hằng năm, Nhà trường cử hàng trăm lượt cán bộ giáo viên tham dự các lớp tập huấn về đào tạo theo học chế tín chỉ, đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các học viện, trung tâm nghiên cứu tổ chức.

3.2.4. Về công tác xây dựng cơ sở vật chất

Sau khi Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La đồng ý cấp đất (1999), Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, Trường Đại học Tây Bắc đã từng bước hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xây dựng Trường Đại học Tây Bắc.

Trong khi chờ Chính phủ phê duyệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép Trường lập Dự án đầu tư xây dựng cụm công trình Nhà điều hành và nhà học khối các khoa sư phạm, với tổng số vốn đầu tư trên 76 tỷ đồng. Ngày 22/06/2002, Nhà trường đã long trọng khởi công cụm công trình đầu tiên tại Phường Quyết Tâm, Thị xã Sơn La trước sự tham dự đông đảo của các cán bộ lão thành cách mạng ở Sơn La, đại biểu của các Bộ, Ngành của Trung ương và địa phương, đại biểu của Ủy ban

Nhân dân, Hội đồng Nhân dân các tỉnh Tây Bắc, các cơ quan thông tấn báo chí của Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Nhân dân, Đài Truyền hình Sơn La, Báo Sơn La, cùng đông đảo giáo viên, cán bộ, sinh viên của Trường.

Sau đó, tại văn bản số 216/CP-KH ngày 23/03/2004, Chính phủ đã thông qua Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Tây Bắc và cho phép Trường tiếp tục triển khai thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng cụm công trình nói trên.

Trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu khả thi của Trường và ý kiến của các Bộ, của tỉnh Sơn La, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1335/VPCP-KG cho phép đầu tư Dự án khả thi xây dựng Trường Đại học Tây Bắc.

Tiếp đó, ngày 27/04/2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hoàn thiện Trường Đại học Tây Bắc với số vốn trên 627 tỷ đồng. Dự án này đã được Chính phủ bổ sung vào danh mục dự án nhóm A.

Như vậy, sau 3 năm chuẩn bị, triển khai, Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng hoàn thiện Trường Đại học Tây Bắc đã được phê duyệt với tổng vốn đầu tư của 2 dự án là 703.686.338.000 đồng.

Từ năm 2005, Thư viện Nhà trường có 4.511 đầu sách, 100.498 cuốn sách các loại; 56 đầu báo, tạp chí chính trị xã hội và chuyên ngành; 250 dàn máy vi tính đã được nối mạng LAN... Ngoài các phòng học cũ, trong thời gian này, Nhà trường còn xây dựng thêm được hàng chục phòng học cấp 4, mua sắm và xây dựng mới được 2 phòng học ngoại ngữ, 2 phòng học tin học. Các phòng thí nghiệm của bộ môn: Vật lý, Hoá học, Sinh học, Lâm sinh được trang bị mới nhiều đồ dùng hiện đại. Để đáp ứng yêu cầu bức thiết về nơi ăn chỗ ở cho giáo viên thỉnh giảng, năm 2003, Nhà trường đã dành kinh phí xây dựng mới khu nhà khách 12 phòng, tiện nghi được trang bị đầy đủ.

Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trường tại cơ sở mới ở Thị xã Sơn La, ngày 14/01/2005, Nhà trường đã đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh uỷ Sơn La mở Hội nghị bàn về xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Bắc tại Thị xã Sơn La, thành phần: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tây Bắc, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh Tây Bắc và các trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ giúp đỡ Nhà trường. Nhờ vậy, tiến độ xây dựng Trường ở cơ sở mới tại Thị xã Sơn La được đẩy nhanh; khu Nhà Điều hành, kí túc xá đã hoàn thiện và được bàn giao công trình đúng thời hạn.

Ngày 8/12/2007, khu Nhà Điều hành 7 tầng cùng với cụm giảng đường, gồm 3 nhà 5 tầng đã hoàn thành và được đưa vào nghiệm thu. Sau đó, ngày 23/04/2007, Đảng uỷ - Ban Giám hiệu Nhà trường đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La và gửi Công văn số 212 ngày 11/06/2007 báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc di chuyển Nhà trường về Thị xã Sơn La. Được sự nhất trí của Bộ, sự tạo điều kiện giúp

đỡ của Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Sơn La, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã quyết định chuyển Trường về Thị xã Sơn La.

Ngày 26/08/2007, đúng vào dịp kỷ niệm 62 năm khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 ở Sơn La thắng lợi, Nhà trường tổ chức Lễ khánh thành khu Nhà Điều hành ở cơ sở mới.

Từ năm 2007, cơ sở vật chất của Trường gồm 2 cơ sở: ở Thuận Châu có 10,322 ha; tại Thị xã Sơn La diện tích mặt bằng của Nhà trường đã giải phóng được là 23 ha. Hệ thống lớp học, nơi làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị phòng, ban, khoa, trung tâm đã khang trang hơn và ngày càng được củng cố tăng cường. Hiện nay, cơ sở vật chất của Trường tại Thành phố Sơn La đã bao gồm toà Nhà Điều hành 7 tầng và 3 giảng đường 5 tầng; 5 kí túc xá sinh viên có sức chứa 2.500 sinh viên đã được đưa vào sử dụng.

Để đáp ứng yêu cầu bức thiết về nơi ăn chỗ ở cho giáo viên, cán bộ, Nhà trường đã tiến hành phân đất đợt 1 cho 50 hộ gia đình.

Song song với công tác xây dựng cơ sở vật chất ở cơ sở mới tại Thành phố Sơn La, Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến việc củng cố cơ sở vật chất tại Thuận Châu. Hệ thống đường xá, tường rào, lớp học và nơi làm việc của khoa Nông - Lâm cũng thường xuyên được duy tu sửa chữa. Bộ phận thư viện, các phòng đọc, phòng học tiếng và nơi làm việc của cán bộ giáo viên cũng đã được kết nối hệ thống internet.

Có thể nói, từ một ngôi trường sau 47 năm tồn tại phát triển ở thị trấn Thuận Châu, cơ sở vật chất hết sức nghèo nàn, nơi làm việc của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu cùng các phòng, ban, khoa, cũng như nơi ăn, chỗ ở của giáo viên, cán bộ và sinh viên còn hết sức tạm bợ, đến nay, Nhà trường đã có một cơ sở khang trang sạch đẹp với những tiện nghi hiện đại ngang tầm một trường đại học có tính chất Vùng. Đây là điều kiện thuận lợi căn bản để Nhà trường từng bước vươn lên thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của mình trong giai đoạn mới.

3.2.5. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng

Để phục vụ tốt cho công tác đào tạo trong giai đoạn mới, các tổ chức đoàn thể trong Trường như Công đoàn, Đoàn thanh niên đã đẩy mạnh các hoạt động, thực hiện tốt chức trách của mình và đã đạt được nhiều thành tích góp phần đáng kể vào sự phát triển Nhà trường về mọi mặt.

Từ 2001 đến 2010, Công đoàn Nhà trường liên tục được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tặng danh hiệu là Công đoàn cơ sở vững mạnh, Đơn vị tiên tiến xuất sắc trong khối các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ 2001 đến 2010 cũng liên tục được Tỉnh đoàn tặng Bằng khen là đơn vị thi đua khá nhất khối các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp. Từ 2005 đến 2010, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường liên tục được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Minh tặng cờ Luân lưu Đơn vị có thành tích xuất sắc trong khối các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Phong trào văn hoá văn nghệ, thể thao của Trường có nhiều khởi sắc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đều đặn các kỳ hội thao, hội diễn văn nghệ với không khí sôi nổi, chất lượng. Trường tham gia thường xuyên “Ngày Hội văn hóa thể thao” của Tỉnh. Các chương trình của Trường tham gia luôn được đánh giá có quy mô hoành tráng, chất lượng. Tháng 9/2004, đội văn nghệ Nhà trường tham dự “Hội thi tiếng hát Học sinh, Sinh viên Toàn quốc” tại Thủ đô Hà Nội đã đạt 1 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc và 3 Huy chương Đồng. Tháng 12/2004, nhân kỷ niệm 60 năm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nhà trường cử đội văn nghệ đi dự “Hội thi Tiếng hát Lực lượng vũ trang tỉnh Sơn La” và đã giành 2 giải A, 3 giải B... Năm 2001, Nhà trường cử đoàn vận động viên tham dự Giải thể thao tại Nha Trang và đã đạt 2 Huy chương Bạc, 1 Huy chương Đồng. Năm 2004, Nhà trường tiếp tục cử đoàn vận động viên tham dự giải Việt dã Báo Tiền Phong tại Sơn La và đã giành 2 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Đồng. Năm 2005, Nhà trường cử đoàn vận động viên tham dự Giải Điền kinh học sinh, sinh viên Toàn quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả giành 2 Huy chương Vàng, 2 Huy chương Bạc, 3 Huy chương Đồng.

Sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của những cá nhân và tập thể Nhà trường đã được các cấp Đảng, chính quyền, đoàn thể ghi nhận và tặng những danh hiệu cao quý.

Năm 2002, đồng chí Đặng Quang Việt - Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Nhà trường được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú”.

Năm 2005, đồng chí Đặng Quang Việt - Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng Nhà trường được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Cùng với những phần thưởng cao quý trên, còn có 31 đồng chí được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục - Đào tạo và Huy chương “Vì sự nghiệp Giáo dục”.

Từ 2005 đến 2010, Nhà trường liên tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc; Chính phủ tặng cờ “Dẫn đầu khối các trường Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo” (năm 2006 - 2007); Chính phủ tặng Bằng khen cho 06 tập thể và cá nhân; 37 đồng chí đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huy chương “Vì sự nghiệp giáo dục” và danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 69 Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 52 Bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La; 27 Bằng khen của Tỉnh uỷ Sơn La, 04 Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Năm 2006, đồng chí Nguyễn Văn Bao - Phó Bí thư Đảng uỷ, Phó Hiệu trưởng Nhà trường được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú”.

Năm 2008, đồng chí Nguyễn Văn Đệ - Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú”.

Năm 2010, Trường Đại học Tây Bắc được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba.

Tóm lại, trong gần 10 năm xây dựng phát triển, Trường Đại học Tây Bắc đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, từng bước phát triển đi lên và đạt được những thành tựu rực rỡ về tất cả các mặt. Một trong những thành tựu rực rỡ nhất của Nhà trường đạt được thời gian qua là đã xây dựng được đội ngũ giáo viên cán bộ hùng hậu nhất trong lịch sử 50 năm của Nhà trường. Hiện nay, Trường có 1 Phó Giáo sư, 3 Nhà giáo Ưu tú, 11 Tiến sĩ và 145 Thạc sĩ và 30 nghiên cứu sinh; Nhà trường đã đào tạo được 14.307 sinh viên thuộc các ngành Sư phạm, Nông lâm, Kinh tế, Khoa học máy tính. Hầu hết những Cử nhân tốt nghiệp dưới mái Trường Đại học Tây Bắc ra trường đều có việc làm, được xã hội thừa nhận, đánh giá cao; trong số những sinh viên tốt nghiệp, nhiều em đã trở thành giảng viên của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và có không ít sinh viên đã thi đỗ vào các lớp Thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Quốc gia. Có thể nói, đây là thành quả rực rỡ mừng Đại lễ 50 năm thành lập Trường Đại học Tây Bắc.

3.3. Sự phát triển của Trường Đại học Tây Bắc từ 2011 đến 2015

3.3.1. Kiện toàn bộ máy tổ chức

Sau lễ kỉ niệm 50 năm ngày thành lập, Bộ máy tổ chức Trường Đại học Tây Bắc về cơ bản vẫn giữ nguyên sự ổn định. Sang năm học 2011- 2012, trên cơ sở của Tổ thư viện, Nhà trường cho thành lập Trung tâm Thông tin-Thư viện.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng mới, từ giữa tháng 8 năm 2012, Nhà trường đã triển khai công tác lấy thư giới thiệu, bỏ phiếu tín nhiệm bầu chức danh Hiệu trưởng. Căn cứ vào kết quả thư giới thiệu và phiếu tín nhiệm của Nhà trường, ngày 23/10/2012, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 4546/QĐ-BGD&ĐT bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Bao, nguyên Phó Hiệu trưởng giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc nhiệm kì (2012-2017). Sau khi Bộ giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm Hiệu trưởng mới, Nhà trường tiến hành sắp xếp lại bộ máy tổ chức.

Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng trên, dưới sự chỉ đạo của tỉnh ủy Sơn La, Đảng bộ Nhà trường kiện toàn lại Ban chấp hành Đảng ủy Nhiệm kỳ (2010 -2015). Đồng chí Nguyễn Văn Bao được bầu làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Đinh Thanh Tâm trúng cử Phó Bí thư Đảng bộ, cùng với hai đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng ủy, thường vụ Đảng ủy.

Trong xu thế phát triển mới của Nhà trường, cơ cấu tổ chức Đảng cũng từng bước được hoàn thiện. Giai đoạn này, Đảng ủy ra quyết định thành lập mới Chi bộ Trường TH,THCS và THPT Chu Văn An (2013),...Ngoài ra, một số chi bộ được thành lập trước đó (Toán-Lí-Tin, Ngữ văn, Sinh- Hóa, Đào tạo) cũng được bổ sung hoặc cơ cấu lại về nhân sự.

Tiến tới Đại hội Đảng bộ Tỉnh Sơn La lần thứ XIV và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, từ ngày 5 tháng 6 năm 2015, Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc tiến hành Đại hội lần thứ XXII (2015-2020). Tham dự Đại hội có 100 đại biểu đến từ 18 chi bộ trong toàn trường. Đại hội lần này được đón tiếp đồng chí Hoàng Văn Chất – Bí thư Tỉnh ủy Sơn La tới dự và chỉ đạo. Sau hai ngày làm việc, Đại hội đã bầu ra một Ban Chấp hành Đảng ủy gồm 15 Ủy viên, trong đó đồng chí Nguyễn Văn Bao tiếp tục được bầu lại trên cương vị Bí thư Đảng bộ, đồng chí Đinh Thanh Tâm tiếp tục được bầu lại làm Phó Bí thư Thường trực, cùng 3 Ủy viên Ban Thường vụ.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu được kiện toàn, gồm có: đồng chí Nguyễn Văn Bao – Hiệu trưởng cùng ba đồng chí Phó Hiệu trưởng là Đinh Thanh Tâm, Nguyễn Triệu Sơn và Đoàn Đức Lân.

Đáp ứng cho sự phát triển của Nhà trường trong điều kiện mới, cơ cấu tổ chức phòng, ban, khoa, trung tâm tiếp tục được hoàn thiện. Một số đơn vị cũ giữ nguyên tên gọi, hoặc được đổi tên cho sát hợp nhiệm vụ như Phòng Đào tạo thành Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ Quốc tế thành Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Phòng Tài vụ thành Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Công tác Chính trị thành Phòng Công tác Chính trị và Quản lý người học. Điều đáng lưu ý trong nhiệm kỳ Hiệu trưởng (2012-2017), là sự ra đời của một số đơn vị mới: Phòng Quản trị Cơ sở vật chất, Phòng Đào tạo Sau Đại học, Phòng Khảo thí và Bảo đảm Chất lượng giáo dục, Trung tâm Giáo dục quốc phòng - An ninh sinh viên Tây Bắc, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các dân tộc Tây Bắc, Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông- Lâm nghiệp, Trường Phổ thông thực hành Chu Văn An, Phòng Thanh tra- Pháp chế, Ban Y Dược.

Bộ máy tổ chức của trường Đại học Tây Bắc (2012-2017), đã có sự phát triển mạnh mẽ và vận hành hoạt động một cách hiệu quả. Tính tới thời điểm hiện nay bao gồm các đơn vị cụ thể sau:

- * Ban Giám hiệu gồm có: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng.

- * Các hội đồng tư vấn: Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thi đua- khen thưởng, Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học...

- * Hệ thống các phòng, ban và đơn vị chức năng tương đương gồm có (10 phòng, 2 ban, 1 Trạm Y tế): Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý người học, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Quản trị Cơ sở vật chất, Phòng Đào tạo Sau Đại học, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Thanh tra- Pháp chế, Ban Quản lý Khu nội trú, Ban Y Dược, Trạm Y tế.

- * Hệ thống các đơn vị đào tạo gồm có (10 khoa đào tạo, 01 bộ môn trực thuộc, 1 Trường Phổ thông thực hành sư phạm): khoa Toán-Lí-Tin, khoa Ngữ văn, khoa Sinh-Hóa, khoa Sử-Địa, khoa Tiểu học-Mầm non, khoa Nông-Lâm, khoa Ngoại Ngữ,

khoa Lí luận Chính trị, khoa Kinh tế, khoa Thể dục Thể thao, Bộ môn Tâm lí Giáo dục, Trường Phổ thông thực hành Chu Văn An.

* Cùng với các đơn vị kể trên, bộ máy tổ chức của Trường còn có hệ thống các trung tâm (7 trung tâm): Trung tâm Tin học-Ngoại ngữ, Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Chuyên giao Công nghệ, Trung tâm Giáo dục quốc phòng - An ninh sinh viên Tây Bắc, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các dân tộc Tây Bắc, Trung Tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông- Lâm nghiệp, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Đào tạo dịch vụ Kinh tế.

Sự phát triển của Nhà trường trong điều kiện mới, đòi hỏi công tác tổ chức, quản lí phải ngày càng chuyên môn hóa. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, phòng chức năng đã hoàn thành việc xây dựng các văn bản liên quan đến công tác tổ chức, quản lí: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo; Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An; Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; Xây dựng các tiêu chí phân loại, đánh giá công chức và triển khai đánh giá công chức hàng tháng, hàng quý để làm cơ sở xét thi đua cuối năm và chi trả thu nhập tăng thêm. Nhìn chung, những quy định, quy chế được xây dựng đã góp phần quan trọng đưa công tác quản lí của Nhà trường vào khuôn khổ, bài bản, khoa học và hiệu quả hơn.

3.3.2. Xây dựng, đào tạo đội ngũ và thực hiện chế độ, chính sách

Trong hoàn cảnh mới có sự cạnh tranh cao độ của việc đào tạo đại học, cao học, một nhiệm vụ chiến lược hàng đầu mà Đảng ủy, Ban Giám hiệu đặc biệt chú trọng là đẩy nhanh công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ.

Trên tinh thần chung như vậy, Nhà trường đã tìm nhiều biện pháp khác nhau để tăng cường đội ngũ cả về số lượng và chất lượng. Để đẩy nhanh công tác đào tạo đội ngũ có trình độ thạc sĩ, một mặt Nhà trường xét cử người đi đào tạo tại các cơ sở có uy tín ở trong nước và ngoài nước, mặt khác vẫn tiếp tục liên kết với nhiều trường Đại học có bề dày kinh nghiệm mở nhiều lớp Thạc sĩ tại trường.

Trong giai đoạn này, Nhà trường còn tích cực chú trọng cử người đi đào tạo Nghiên cứu sinh với kì vọng sẽ có một đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt trình độ cao, để vừa nâng cao vị thế của mình, vừa tiến tới tự mình vươn lên tham gia đào tạo trình độ cao học. Cho tới thời điểm hiện nay, Nhà trường có 69 cán bộ, viên chức đang làm Nghiên cứu sinh, trong đó có 3 người làm Nghiên cứu sinh ở nước ngoài và 63 người đang theo học Thạc sĩ

Hơn nữa, để thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ, Nhà trường còn tiến hành quy hoạch nhân sự cho từng giai đoạn, nhiệm kỳ; giao nhiệm vụ cho cán bộ giảng dạy, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ đang đi học ở trong và

ngoài nước, nâng cao nghiệp vụ qua các khóa bồi dưỡng và đào tạo ngắn hạn cũng như dài hạn.

Với chủ trương đúng đắn, nên nguồn nhân lực có trình độ cao của Nhà trường tiếp tục được bổ sung nhanh chóng. Số lượng cán bộ, giảng viên có trình độ Tiến sĩ đã lên tới 34 người, trong đó có 01 PGS và 288 Thạc sĩ.

* Bảng biểu về cơ cấu, trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên trường ĐHTB (Bảng 1)

Đơn vị	T.Số	GS, PGS	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Trình độ khác
Ban Giám hiệu	4		4			
P.Tổ chức cán bộ	4			2	2	
P. Hành chính - Tổng hợp	11		1	2	7	1
P. Đào tạo Đại học	10		1	4	5	
P. Khảo thí và Bảo đảm CLGD	11			7	4	
P. Đào tạo Sau Đại học	5		2	1	2	
P.KHCN và HTQT	6		1	1	4	
P. Kế hoạch - Tài chính	10			3	7	
P. CTCT và QLNH	10			6	4	
P. Quản trị CSVC	26			2	4	20
Phòng Thanh tra- Pháp chế	5			4	1	
VP. Đảng ủy	2				2	
VP. Công đoàn	1				1	
VP. Đoàn trường	1				1	
K.Toán-Lí-Tin	44		5	34	5	
K.Ngữ văn	26		2	21	3	
K.Sinh-Hóa	38		3	32	3	
K.Sử-Địa	29	1	3	22	3	
K.Tiểu học - Mầm non	27		2	14	11	
K.Nông-Lâm	45		3	30	12	
K.Ngoại Ngữ	26			14	12	
K.Lí luận Chính trị	22		3	17	2	
K.Kinh tế	31			23	8	
K.Thể dục Thể thao	31			21	10	
Bộ môn Tâm lí Giáo dục	10		1	9		
Ban Quản lí Khu nội trú	14			2	5	7
Trạm Y tế	4					4
Trường Phổ thông thực hành Chu Văn An	15			4	11	
Ban Y Dược	3		1	2		
Trung tâm Tin học-Ngoại ngữ	1			1		
Trung tâm NCKH và CGCN	3			1	1	1
Trung tâm Giáo dục quốc phòng - An ninh sinh viên Tây Bắc	24			3	21	
Trung tâm Thông tin - Thư viện	21			3	15	3
Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các dân tộc Tây Bắc	5			2	3	
Trung Tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông- Lâm nghiệp	14		1	1	2	10
Tổng cộng	539	1	33	288	171	46

Nguồn: Số liệu của Phòng Tổ chức Cán bộ

Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng đội ngũ, Nhà trường cũng chú trọng quan tâm chăm lo tới lợi ích người lao động. Mặc dù đứng chân trên một địa bàn miền núi xa xôi, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhưng Nhà trường hàng năm đã cố gắng tối đa để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giảng viên. Liên tục trong nhiều năm, cán bộ giảng viên của Nhà trường được thụ hưởng thu nhập tăng thêm trung bình tới 7 tháng lương cơ bản/người/năm.

Ngoài ra, các chế độ chính sách do Nhà nước, Nhà trường quy định đối với cán bộ, viên chức cũng được thực hiện đầy đủ, kịp thời như nghỉ ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, thanh toán vượt giờ, vượt định mức, làm thêm giờ, nghỉ phép năm, độc hại, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế, chi phúc lợi tập thể...

Nhà trường còn quan tâm tới việc làm thủ tục nâng lương định kỳ và trước thời hạn, giải quyết chế độ hưu trí cho cán bộ, viên chức. Bắt đầu từ năm học 2012 - 2013, Nhà trường thực hiện việc nâng lương định kỳ lên hai lần/ năm. Việc nâng lương trước thời hạn đã được văn bản, thể chế hóa và có hướng dẫn cụ thể. Nhờ những quyết sách kịp thời trên mà hàng năm số lượng cán bộ, viên chức được nâng lương định kỳ và trước thời hạn không ngừng tăng lên. Nếu năm học 2012-2013, số lượng cán bộ, viên chức được giải quyết nâng lương theo hướng trên là 144, thì tới năm học 2013 -2014, con số này tăng lên tới 152.

3.3.3. Công tác đào tạo

- Đào tạo đại học:

+ *Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy*

Xác định công tác đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm, cho nên dù gặp phải sự cạnh tranh trong hệ thống giáo dục đại học, Nhà trường vẫn tiếp tục duy trì quy mô và tìm cách mở rộng loại hình đào tạo.

Công tác quảng bá tuyển sinh tới các địa phương, được Đảng ủy, Ban Giám hiệu hết sức chú trọng. Trước mỗi kì thi tuyển sinh, Nhà trường thường tổ chức các đoàn công tác tới một số tỉnh Tây Bắc (Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu) tiếp xúc với các em học sinh phổ thông, nhằm mục đích giới thiệu quy mô và các lĩnh vực đào tạo của mình, đồng thời tư vấn hướng nghiệp phục vụ tuyển sinh. Với những thay đổi trong kì thi THPT Quốc gia năm 2015, Trường đã kịp thời có hình thức quảng bá mới thông qua việc đặt in các thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh, ngành xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển... gửi các đoàn sinh viên thực tập để chuyển tới tận tay học sinh ở nhiều địa phương.

Giai đoạn 2011-2015, Trường có tổng số 29 ngành đào tạo Đại học, trong đó có 8 ngành ngoài sư phạm; 13 ngành đào tạo cao đẳng. Tổng số sinh viên hệ Chính quy của Trường, tính đến năm học 2014-2015 là 7135, trong đó sinh viên người dân tộc lên tới 5092 em (chiếm tỉ lệ 71,3%).

Xuất phát từ phương châm “vững lí thuyết, giỏi thực hành, nhanh vào thực tiễn”, dưới sự chỉ đạo của Ban Giám Hiệu, phòng Đào tạo và các khoa triển khai thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo theo đúng bản chất hệ thống tín chỉ. Bên cạnh việc chú trọng lí thuyết, trong lần điều chỉnh chương trình đào tạo này cũng hết sức chú trọng công tác thực hành, thực tập, rèn nghề.

Thực hiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường đã triển khai tập huấn cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng đăng ký học tập online và tiến hành tập

huấn cho giảng viên khai thác hệ thống phần mềm Edusoft phục vụ công tác cố vấn học tập.

Song song với việc điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy cho các khóa đào tạo cũng được xây dựng và ban hành. Kế hoạch đào tạo mang tính tổng thể và chi tiết, do đó khi triển khai trong thực tiễn đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên theo dõi và thực hiện. Cũng căn cứ vào kế hoạch đào tạo, phòng chức năng sẽ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiến tập, rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên, thực tập tốt nghiệp theo đúng chương trình và thời gian quy định.

Để tăng cường công tác quản lý đào tạo, Nhà trường cho xây dựng Quy định về công tác đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Hơn nữa, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu, hiện nay phòng chức năng đang tích cực triển khai việc lấy ý kiến từ giảng viên nhằm hoàn thiện Bộ hồ sơ giảng dạy, để bắt đầu áp dụng trong năm học 2015-2016.

Nhà trường cũng hết sức chú trọng công tác giám sát chất lượng đào tạo. Trước hết về mặt hành chính, bộ phận chức năng chú trọng quản lý nề nếp giảng dạy. Hơn nữa, để nắm bắt được chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường thường xuyên triển khai việc lấy ý kiến phản hồi từ người học. Ngoài ra, Nhà trường còn tiếp tục điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra ở tất cả các ngành và trình độ đào tạo, công bố chất lượng đào tạo trên hệ thống website.

Tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường tiến hành xây dựng dữ liệu ngân hàng đề thi đối với hệ chính quy. Tính đến tháng 4 năm 2013, toàn trường đã nghiệm thu 626 bộ dữ liệu đề thi với tổng số 1568 tín chỉ. Thêm vào đó, công tác coi thi, chấm thi cũng được cải tiến và điều hành hiệu quả.

Thông qua việc thực hiện những biện pháp tổng thể trên mà chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tây Bắc không ngừng được nâng cao. Công tác kiến, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên của khối ngành sư phạm đạt kết quả cao, với 80% được xếp loại Giỏi. Kết quả tốt nghiệp của sinh viên luôn đạt từ 95% - 98%, trong đó có 30% đạt loại Khá, Giỏi.

Bảng 2: Các ngành đào tạo của Trường giai đoạn (2011-2015)

STT	Đào tạo trình độ đại học	Đào tạo trình độ cao đẳng
1	Sư phạm Toán học	Sư phạm Toán học (Toán-Lý)
2	Sư phạm Vật lý	
3	Sư phạm Tin học	
4	Sư phạm Hóa học	Sư phạm Hóa học (Hóa- Sinh)
5	Sư phạm Sinh học	
6	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (Văn-GDCD)
7	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (Sử-Địa)
8	Sư phạm Địa lý	
9	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
10	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học
11	Giáo dục Chính trị	
12	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất

13	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
14	Chăn nuôi	
15	Lâm sinh	Lâm sinh
16	Nông học	
17	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật
18	Quản lý tài nguyên và môi trường	
19	Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng
20	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
21	Kế toán	Kế toán
22	Sư phạm Toán - Lý	
23	Sư phạm Văn - GDCD	
24	Sư phạm Sử - Địa	
25	Sư phạm Sinh - Hóa	
26	Kế toán (liên thông TC lên ĐH)	
27	KH cây trồng (liên thông TC lên ĐH)	
28	GD Mầm non (liên thông TC lên ĐH)	
29	GD Tiểu học (liên thông TC lên ĐH)	

Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo Đại học

* Bảng 3: Quy mô sinh viên chính quy trình độ đại học, cao đẳng của Nhà trường năm học (2014-2015) theo các Khoa đào tạo

STT	Khoa	Tổng số	Trong đó		
			Nam	Nữ	Dân tộc
1	Toán-Lý-Tin	743	430	313	440
2	Sinh - Hóa	547	224	323	359
3	Ngữ văn	560	123	437	303
4	Sử- Địa	712	360	352	486
5	Ngoại ngữ	211	31	180	82
6	Lý luận chính trị	363	209	154	327
7	Tiểu học- Mầm non	1653	240	1413	1331
8	Thể dục- Thể thao	519	475	44	395
9	Kinh tế	598	240	358	263
10	Nông - Lâm	1229	876	353	1106
11	Cộng	7135	3208	3927	5092

Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo Đại học

+ Đào tạo theo hình thức liên thông vừa làm vừa học

Song song với việc đào tạo hệ chính quy, công tác đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học cũng được tăng cường và đẩy mạnh. Trong điều kiện mới, Đảng ủy, Ban Giám hiệu chủ trương đa dạng hóa các loại hình đào tạo và mở rộng địa bàn liên kết đào tạo. Bên cạnh công tác tuyển sinh các lớp đào tạo tại Trường hoặc liên kết đào tạo với các địa phương trên địa bàn Sơn La, bằng nhiều con đường khác nhau, Nhà trường còn mở rộng địa bàn đào tạo ra 2 tỉnh Điện Biên, Lai Châu thông qua việc liên kết cùng Trung tâm Giáo dục thường xuyên Điện Biên; Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tuần Giáo và Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu.

Nhờ sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Nhà trường, mà trong những năm qua, chúng ta đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo một số lượng học viên khá lớn theo hình thức vừa làm vừa học trên địa bàn 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu. Tính đến năm 2014, Nhà trường có tất cả 3427 học viên hệ vừa làm vừa học, theo học tại nhiều ngành đào tạo và được biên chế thành 62 lớp học.

Nhằm tạo ra sự đồng bộ trong công tác quản lý, Nhà trường chỉ đạo bộ phận chức năng và các đơn vị thực hiện việc chuyển đổi chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ áp dụng trong đào tạo vừa làm vừa học. Chương trình đào tạo trên đã tạo điều kiện cho bộ phận chức năng quản lý và sắp xếp thời khóa biểu một cách

khoa học, tránh chằng chéo. Đồng thời, nó cho phép giảng viên có thể chủ động về thời gian và chương trình trong quá trình lên lớp.

Chất lượng đào tạo đối với hệ vừa làm vừa học cũng được quan tâm, thông qua công tác kiểm tra nề nếp giảng dạy của bộ phận chức năng, hoặc nâng cao trách nhiệm đối với cán bộ giảng viên trong công tác ra đề, coi thi, chấm thi.

Hàng năm, số lượng học viên vừa làm vừa học được công nhận tốt nghiệp tính trung bình khoảng 1000. Tính riêng trong 3 năm (2012,2013,2014), Nhà trường công nhận tốt nghiệp cho gần 3000 học viên. Kết quả đạt được của lĩnh vực đào tạo vừa làm vừa học, góp phần đáng kể vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực cho địa phương.

* Quy mô sinh viên các lớp đào tạo theo hình thức liên thông VLVH

Tổng số sinh viên chia theo năm đào tạo			
Tổng số	Năm thứ nhất (2014)	Năm thứ hai (2013)	Năm thứ ba (2012)
3427	1306	1335	817

Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo Đại học

+ *Đào tạo dự bị, tạo nguồn...*

Đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế trên địa bàn miền núi Tây Bắc, Nhà trường còn hết sức coi trọng công tác tạo nguồn thông qua hệ Dự bị đại học, cử tuyển, 30A. Trong những năm học vừa qua, Trường đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La) tiến hành gọi nhập học một số lượng tương đối lớn thí sinh trên địa bàn theo học thông qua các lớp bổ sung kiến thức 1 học kỳ, hoặc bổ sung kiến thức 2 học kỳ, cử tuyển... Những đối tượng đào tạo trên là nguồn bổ sung rất tốt cho các ngành đào tạo đại học của Nhà trường, đặc biệt là cho ngành Nông học, Lâm sinh...

* Bảng 5: Quy mô HS, SV Dự bị và Cử tuyển

Năm học	Tổng số học sinh	Hệ đào tạo		
		Dự bị	Cử tuyển	30A
2012-2013	467	283	7	177
2013-2014	250	145	65	40
2014-2015	379	278	6	95

Nguồn: Số liệu của Phòng Đào tạo Đại học

+ *Đào tạo Lưu học sinh Lào*

Do đặc thù của một trường đại học vùng, nên Nhà trường chủ trương đẩy mạnh hợp tác đào tạo với các tỉnh Bắc Lào và coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm. Nhiệm vụ này được triển khai trên cơ sở chương trình hợp tác đào tạo giữa Ủy Ban Nhân dân tỉnh Sơn La với 8 tỉnh Bắc Lào. Nhằm phục vụ cho công tác đào tạo Lưu học sinh Lào, Trường Đại học Tây Bắc đã tiến hành xây dựng chương trình Tiếng Việt (thay thế cho môn Tiếng Anh) và chương trình Dự bị đại học. Với chủ trương đúng đắn, nên số lượng Lưu học sinh Lào của Nhà trường không ngừng tăng lên. Nếu năm học

2011-2012, chúng ta mới có 32 Lưu học sinh Lào theo học, thì tới năm học 2014-2015, con số này tăng lên 117 em.

Trong quá trình đào tạo, Trường Đại học Tây Bắc cũng hết sức chú trọng đến việc nâng cao chất lượng học tập của Lưu học sinh Lào. Để làm tốt công tác này, Nhà trường cho tổ chức thường xuyên mỗi năm một lần Hội nghị Tổng kết công tác Lưu học sinh Lào, nhằm tìm hiểu thực trạng và tìm ra giải pháp giúp nâng cao kết quả học tập, nghiên cứu của các em. Cũng hướng tới mục tiêu trên, Nhà trường còn tổ chức chủ trì và nghiệm thu đề tài cấp Tỉnh “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào trong các trường chuyên nghiệp tỉnh Sơn La” vào năm 2014.

Nhằm mở rộng quy mô đào tạo Lưu học sinh Lào, Nhà trường chủ động quảng bá giới thiệu trực tiếp hình ảnh của mình tới nước bạn. Trong quá trình thực hiện đề tài, Đoàn cán bộ Nhà trường sang làm việc với 3 tỉnh Bắc Lào (tháng 10/2013), vừa nhằm mục đích khảo sát thực tế tình hình, đồng thời cũng qua đó để giới thiệu về các lĩnh vực đào tạo của mình cho các tỉnh bạn. Đặc biệt, vào 18/3/2014, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị, ban ngành trong tỉnh tổ chức thành công Hội nghị quảng bá các ngành nghề đào tạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La với đoàn đại biểu các tỉnh Bắc Lào.

Nhận thức được ý nghĩa chính trị quan trọng của công tác đào tạo Lưu học sinh Lào, Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em trong các hoạt động học tập, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, bố trí chỗ ở, hướng dẫn làm thủ tục giấy tờ...

Việc thực hiện tốt công tác đào tạo Lưu học sinh Lào của Trường Đại học Tây Bắc trong những năm qua, đã góp phần thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị Việt – Lào nói chung và giữa nhân dân Sơn La với nhân dân các tỉnh Bắc Lào nói riêng.

* Bảng 6: Quy mô sinh Lưu học sinh Lào

Năm học	Tổng số Lưu học sinh Lào
2011-2012	32
2012-2013	61
2013-2014	88
2014-2015	117

Nguồn: Số liệu của Phòng KHCN&HTQT

- Đào tạo học sinh:

Tuy là một trường Đại học đa ngành, nhưng do nguồn gốc lịch sử để lại, cho nên khối ngành đào tạo Sư phạm chiếm số lượng lớn trong số lượng các ngành đào tạo của Nhà trường. Xuất phát từ thực tế đó, các đồng chí lãnh đạo Nhà trường đã nuôi ý tưởng về việc xây dựng một trường thực hành, phục vụ cho công tác đào tạo một cách hiệu quả. Với nỗ lực không biết mệt mỏi của lãnh đạo Trường Đại học Tây Bắc, ngày 2 /5/ 2013, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sơn La ra Quyết định số 835/QĐ-UBND thành lập Trường TH, THCS&THPT Chu Văn An (Trường Phổ thông thực hành Chu Văn An).

Nhờ sự quan tâm, đầu tư, chỉ đạo sát sao cả về vật chất, tài chính và con người của Trường Đại học Tây Bắc, ngay sau khi thành lập, Trường Chu Văn An đã nhanh chóng đi vào hoạt động. Tháng 6 năm 2013, Nhà trường tổ chức tuyển sinh khóa đầu tiên. Sang năm học tiếp theo (2014-2015), tổng số học sinh của Trường đã lên tới 209 em.

Chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng nhanh chóng được khẳng định. Năm học 2014-2015, trong số 19 em tham gia thi Học sinh Giỏi cấp Tỉnh, thì có tới 13 em đạt giải (từ giải Nhất đến Khuyến Khích), đặc biệt có 2 em tham gia đội tuyển của Tỉnh thi Học sinh Giỏi cấp Quốc gia.

Với vai trò của một trường thực hành, Nhà trường đã tham gia vào quá trình rèn nghề cho sinh viên khối sư phạm. Năm học 2014-2015, Trường Chu Văn An đã đón nhận sinh viên khóa 52 Đại học và khóa 53 Cao đẳng tiến hành rèn luyện nghiệp vụ sư thường xuyên thông qua hệ thống phòng dự giờ có trang bị kĩ thuật hiện đại. Đây là một bước chuẩn bị quan trọng cho sinh viên khối sư phạm của Nhà trường trước khi tiến hành thực tập tại các trường phổ thông.

***Bảng 7: Bảng biểu về quy mô HS Trường Thực hành Chu Văn An**

Năm học	Tổng số học sinh	Hệ đào tạo	
		Hệ THPT	Hệ THCS
2013-2014	42	42	
2014 - 2015	209	124	85

Nguồn: Số liệu của Trường Thực hành Chu Văn An

- Đào tạo sau Đại học:

Trong bức tranh phát triển mới của giáo dục đại học, việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng cho nhu cầu phát triển của xã hội, đã trở thành một trụ cột trong công tác đào tạo của hàng loạt các trường Đại học. Đứng trước xu thế phát triển chung này, các đồng chí lãnh đạo Nhà trường đã hết sức trăn trở và quyết định cho thành lập phòng Đào tạo sau Đại học. Với sự ra ra đời của phòng chức năng, mang tính chuyên môn hóa cao, nên sang giai đoạn mới (2011-2015), công tác đào tạo sau đại học có những phát triển vượt bậc. Kế thừa những thành quả đạt được ở giai đoạn trước, từ năm 2011 đến năm 2015, Nhà trường tiếp tục liên kết mở các lớp đào tạo thạc sĩ cùng các trường đại học có mối quan hệ lâu đời như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Lâm nghiệp Việt Nam... Bên cạnh việc hợp tác đào tạo sau đại học với các trường truyền thống, trong những năm gần đây, chúng ta còn mở rộng liên kết đào tạo với hàng loạt các trường Đại học, Học viện mới. Đáng chú ý là việc Trường Đại học Tây Bắc liên kết với Học viện Cảnh sát Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội... mở các lớp đào tạo thạc sĩ chuyên ngành cho cán bộ giảng viên của Nhà trường và các đơn vị thuộc một số tỉnh vùng Tây Bắc. Tính riêng trong giai đoạn 2011 -2015, Nhà trường đã tuyển sinh và liên kết đào tạo được 675 học viên cao học, trong đó đã có 430 học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng Thạc sĩ ở 24 chuyên ngành đào tạo khác nhau.

Từ chủ trương đúng đắn, tăng cường và đẩy mạnh đào tạo đội ngũ nghiên cứu sinh của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, nên đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao (Tiến sĩ) của Nhà trường tăng lên nhanh chóng. Trên cơ sở phát triển mạnh của đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu, năm 2012, Nhà trường đã xây dựng đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành cao học đầu tiên đối với chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Toán. Từ thành công ban đầu, Nhà trường tiếp tục cho xây dựng đề án mở ngành và trong các năm tiếp theo đã được Bộ giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ cao học đối với chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam, Lí luận và Phương pháp Dạy học Tiểu học, Sinh học thực nghiệm.

Đáp ứng cho nhu cầu của một “xã hội học tập”, nên chương trình đào tạo cao học thuộc các chuyên ngành của Nhà trường được thiết kế theo hướng mở với nhiều môn học tự chọn. Chương trình này cho phép người học có thể lựa chọn môn học phù hợp theo yêu cầu thực tế hoạt động của cá nhân. Mặt khác, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cao học, Nhà trường lựa chọn hình thức đào tạo theo hướng chính quy tập trung, thời gian đào tạo tối đa là 2 năm (bao gồm cả thời gian làm luận văn tốt nghiệp). Ngoài ra, học viên cao học còn tham gia sinh hoạt chuyên môn, hội thảo khoa học, cùng nhiều hoạt động chuyên môn khác của các khoa đào tạo.

Sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ cao học, phòng chức năng tiến hành công tác tuyển sinh ở 3 chuyên ngành với tổng số học viên theo học là 148, trong đó có 32 học viên đã tốt nghiệp và nhận bằng thạc sĩ.

* Bảng 8: Quy mô học viên cao học theo học các mã ngành đào tạo được tuyển sinh của Trường Đại học Tây Bắc.

STT	Ngành/Chuyên ngành	Số Quyết định cho phép đào tạo	Số học viên đang theo học	Số học viên đã tốt nghiệp	Năm bắt đầu tuyển sinh
1	Toán học (Lý luận & PPDH Toán)	2678/QĐ-BGDĐT, ngày 24/7/2012	44	32	2012
2	Ngữ Văn (Ngôn ngữ Việt Nam)	2058/QĐ-BGDĐT, ngày 11/6/2013	63	0	2013
3	Tiểu học (Lý luận & PPDH Tiểu học)	1105/QĐ-BGDĐT, ngày 28/3/2014	9	0	2014
4	Tổng số		116	32	

Công tác đào tạo cao học của Nhà trường, đã bổ sung một lực lượng đáng kể nguồn nhân lực có trình độ cao cho các địa phương vùng Tây Bắc. Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp, trở về đơn vị công tác đã thể hiện tốt được vai trò chuyên môn và phát huy ảnh hưởng trong công tác của ngành, một số được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của các sở, ban, ngành thuộc các tỉnh trong khu vực Tây Bắc.

Phát huy những thành quả đạt được, hiện nay Nhà trường đang khẩn trương cho xây dựng và hoàn thiện một số mã ngành đào tạo cao học mới có đủ điều kiện như: Quản lý tài nguyên môi trường, Vật lý, Văn học Việt Nam, Khoa học Cây trồng, Lâm học, Lịch sử, Địa lí...

Với chủ trương đúng đắn của lãnh đạo Nhà trường, công tác đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Tây Bắc trong những năm vừa qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Chúng ta vừa tiếp tục liên kết đào tạo với những trường có quan

hệ truyền thống, vừa mở rộng liên kết đào tạo với nhiều trường Đại học và Học viện mới ở nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tự mình vươn lên tham gia vào công tác đào tạo cao học trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam. Thành công trong lĩnh vực này, cũng góp phần đáng kể vào việc nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường trong bước đường 55 năm xây dựng và phát triển.

3.3.4. Công tác nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những hoạt động chính, giúp khẳng định thương hiệu và uy tín của một trường Đại học. Nhận thức được tầm quan trọng trên nên Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt coi trọng công tác nghiên cứu khoa học. Để phục vụ cho nhiệm vụ này, hàng năm, Nhà trường dành một lượng lớn kinh phí từ ngân sách nhà nước đầu tư cho mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học. Hơn nữa, Nhà trường còn đẩy mạnh việc tìm kiếm và triển khai nhiều dự án đầu tư tăng cường năng lực cho nghiên cứu khoa học từ nguồn vốn trong nước cũng như tài trợ quốc tế. Tính riêng trong những năm từ 2009 đến 2014, việc trang bị các phòng thí nghiệm, thực hiện các dự án phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường, đã được Dự án “Giáo dục đại học 2” do quỹ TRIG tài trợ với giá trị 750.000 USD, hoặc Cơ quan Hợp tác Quốc tế của Chính phủ Nhật Bản (JICA) tài trợ cho hai dự án: “Nâng cao năng lực Trường Đại học Tây Bắc góp phần phát triển bền vững vùng Tây Bắc” trị giá 2,4 triệu USD và dự án “Tăng cường năng lực nghiên cứu phòng thí nghiệm Khoa Nông Lâm” có giá trị tới 8,05 tỷ VNĐ. Từ những nguồn đầu tư trên, mà cho đến nay Nhà trường đã có nhiều phòng thí nghiệm cùng các trang thiết bị hiện đại phục vụ nghiên cứu khoa học.

Nhờ sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu cùng với nỗ lực sáng tạo vượt khó của cán bộ, giảng viên, sinh viên, mà trong những năm qua Trường Đại học Tây Bắc đã nhanh chóng trưởng thành và gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận trong công tác nghiên cứu khoa học.

Chỉ tính riêng trong những năm từ 2009 đến 2014, Nhà trường đã triển khai thực hiện được 16 đề tài cấp Tỉnh với tổng kinh phí hơn 12 tỷ VNĐ; 18 đề tài cấp Bộ với tổng kinh phí 4,84 tỷ VNĐ; 139 đề tài cấp Trường của cán bộ, giảng viên với tổng kinh phí 1,6 tỷ VNĐ. Điều đáng mừng hơn nữa là năm học 2013-2014, Trường đã chính thức tham gia đề tài thuộc Chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước: “Phát triển bền vững Tây Bắc” do Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì.

Cũng trong giai đoạn trên, Nhà trường còn tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học với số lượng 500 đề tài, trong đó có 10 đề tài đạt giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các đề tài nghiên cứu khoa học của của giáo viên, sinh viên Nhà trường được nghiệm thu, đánh giá với kết quả luôn đạt 100% loại Khá trở lên, trong đó có trên 50% đề tài được xếp loại Xuất sắc. Trong số 10 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đạt giải trên, đáng chú ý có 1 đề tài đạt giải Nhất tài năng khoa học trẻ Việt

Nam. Nhiều cán bộ, giảng viên Nhà trường nhận được các giải thưởng như :VIFOTECH, Lương Định Của, Quả cầu vàng, sáng tạo trẻ, công trình khoa học xuất sắc...

Tùy theo cấp độ khác nhau, đề tài đã tập trung giải quyết những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn cao, đáp ứng yêu cầu đề ra. Với đề tài cấp Trường, cán bộ, giảng viên thường lựa chọn những mảng vấn đề như đổi mới phương pháp dạy học; nghiên cứu năng lực học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên; nghiên cứu về lịch sử, địa lý địa phương; bảo vệ tài nguyên, nhân giống cây trồng, vật nuôi tại địa phương, nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội của vùng Tây Bắc.

Ở mảng đề tài dự án cấp Tỉnh mang đặc thù vùng miền núi Tây Bắc, nên cán bộ, giảng viên Nhà trường đã chú trọng giải quyết nhiều vấn đề thời sự cấp bách nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội, hoặc có tính chất ứng dụng vào thực tiễn sản xuất của địa phương...

Những đề tài cấp Bộ mà cán bộ, giảng viên Nhà trường chủ trì thường triển khai theo hướng nghiên cứu về khoa học cơ bản, nghiên cứu về xã hội nhân văn, Nông Lâm nghiệp, Kinh tế...Nhiều đề tài nghiệm thu được đánh giá cao, có giá trị thực tiễn, có nhiều bài báo công bố trên tạp chí trong nước và quốc tế.

Cùng với việc triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, cán bộ, giảng viên Trường Đại học Tây Bắc còn tích cực tham gia viết bài trên bản tin khoa học và công nghệ của Trường, hoặc gửi đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, quốc tế.

Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, trong quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường đã có quy định cụ thể mức thưởng đối với từng loại bài viết đăng trên các tạp chí trong nước, quốc tế. Thực hiện quy chế trên, trong những năm học 2013-2014; 2014-2015, Nhà trường đã thưởng cho các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước với tổng kinh phí gần 167 triệu đồng và các bài báo quốc tế có chỉ số ISI là 150 triệu đồng.

Nhờ sự động viên kịp thời và hiệu quả trên mà số lượng bài báo của cán bộ giảng viên Nhà trường đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, bài báo đăng trên bản tin khoa học và công nghệ của Trường gia tăng mạnh mẽ. Tổng kết thành tựu khoa học công nghệ giai đoạn 2009-2014, cán bộ giảng viên trong Trường đã công bố được hơn 350 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước, 16 bài báo trên các tạp chí quốc tế và hơn 250 bài viết cho 10 số bản tin khoa học và công nghệ thường niên của Trường.

Ghi nhận những thành tựu trên, tháng 2 năm 2015, được sự nhất trí của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Bộ Thông tin và Truyền thông đã cấp giấy phép để Nhà trường thành lập Tạp chí Khoa học. Đây là một bước tiến quan trọng, đánh dấu sự vươn lên trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường trên chặng đường 55 năm xây dựng và phát triển.

Một điểm sáng trong hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường không thể không đề cập tới trong giai đoạn này là tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học và seminar chuyên ngành. Những hoạt động trên nhằm mục đích tạo ra môi trường học thuật trong Nhà trường, tăng cường giao lưu, học hỏi, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, xây dựng được nhiều ý tưởng khoa học mới, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng cho các đề tài của học viên, nghiên cứu sinh. Liên tiếp trong những năm 2013, 2014, 2015, Nhà trường đã tổ chức thành công (23 hội thảo khoa học) nhiều hội nghị, hội thảo khoa học. Có thể kể đến 03 Hội thảo Quốc gia thuộc các lĩnh vực tiếng Anh, Ngôn ngữ, Toán học và 01 Hội nghị quốc tế “Giới thiệu các ngành nghề đào tạo tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La với các tỉnh Bắc Lào”. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức nhiều Hội thảo cấp trường, cấp khoa và đặc biệt hoạt động seminar chuyên ngành được một số bộ môn duy trì thường xuyên.

Sự lớn mạnh trong công tác nghiên cứu khoa học còn được khẳng định thông qua việc Nhà trường khuyến khích cán bộ, giảng viên mạnh dạn đăng kí và triển khai viết giáo trình nội bộ. Thực hiện chủ trương này, ngay trong năm học 2012-2013, Trường Đại học Tây Bắc đã tổ chức biên soạn và nghiệm thu 35 giáo trình nội bộ, trong đó 5 trên 7 giáo trình có chất lượng tốt, đủ điều kiện, được làm thủ tục kí hợp đồng và xuất bản năm 2013. Từ thành công đầu tiên, vào năm học tiếp theo, việc tuyển chọn và kí hợp đồng xuất bản giáo trình tiếp tục được Nhà trường thực hiện.

Công tác quản lý nghiên cứu khoa học được đổi mới theo hướng tăng cường thể chế hóa. Nhà trường đã ban hành, điều chỉnh bổ sung các quy định riêng nhằm cụ thể hóa các quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo vào công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ. Chính vì vậy mà công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường ngày càng chặt chẽ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

Những thành tựu trên đây đã góp phần đưa Trường Đại học Tây Bắc trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu của vùng Tây Bắc và bước đầu khẳng định được vị trí, uy tín trong hệ thống giáo dục đại học.

3.3.5. Thúc đẩy quan hệ, hợp tác

- Đẩy mạnh quan hệ với địa phương, các trường Đại học...

Nhằm thúc đẩy công tác đào tạo gắn với nhu cầu và đáp ứng cho thực tiễn địa phương, nên Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Nhà trường chủ trương phải tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp với một số tỉnh vùng Tây Bắc, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mình.

Xuất phát từ chủ trương trên, trong những năm vừa qua, Nhà trường đẩy mạnh phối hợp hoạt động với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, mà trước hết là Sơn La. Sự phối hợp hoạt động với các cơ quan của tỉnh Sơn La, đã góp phần

thúc đẩy nhanh chóng công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng các hạng mục công trình của Nhà trường.

Chúng ta còn phối hợp tốt với các Sở Giáo dục và Đào tạo của các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu trong việc liên kết đào tạo đại học, cao học.

Một việc làm có ý nghĩa tốt đẹp trong quan hệ với địa phương Tây Bắc là Nhà trường phối hợp cùng Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên, Sở Văn hóa thông tin Điện Biên tiến hành lễ dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ trong dịp kỉ niệm 60 mười năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Cũng trong chuyến đi này, các đồng chí lãnh đạo, giảng viên, sinh viên Nhà trường đã cùng với lãnh đạo, cán bộ của hai sở trên trồng cây lưu niệm tại nghĩa trang liệt sĩ Tông Khao – Điện Biên.

Bên cạnh mối quan hệ tốt đẹp với địa phương, Nhà trường cũng chú ý mở rộng quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, các Trường Đại học khác trong cả nước. Ngoài những trường có mối quan hệ hợp tác truyền thống từ trước như Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân..., trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến sự đột phá trong mối quan hệ hợp tác với hàng loạt các trường Đại học, Học viện mới: Học viện Biên Phòng; Học viện cảnh sát; Đại học Thủy Sản Nha Trang; Đại học Luật. Sản phẩm của sự hợp tác, đáng chú ý nhất là sự ra đời Trung tâm Giáo dục Quốc phòng- An ninh sinh viên Tây Bắc, liên kết giữa Trường Đại học Tây Bắc với Học viện Biên Phòng.

Ngoài quan hệ hợp tác với địa phương và các trường Đại học, chúng ta còn tăng cường mối quan hệ với các cơ quan, Bộ, Ngành Trung ương. Bởi vậy, Nhà trường đã nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các cơ quan trên. Điều này được chứng minh qua chuyến thăm và làm việc với cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, của Thứ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Nguyễn Mạnh Hùng... Chính sự động viên, khích lệ kịp thời trên đã tạo ra động lực giúp thầy trò Nhà trường thi đua dạy tốt- học tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đề ra.

- Thúc đẩy quan hệ, hợp tác quốc tế

Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, Trường Đại học Tây Bắc cũng hết sức chú trọng mở rộng công tác hợp tác quốc tế. Dự án do tổ chức JICA – Nhật Bản tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật về “Nâng cao năng lực Trường Đại học Tây Bắc góp phần phát triển Nông thôn bền vững vùng Tây Bắc” tiếp tục được triển khai và đạt hiệu quả cao. Trong những năm qua, Nhà trường liên tục cử cán bộ, giảng viên đi khảo sát, học tập và tham quan các trường Đại học tại Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Singapo, Ôxtrâyliia, Niu Dilân, Mỹ, Campuchia, Lào... Từ những nỗ lực thúc đẩy hợp tác trên mà chúng ta đã có một số dự án hợp tác quốc tế như dự án hợp tác với Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Ôxtrâyliia (ACIAR) và Tổ chức Nông Lâm thế giới (ICRAF). Thông qua các dự án hợp tác, đã giúp cho giảng viên Nhà trường được phối hợp nghiên cứu với các nhà khoa học trong nước (Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc...) và các nhà

khoa học nước ngoài (Đại học Queensland, Đại học Tasmania...). Tham gia vào các chương trình hợp tác, nhiều giảng viên được nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

Đồng thời cũng thông qua việc đẩy mạnh quan hệ, hợp tác quốc tế, mà trong những năm qua, có nhiều cá nhân và tổ chức nước ngoài đến thăm và làm việc tại trường ta, trong đó đáng chú ý là các đoàn công tác của Đại sứ quán Ôxtrâyliya, Mỹ, Hàn Quốc. Từ những hoạt động hợp tác quốc tế này mà lần đầu tiên trong lịch sử, chúng ta có các tình nguyện viên quốc tế người Ôxtrâyliya, Nhật Bản đến làm việc tại Trường.

Ngoài ra, Nhà trường còn mở rộng hợp tác với Ôxtrâyliya, Ngân hàng thế giới và một số tổ chức Quốc tế trên các lĩnh vực quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Cũng trên lĩnh vực này, Trường Đại học Tây Bắc chủ trương đẩy mạnh quan hệ hợp tác đào tạo với các tỉnh Bắc Lào. Cụ thể hóa chủ trương trên, ngày 18 tháng 3 năm 2014, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị, ban ngành trong tỉnh tổ chức thành công Hội nghị quảng bá các ngành nghề đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La với đoàn đại biểu các tỉnh Bắc Lào. Tiếp đó, tháng 4 năm 2015, đoàn công tác của Nhà trường đã sang thăm và làm việc tại các địa phương Bắc Lào, qua đó đã kí kết được biên bản thỏa thuận hợp tác với 8 tỉnh nước bạn. Hoạt động hợp tác quốc tế, đã mang lại kết quả đáng khích lệ, với việc ngày càng có nhiều lưu học sinh Lào theo học tại Trường Đại học Tây Bắc. Đến năm học 2014-2015, tổng số Lưu học sinh Lào lên tới 117 em.

Công tác hợp tác quốc tế cũng được quản lý tốt theo đúng pháp luật của Nhà nước. Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng các cơ quan hữu quan trong tỉnh để quản lý chặt chẽ các đoàn ra, đoàn vào theo các diện hợp tác.

Nhìn một cách tổng thể, trong những năm vừa qua, quan hệ, hợp tác của Trường Đại học Tây Bắc trên bình diện quốc gia và quốc tế, có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Việc tăng cường hợp tác tạo ra điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Nhà trường. Đồng thời, nó cũng góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường trong hoàn cảnh mới.

3.3.6 Công tác xây dựng cơ sở vật chất

Từ khi dự án xây dựng hoàn thiện Trường Đại học Tây Bắc được phê duyệt (27/4/2004) đến 2010, nhiều hạng mục công trình đã được xây dựng, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, so với kế hoạch tổng thể dự án vẫn còn nhiều hạng mục chưa được triển khai hoặc triển khai chậm. Vì vậy, cơ sở vật chất của Nhà trường mới chỉ đáp ứng cho nhu cầu học tập của sinh viên các ngành sư phạm và kinh tế. Riêng sinh viên khoa Nông- Lâm vẫn tiếp tục học tập tại cơ sở Thuận Châu. Thực trạng này, gây trở ngại cho công tác điều hành, quản lý chung, cũng như hạn chế khả năng tham gia của cán bộ, giảng viên, sinh viên khoa Nông – Lâm vào các hoạt động chung của Nhà trường.

Xuất phát từ thực tế trên, sau lễ kỉ niệm 50 năm thành lập, các đồng chí lãnh đạo Nhà trường đã nỗ lực hết mình tìm kiếm giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Vì vậy, một số hạng mục công trình chậm tiến độ trước đó đã nhanh chóng được hoàn thành và đưa vào sử dụng như 3 kí túc xá sinh viên số 6,7,8, Nhà ăn sinh viên, Nhà Nông - Lâm số 2.

Với hệ thống cơ sở vật chất mới được bổ sung, đầu năm 2013, chúng ta hoàn thành công việc di chuyển khoa Nông- Lâm từ Thuận Châu về Sơn La.

Cũng trong giai đoạn này, một số cụm công trình xây dựng mới được tiến hành với tốc độ nhanh chóng như Hội trường lớn 800 chỗ ngồi, Nhà Nông- Lâm số 1. Hiện nay, những công trình này đã hoàn thiện về cơ bản và chuẩn bị nghiệm thu, đưa vào sử dụng.

Tiếp tục triển khai kế hoạch xây dựng, Nhà trường còn tích cực phối hợp với Thành ủy Sơn La và các cơ quan chức năng địa phương chỉ đạo đẩy mạnh việc mở đường Chu Văn An- Nhánh II vào Trường Đại học Tây Bắc, để phục vụ cho nhu cầu ra, vào Trường giảm bớt tình trạng ùn tắc.

Tính đến cuối năm 2014, Nhà trường đã hoàn thiện cơ bản hệ thống hạ tầng kĩ thuật khu trung tâm 35 ha, với diện tích sàn xây dựng lên tới 116.343 m², thuộc các hạng mục: nhà phục vụ học tập, nhà kí túc xá sinh viên và công trình phục vụ sinh hoạt.

Cùng với việc triển khai dự án, chúng ta được tiếp nhận thêm một số cơ sở vật chất từ dự án JICA mà điển hình là khu Nhà lưới, phục vụ hữu ích cho công tác đào tạo và nghiên cứu của khoa Nông – Lâm.

Đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của Nhà trường, nên ngay sau khi thực hiện di chuyển khoa Nông Lâm về cơ sở Sơn La, Ban Giám hiệu Nhà trường đã quyết định cho thành lập Trung tâm thực nghiệm Nông – Lâm tại cơ sở Thuận Châu. Ngoài phục vụ công tác thực hành của sinh viên Nông- Lâm, Trung tâm còn làm tốt vai trò quản lí cơ sở vật chất tại Thuận Châu. Với định hướng đúng đắn, cho nên công tác quản lí, sửa chữa và bảo trì cơ sở Thuận Châu được đảm bảo một cách thường xuyên.

Sau khi được nâng cấp, Trung tâm Thông tin - Thư viện tích cực bổ sung sách, tài liệu. Hiện nay, Trung tâm Thông tin- Thư viện Nhà trường được sở hữu một tòa nhà 3 tầng với 6000 m² diện tích sử dụng; có trên 5400 đầu sách, 130.000 bản sách; 125 loại báo, tạp chí và có đầy đủ các Luận án Tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Công tác quản lí và sử dụng cơ sở vật chất đã bước đầu đi vào chuyên môn hóa. Trung tâm có 4 phòng và kho sách cho mượn; 1 phòng đọc đóng. 1 phòng đọc mở, 1 phòng đọc sách quý hiếm, đọc báo, tạp chí; 2 phòng Internet, 1 phòng đa phương tiện, 1 phòng Hội thảo, có 200 máy tính nối mạng hoàn chỉnh và nhiều thiết bị khác... Với cơ sở vật chất được trang bị, Trung tâm Thông tin- Thư viện đã góp phần

đáng kể cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên Nhà trường, cũng như đáp ứng tốt nhu cầu bạn đọc.

Ngoài ra, các phòng thí nghiệm của bộ môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lâm sinh và phòng học chức năng của một số môn như: Địa lý, Tin học, tiếp tục được bổ sung nhiều trang thiết bị hiện đại, phục vụ cho phương châm “vững lý thuyết, giỏi thực hành, nhanh vào thực tiễn” trong công tác đào tạo mà Nhà trường hướng tới.

Như vậy, sau hơn 10 năm triển khai xây dựng, Trường Đại học Tây Bắc đã có một cơ ngơi mới khang trang, với trang thiết bị hiện đại, đủ sức đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên và xứng đáng là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu của vùng Tây Bắc.

3.3.7. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, trong những năm qua, toàn thể cán bộ giáo viên Nhà trường thông qua các tổ chức của mình, đã nỗ lực hoạt động và có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của Nhà trường.

Với vai trò là lực lượng xung kích, Đoàn Trường Đại học Tây Bắc đã tích cực đổi mới nội dung hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục truyền thống, lý tưởng, đạo đức, lối sống cho đoàn viên thông qua những cuộc vận động lớn của Trung ương đoàn, Tỉnh đoàn Sơn La. Nhiều hoạt động mà Đoàn Thanh niên Nhà trường tham gia và đạt được kết quả đáng khích lệ như: thi tìm hiểu về ngày truyền thống của Đoàn; thi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đặc biệt là việc phối hợp với Thành đoàn Sơn La tổ chức giao lưu “Âm vang Điện Biên” nhân kỉ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Hưởng ứng phong trào xây dựng môi trường Xanh – Sạch – Đẹp, Đoàn Thanh niên Nhà trường đã phát động nhiều đợt trồng cây trong khuôn viên của Trường và đến nay đã trồng được 450 cây xanh với giá trị khoảng 350.000.000 đồng...

Ghi nhận những thành tích đạt được của Đoàn Trường Đại học Tây Bắc trong những năm qua, Trung ương đoàn đã tặng Cờ “Đơn vị 3 năm liền dẫn đầu phong trào thi đua cấp Tỉnh khối đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp” và Bằng khen cho đơn vị có nhiều thành tích trong công tác Đoàn và phong trào Thanh thiếu niên năm học 2010 - 2011... Ngoài ra, nhiều tập thể và cá nhân cũng được Trung ương Đoàn và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sơn La tặng Bằng khen...

Là lực lượng lao động chủ yếu của Nhà trường, trong các thời kì phát triển, tổ chức Công đoàn đã thực hiện có hiệu quả chức năng của mình, góp phần cùng Nhà trường hoàn thành có chất lượng các nhiệm vụ chính trị, đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc ở vùng Tây Bắc.

Trong những năm qua, Công đoàn Nhà trường tích cực đẩy mạnh hoạt động. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể khác trong trường, Công đoàn triển khai phong trào học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh một cách hiệu quả với 100% cán bộ, đoàn viên đăng ký học tập và làm theo.

Tham gia quản lý và thực hiện hiện nhiệm vụ chuyên môn, Công đoàn Trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền thực hiện có hiệu quả chức năng giám sát, kiểm tra thông qua việc ổn định nề nếp, quy chế giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tham gia xếp loại công chức hàng tháng, hàng quý...

Cũng trong giai đoạn này, Công đoàn Nhà trường còn hưởng ứng và triển khai nhiều hoạt động có ý nghĩa khác như: tổ chức thi tìm hiểu “Công đoàn Việt Nam - 85 năm xây dựng và phát triển”; xây dựng kế hoạch giao lưu kết nghĩa giữa Công đoàn Trường với Liên đoàn Lao động Thành phố Sơn La; tổ chức quyên góp tiền, quần áo, sách, vở... ủng hộ đồng bào những vùng gặp thiên tai hoặc còn nhiều khó khăn...

Phát huy vai trò của mình, trong những năm vừa qua, Công đoàn Trường hết sức quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên qua việc tổ chức các hoạt động thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ..., hoặc đề xuất với Nhà trường chi phúc lợi cho đoàn viên vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, các việc hiếu, hỷ cũng Ban chấp hành Công đoàn chăm lo đầy đủ, đúng chế độ. Cùng với những hoạt động trên, Công đoàn Trường còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của cán bộ, đoàn viên. Điều đó được phản ánh bằng những việc làm cụ thể như đại diện công đoàn thực hiện tốt vai trò thành viên trong quá trình xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, hoặc tham gia xây dựng Quy chế Dân chủ của Trường Đại học Tây Bắc.

Với những thành tích kể trên, Công đoàn Trường đã được Tổng Liên động Việt Nam tặng 1 Bằng khen cho cá nhân; Công đoàn giáo dục Việt Nam tặng 2 cờ thi đua và công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc năm học 2011-2012, 2012-2013, 2013-2014. Bên cạnh đó, nhiều tập thể và cá nhân công đoàn của Nhà trường được các Bộ, Ngành tặng thưởng những danh hiệu cao quý khác.

Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao, giao lưu, học tập được lãnh đạo Nhà trường chú trọng nên có nhiều chuyển biến đáng ghi nhận. Công tác tổ chức các kì hội thao, hội diễn văn nghệ của Nhà trường đi vào quy củ, nề nếp, với chất lượng ngày càng nâng cao, thu hút đông đảo cán bộ, giảng viên, sinh viên tham dự và thực sự tạo ra không khí phấn khởi cho toàn Trường. Hơn nữa, Trường cũng tham gia một cách tích cực và thường xuyên vào các hoạt động văn hóa, các giải thể thao, hội diễn văn nghệ, hoạt động chính trị của địa phương. Tại cuộc thi “Giải cầu lông người giáo viên nhân dân toàn quốc lần thứ V – 2013” tổ chức ở Điện Biên, Trường cử vận động viên tham dự và đạt Huy chương Vàng nội dung đôi Nam và Huy chương Bạc nội dung đôi Nữ. Tháng 5 năm 2014, đoàn vận động viên của Nhà trường tham gia Đại hội Thể dục Thể thao tỉnh Sơn La đã đạt Huy chương Vàng ở môn chạy tiếp sức, Huy chương Đồng môn bóng chuyền Nữ. Ngoài ra, một số vận động viên của Trường đạt Huy chương Vàng, Huy chương Bạc, Huy chương Đồng cá nhân ở một số bộ môn điền kinh. Chào mừng kỉ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nhà trường cử đội văn nghệ tham gia “Hội diễn nghệ thuật quần chúng lực lượng vũ trang và sinh viên toàn tỉnh lần thứ III – Năm 2014” và được Ban Tổ chức tặng cờ

Đơn vị xuất sắc. Cũng trong dịp này, đoàn vận động viên của Nhà trường tham gia Giải thi đấu thể thao “Chào mừng 70 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, 25 năm ngày Hội Quốc phòng Toàn dân”, và xuất sắc giành được giải Nhất bóng chuyền Nữ.

Trong những năm qua, Nhà trường còn mở rộng các hoạt động giao lưu, văn hóa văn nghệ ra ngoài phạm vi địa phương. Đáng kể nhất là vào tháng 12 năm 2014, Nhà trường cử một đội sinh viên tham gia “Hội thi tìm hiểu Pháp luật” cùng với các đội thi của Học viện Biên Phòng và lọt vào trận chung kết, được đội bạn đánh giá rất cao.

Những đóng góp của cá nhân và tập thể Nhà trường đối với sự nghiệp đào tạo, đã được ghi nhận thông qua những phần thưởng cao quý mà các cấp Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở Trung ương và địa phương trao tặng.

Năm 2010, Nhà nước đã phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân” cho đồng chí Đặng Quang Việt- Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường và danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” đối với đồng chí Lò Văn Nét – Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Chủ tịch Công đoàn Nhà trường.

Năm 2011, đồng chí Nguyễn Văn Bao - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Nhà trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Sang năm 2012, đồng chí Đặng Quang Việt- Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường, trước khi chuyển công tác về Bộ giáo dục và Đào tạo, được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Đợt phong tặng danh hiệu năm 2014, rất vinh dự cho Trường Đại học Tây Bắc là cùng một lúc được đón nhận danh hiệu “ Nhà giáo Ưu tú” cho đồng chí Đinh Thanh Tâm - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng và đồng chí Nguyễn Triệu Sơn – Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Phó Hiệu trưởng.

Năm học 2011-2012, Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc cho tập thể Nhà trường và tặng Bằng khen cho 9 cá nhân.

Ngoài ra, Trường Đại học Tây Bắc và nhiều tập thể, cá nhân của Nhà trường còn được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Y tế, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Sơn La trao tặng các danh hiệu và phần thưởng cao quý khác.

Trong chặng đường 5 năm (2011 - 2015), Trường Đại học Tây Bắc đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra một cách xuất sắc, và bước đầu khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam. Từ một đội ngũ cán bộ, giảng viên vô cùng mỏng ban đầu khi thành lập, chỉ với 1 Tiến sĩ duy nhất, đến nay, Trường Đại học Tây Bắc đã xây dựng cho mình được một đội ngũ cán bộ, giảng viên hùng hậu chưa từng có trong lịch sử: 1 Phó Giáo sư; 34 Tiến sĩ; 70 Nghiên cứu sinh và 288 Thạc sỹ; 1 Nhà giáo Nhân dân và 5 Nhà Giáo ưu tú. Cũng dưới mái trường này, trong những năm 2010 - 2014, có trên 10.000 cử nhân đã tốt nghiệp ra trường, đem trí tuệ, tài năng của mình, góp phần đáng kể vào sự nghiệp dựng xây quê hương,

đất nước. Đó là những thành tích rất đỗi tự hào trong ngày Hội lớn của Nhà trường – kỉ niệm 55 năm ngày thành lập.

Phần thứ hai **CÁC ĐƠN VỊ TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**

CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

KHOA TOÁN - LÝ - TIN (1960-2015)

1.Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 30/06/1960 Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 267/QĐ về việc thành lập Trường Sư phạm Cấp II liên tỉnh, trong đó có Trường Sư phạm Cấp II đặt tại Khu Tự trị Thái-Mèo, Tổ Tự nhiên được thành lập.

- Thời kỳ 1960-1981: Tổ Tự nhiên, Ban Tự nhiên, Khoa Tự nhiên

- Thời kỳ từ 1981-2002: Khoa Toán - Lý

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Khoa Toán.

- Ngày 09 tháng 01 năm 2006, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 13/QĐ-TCCB thành lập Khoa Toán - Lí - Tin.

1.2.Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Từ 1960-1969: Tổ tự nhiên, Ban Tự nhiên

- Từ năm 1969 đến 1980: Ban Toán - Lý, trường 10 + 3 Tây Bắc

- Từ năm 1980 đến 2001: Khoa Toán - Lí, Trường CĐSP Tây Bắc

- Từ năm 2002 đến 2006: Khoa Toán, Trường Đại học Tây Bắc
 - Từ năm 2006 đến 2015: Khoa Toán - Lý - Tin, Trường Đại học Tây Bắc
- Cho đến nay Khoa Toán - Lý - Tin có 44 giáo viên, cán bộ; 21 lớp với tổng số 940 sinh viên.

Cán bộ, giảng viên Khoa Toán -Lí - Tin (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1. Chức năng nhiệm vụ được giao

- Khoa là đơn vị quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý hành chính cấp cơ sở của Trường. Khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo kế hoạch năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện các nhiệm vụ do Nhà trường giao khi cần thiết.

- Khoa có nhiệm vụ thường xuyên nắm bắt nhu cầu xã hội và thông tin quốc tế, không ngừng cải tiến nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, đảm bảo cho sinh viên ra trường có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiệm vụ chính của Khoa là:

- + Tổ chức quản lý hoạt động đào tạo
- + Tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ
- + Quản lý cơ sở vật chất
- + Quản lý giảng viên, cán bộ, công chức. viên chức thuộc Khoa

+ Quản lý người học thuộc Khoa

2.2. Các ngành đào tạo, bồi dưỡng

a) Trình độ đại học và sau đại học:

1. Thạc sĩ chuyên ngành lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

b) Trình độ Đại học:

1. Đại học sư phạm Toán
2. Đại học sư phạm Vật lý
3. Đại học sư phạm Toán - Lý
4. Đại học sư phạm Tin học
5. Đại học Công nghệ thông tin
6. Đại học liên thông từ CĐSP lên trình độ Đại học

c) Trình độ cao đẳng

1. Cao đẳng sư phạm Toán - Tin
2. Cao đẳng sư phạm Toán - Lý
3. Cao đẳng Tin học
4. Cao đẳng sư phạm Tin học

2.3. Rèn luyện nghiệp vụ

- Đây là nhiệm vụ chính trị trung tâm của Khoa. Để giữ vững và mở rộng quy mô đào tạo ngang tầm với sự phát triển của nhà trường, chi bộ và Ban chủ nhiệm Khoa đã tham mưu cho Đảng ủy, Ban giám hiệu và tập trung chỉ đạo các đơn vị trong khoa trong bất kỳ điều kiện hoàn cảnh nào, dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua “Dạy tốt”, “Học tốt”... Vì thế cùng với sự phát triển đi lên của nhà trường quy mô đào tạo của Khoa không ngừng được mở rộng với chất lượng ngày càng cao. Hiện nay Khoa đang trực tiếp quản lý 21 lớp với 940 sinh viên hệ chính quy theo học ở 6 ngành đào tạo đại học và 2 ngành đào tạo cao đẳng.

- Trong những năm qua Khoa đã đào tạo hệ chính quy được gần 700 sinh viên có trình độ ĐHSP Toán học, gần 300 sinh viên có trình độ ĐHSP Vật lý, gần 250 sinh viên có trình độ ĐHSP Tin học, hơn 5000 sinh viên có trình độ CĐSP và trên 2000 sinh viên ĐHSP hệ vừa học vừa làm. Trong đó đã có rất nhiều sinh viên của Khoa hiện nay đang đảm nhiệm tốt việc giảng dạy tại các trường phổ thông và tham gia tích cực các hoạt động xã hội ở trên địa bàn công tác.

- Khoa thường xuyên chú ý bồi dưỡng sinh viên giỏi, Hằng năm tổ chức thi chọn sinh viên giỏi cấp khoa, cấp trường như: thi Sinh viên yêu thích bộ môn Toán học, Vật lý, Tin học; thi Olympic các môn Đại số, Giải tích, Tin học; thi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giỏi;

2.4. Nghiên cứu khoa học

- Song song với công tác giảng dạy, học tập thì công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng công tác, giảng dạy và học tập luôn được Khoa quan tâm và coi đó là động lực nâng cao hiệu quả dạy học.

Hằng năm Khoa giao cho tất cả các tổ chuyên môn đều phải đăng ký và thực hiện đề tài NCKH, đặc biệt là nghiên cứu đề hướng dẫn sinh viên làm đề tài NCKH và sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp. Các đề tài tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đào tạo, nghiệp vụ, nghiên cứu kiến thức khoa học cơ bản,...

- Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học mỗi năm từ 15 đến 20 đề tài, trong đó 70% xếp loại giỏi trở lên,

- Hướng dẫn SV làm khóa luận tốt nghiệp đạt loại khá giỏi trở lên

- Giảng viên thực hiện mỗi năm từ 5 đến 7 đề tài NCKH cấp trường, xếp loại khá trở lên

3. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Thời kỳ 1960-1968: Ban tự nhiên, Trường Sư phạm cấp 2 Tây Bắc

3.2. Thời kỳ 1968-1980: Ban Toán - Lý, Trường 10 + 3 Tây Bắc

3.3. Từ 1980 đến 1988

- Trưởng khoa: Hoàng Kim Thông

- Phó Trưởng khoa: Lê Tiến Thành: 1980 - 1983

- Phó Trưởng khoa: Nguyễn Văn Khoát: 1983 - 1987

- Phó Trưởng khoa: Đặng Quang Việt: 1987 - 1988

3.4. Từ 1988 đến 1994

- Trưởng khoa: Đặng Quang Việt

- Phó Trưởng khoa: Trần Phần

3.5. Từ 1994 đến 2001

- Trưởng khoa: Trần Phần

- Phó Trưởng khoa: Đinh Thanh Tâm

3.6. Từ 2001 đến 2002

Q. Trưởng khoa



Họ và tên: Đinh Thanh Tâm

Năm sinh: 11/03/1965

Quê quán: Nghĩa Hưng, Nam Định

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.7. Từ 2002 đến 2013

Trưởng khoa (2002-2007)



Họ và tên: Nguyễn Triệu Sơn

Năm sinh: 23/01/1963

Quê quán: Thanh Thủy, Phú Thọ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Trưởng khoa (2007-2013)



Họ và tên: Nguyễn Triệu Sơn
Năm sinh: 23/01/1963
Quê quán: Thanh Thủy, Phú Thọ
Học hàm, học vị: Tiến sĩ (2008)

P. Trưởng khoa (2007-2013)



Họ và tên: Hoàng Ngọc Anh
Năm sinh: 18/10/1967
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Tiến sĩ (2010)

P. Trưởng Khoa: 2007 - 2013



Họ và tên: Ngô Đức Quyền
Năm sinh: 15/11/1959
Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.8. Từ 2013 đến nay
Trưởng khoa



Họ và tên: Hoàng Ngọc Anh
Năm sinh: 18/10/1967
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Mai Văn Tám
Năm sinh: 23/09/1963
Quê quán: Xuân Trường, Nam Định
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Mai Anh Đức
Năm sinh: 23/11/1975
Quê quán: Ý Yên, Nam Định
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao.

4.1. Tóm tắt những thành tích chung đã đạt được

- Nhiều năm liên đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.
- Tập thể Khoa được tặng 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Lai Châu.
- Nhiều lượt cán bộ giảng viên của khoa đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ban ngành và các tổ chức đoàn thể ở Trung ương và địa phương.
- Được nhận cờ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La tặng chi bộ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

4.2. Các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận trong 5 năm gần đây

1. Danh hiệu thi đua

a. Tập thể:

- 04 năm liên Khoa được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là Tập thể lao động xuất sắc.
- 5 năm liên Khoa đều đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 08 tổ bộ môn đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.
- 5 năm liên chi bộ Khoa đều đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh.

b. Cá nhân:

- 03 lượt cá nhân được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp Bộ.
- 24 lượt cá nhân được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.
- 183 lượt cá nhân được công nhận đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

2. Hình thức khen thưởng

a. Tập thể:

- Được tặng 04 Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Được tặng 03 Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La.
- Được tặng 03 Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- Được tặng 02 Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam.

b. Cá nhân:

- Có 01 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Có 07 lượt cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Có 03 lượt cá nhân được tặng Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La.
- Có 03 lượt cá nhân được tặng Bằng khen của UBND tỉnh Sơn La.
- Có 03 lượt cá nhân được tặng Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

- Có 03 lượt cá nhân được tặng Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam.
- Có 26 cá nhân được tặng Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục.
- Có 02 cá nhân được tặng Huy chương Vì thế hệ trẻ.

Ngoài ra, còn có nhiều lượt tập thể và cá nhân được nhận Bằng khen và giấy khen của các cấp tổ chức đoàn thể ở Trung ương và địa phương. Năm 2011 Khoa Toán - Lý - Tin được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

KHOA NGỮ VĂN (1960-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 30/06/1960 Bộ trưởng Bộ Giáo dục kí Quyết định số 267/QĐ về việc thành lập Trường Sư phạm Cấp II liên tỉnh, trong đó có Trường Sư phạm Cấp II đặt tại Khu Tự trị Thái-Mèo, Tổ Xã hội được thành lập.

- Thời kỳ 1960-1980: Tổ Xã hội, Ban Xã hội, Khoa Xã hội

- Thời kỳ từ 1980-2002: Khoa Văn-Sử

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Khoa Ngữ Văn.

- Ngày 21/10/2002 Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 141/QĐ điều chuyển 07 giáo viên Lịch sử thuộc khoa Văn - Sử và 05 giáo viên Địa lí thuộc khoa Sinh - Hoá quản lí về thành lập Khoa Sử-Địa.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

1.2.1. Thời kỳ 1960-1981: Tổ Xã hội, Ban Xã hội, Khoa Xã hội

1.2.2. Thời kỳ từ 1981-2002: Khoa Văn-Sử

1.2.3. Thời kỳ 2002-2015: Khoa Ngữ văn

1.3. Số lượng cán bộ giảng viên, sinh viên của đơn vị hiện nay

Hiện nay Khoa có 5 tổ, bộ môn; tổng số 26 cán bộ, giảng viên, trong đó có 2 Tiến sĩ, 21 Thạc sĩ, 03 Cử nhân. Số lớp trong khoa hiện nay có 14 lớp.

Cán bộ, giảng viên Khoa Ngữ Văn (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1. Chức năng nhiệm vụ được giao

Khoa là đơn vị quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý hành chính cấp cơ sở của Trường. Khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo kế hoạch năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện các nhiệm vụ do Nhà trường giao khi cần thiết.

Khoa có nhiệm vụ thường xuyên nắm bắt nhu cầu xã hội và thông tin quốc tế, không ngừng cải tiến nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, đảm bảo cho sinh viên ra trường có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhiệm vụ chính của Khoa là:

- Tổ chức quản lý hoạt động đào tạo
- Tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ
- Quản lý cơ sở vật chất
- Quản lý giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Khoa
- Quản lý người học thuộc Khoa
- Xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao, đảm nhận tốt được công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới;
- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo;
- Tổ chức các hoạt động phong trào văn thể, xây dựng nếp sống lành mạnh trong đơn vị.

2.2. Các ngành đã đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo trình độ Cử nhân CDSP Văn- Hán Nôm, Cử nhân CDSP Văn-Sử, Cử nhân CDSP Văn – Công tác Đội, Cử nhân CDSP Văn-Giáo dục Công dân.
- Đào tạo trình độ Cử nhân Sư phạm Ngữ văn, Cử nhân Sư phạm Văn-GD Công dân
- Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

2.3. Rèn luyện nghiệp vụ

Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên tại các trường THPT, THCS tại thành phố Sơn La;

Kiến tập, thực tập theo Kế hoạch đào tạo của Nhà trường tại THPT và THCS ở các địa phương từ Hà Tĩnh trở ra.

Khoa thường xuyên chú ý bồi dưỡng sinh viên giỏi, Hằng năm tổ chức thi chọn sinh viên giỏi cấp khoa, cấp trường như: thi Sinh viên yêu thích bộ môn: Tiếng Việt, Văn học Việt Nam, Lí luận văn học.

2.4. Nghiên cứu khoa học

- Nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học giáo dục phục vụ công tác đào tạo;
- Viết giáo trình phục vụ hoạt động dạy học;
- Viết bài báo khoa học công bố kết quả nghiên cứu;

Xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Thời kỳ 1960-1980

- Tổ Xã hội

Tổ trưởng Lê Kỳ Huân (1960 – 1964)

- Ban Xã hội (1964 – 1967)

- Khoa Xã hội (1967-1980)

+ Trưởng khoa: Cầm Quỳnh (1967-1975)

+ Trưởng khoa: Phạm Văn Na (1980-1981)

3.2. Thời kỳ 1981-2001

Trưởng khoa: Nguyễn Lập lễ (1981-1983)

P. Trưởng khoa: Phạm Ngọc Quang (1981-1983)

Trưởng khoa (1983-1990)



Họ và tên: Phạm Ngọc Quang

Năm sinh: 04/01/1955

Quê quán: Vụ Bản, Nam Định

Học hàm, học vị: Cử nhân

P. Trưởng khoa: Nguyễn Công Lư (1983-1988)

P. Trưởng Khoa: Vũ Tiến Dũng (1988-1990)

Q. Trưởng khoa (1990-1991)



Họ và tên: Vũ Tiến Dũng

Năm sinh: 19/05/1959

Quê quán: Tỉnh Gia, Thanh Hoá

Học hàm, học vị: Cử nhân

Trưởng khoa (1991-1994)



Họ và tên: Vũ Tiến Dũng

Năm sinh: 19/05/1959

Quê quán: Tỉnh Gia, Thanh Hoá

Học hàm, học vị: Cử nhân

Trưởng khoa (1994-2002)

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yên
Năm sinh: 09/01/1960
Quê quán: Nga Sơn, Thanh Hóa
Học hàm, học vị: Cử nhân

3.3. Thời kỳ 2002-2013**Từ 2002 đến 2007****Trưởng khoa**

Họ và tên: Vũ Tiến Dũng
Năm sinh: 19/05/1959
Quê quán: Tĩnh Gia, Thanh Hoá
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa

Họ và tên: Đỗ Hồng Đức
Năm sinh: 18/07/1967
Quê quán: Mê Linh, Hà Nội
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Từ 2007 đến 2013**Trưởng khoa**

Họ và tên: Vũ Tiến Dũng
Năm sinh: 19/05/1959
Quê quán: Tĩnh Gia, Thanh Hoá
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa

Họ và tên: Nguyễn Công Tho
Năm sinh: 09/01/1956
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Từ 2013 đến nay

Trưởng khoa

Họ và tên: Bùi Thanh Hoa
Năm sinh: 05/09/1981
Quê quán: Đô Lương, Nghệ An
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa

Họ và tên: Phạm Phương Huyền
Năm sinh: 29/06/1980
Quê quán: Xuân Trường, Nam Định
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao.

- Nhiều năm liên đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.
- Tập thể Khoa được tặng 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
- Được tặng nhiều Bằng khen, giấy khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các tỉnh Sơn La, Lai Châu.
- Nhiều lượt cán bộ giảng viên của khoa đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ban ngành và các tổ chức đoàn thể ở Trung ương và địa phương.
- Được nhận cờ của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La tặng chi bộ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu.
- Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ

KHOA SINH - HÓA
(1960-2015)

1. Quá trình thành lập của khoa**1.1. Thời gian thành lập:**

- Ngày 30/06/1960 Bộ trưởng Bộ Giáo dục kí Quyết định số 267/QĐ về việc thành lập Trường Sư phạm Cấp II liên tỉnh, trong đó có Trường Sư phạm Cấp II đặt tại Khu Tự trị Thái-Mèo, Tổ Xã hội được thành lập.
- Thời kỳ 1960-1981: Tổ Tự nhiên, Ban Tự nhiên, Khoa Tự nhiên

- Ngày 06 tháng 04 năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ký Quyết định số 146/CP, nâng cấp Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Khoa Sinh Hóa (Faculty of Biology and Chemistry) là một trong 3 khoa cơ bản đầu tiên của Nhà trường.

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB) thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Khoa Sinh Hóa.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

1.2.1. Giai đoạn 1960 - 1980

- **Từ 1960 đến 1972:** giáo viên Sinh - Hoá thuộc tổ Tự nhiên có 7 người do thầy Trần Kiều làm Tổ trưởng.

- **Từ 1972 đến 1980,** giáo viên Sinh - Hoá thuộc khoa Tự nhiên.

- Giai đoạn 1981 - 2002

Ngày 06 tháng 04 năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ra Quyết định số 146/CP, nâng cấp Trường Sư phạm cấp II (10+3) Tây Bắc thành Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Khoa Sinh Hóa (Faculty of Biology and Chemistry) là một trong 3 khoa cơ bản đầu tiên của Nhà trường.

Năm 1982 kết thúc khóa đào tạo giáo viên 10+3 cuối cùng, Nhà trường từ đó chỉ đào tạo hệ cao đẳng chính quy, cao đẳng bồi dưỡng và Dự bị cao đẳng 7+2. Kết thúc năm học 1982 - 1983, Nhà trường đã cho ra đời những sản phẩm đầu tiên của hệ cao đẳng sư phạm chính quy.

Từ 1984, Nhà trường chuyển sang đào tạo ban rộng, trong đó khoa Sinh Hóa có nhiệm vụ đào tạo các ban: Sinh - Hóa - Địa - Kỹ, Sinh - Hóa - Địa, Sinh - KTNN, Sinh - Hóa, Sinh - Địa.

- Giai đoạn 2002 - 2015

+ Khoa Sinh - Hóa được thành lập theo quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 20 tháng 6 năm 2002, do Thứ trưởng Bộ Giáo dục Trần Văn Nhung ký.

+ Ngày 21/10/2002 Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ra Quyết định số 141/QĐ điều chuyển 07 giáo viên Lịch sử thuộc khoa Văn - Sử và 05 giáo viên Địa lí thuộc khoa Sinh - Hoá quản lí về thành lập Khoa Sử-Địa.

Hiện nay Khoa có: Chi bộ, Công đoàn bộ phận Khoa, Liên chi đoàn Khoa và Chi đoàn giáo viên cán bộ; tổng số giáo viên, cán bộ là 38, trong đó có 02 Tiến sĩ, 33 Thạc sĩ (11 đang đi đào tạo nghiên cứu sinh), 03 Cử nhân trình độ đại học (2 giảng viên cán bộ đang đi học Thạc sĩ). Qui mô sinh viên là trên 700.

Cán bộ, giảng viên Khoa Sinh Hóa (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ được giao:

Khoa Sinh - Hóa với nhiệm vụ đào tạo trọng tâm là khoa học cơ bản và khoa học thực nghiệm, cùng với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn.

Các ngành đào tạo, bồi dưỡng:

Đại học Sư phạm Sinh, Đại học Sư phạm Hoá học, Đại học Sư phạm Sinh - Hóa; cả hệ chính quy và hệ phi chính quy.

3. Lãnh đạo đơn vị

3.1. Giai đoạn 1960 - 1980

Cuối năm 1960: Tổ trưởng tổ Tự nhiên: CN. Trần Kiều

3.2. Giai đoạn 1981 - 2002

Trưởng khoa



Họ và tên: Nguyễn Thiện Tê

Năm sinh: 12/12/1948

Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình

Học hàm, học vị: Cử nhân

3.3. Từ 2002 đến 2013

Trưởng khoa



Họ và tên: Vũ Hồng Kim

Năm sinh: 15/07/1955

Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Văn Nhã
Năm sinh: 09/03/1970
Quê quán: Hiệp Hòa, Bắc Giang
Học hàm, học vị: Tiến sĩ (2008)

3.4. Từ 2013 đến nay

Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Văn Nhã
Năm sinh: 09/03/1970
Quê quán: Hiệp Hòa, Bắc Giang
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Doãn Văn Kiệt
Năm sinh: 09/03/1968
Quê quán: Tiên Lữ, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Lò Mai Thu
Năm sinh: 15/04/1977
Quê quán: Sốp Cộp, Sơn La
Học hàm, học vị: Tiến sĩ (2014)

4. Thành tích đạt được

4.1. Giai đoạn 1960 - 2002

- Từ 1960 đến 2002, Khoa Sinh - Hoá đã đào tạo được hàng trăm giáo viên góp phần tạo cơ sở.

- Cùng với công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao cũng không ngừng được khoa quan tâm...

4.2. Giai đoạn 2002 - 2015

- Hiện nay toàn khoa có tổng số 38 giảng viên, cán bộ; trong đó có 02 Tiến sĩ, 33 Thạc sĩ (11 đang đi đào tạo nghiên cứu sinh), 03 Cử nhân trình độ đại học (2 giảng viên cán bộ đang đi học ThS).

- Đến 2015, Khoa đã đào tạo được 09 khóa đại học: ĐHSP Sinh, ĐHSP Hóa và ĐHSP Sinh - Hóa.

- Qua hơn 13 năm đào tạo đại học, đã có hơn 50 lượt CBGV tiến hành thực hiện các đề tài NCKH cấp trường, trong đó chỉ có 1 đề tài xếp loại đạt, 14 đề tài loại khá, các đề tài còn lại xếp loại tốt do bám sát thực tiễn và có tính ứng dụng cao. Có 13 đề tài NCKH cấp Tỉnh và cấp Bộ, tất cả các đề tài được nghiệm thu đều được xếp loại tốt. Công tác NCKH cấp trường của CBGV đã được tiến hành đều đặn và đạt chất lượng trong vòng 13 năm qua.

KHOA SỬ - ĐỊA (2002-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Khoa Sử - Địa.

- Ngày 21/10/2002 Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 141/QĐ điều chuyển 07 giáo viên Lịch sử thuộc Khoa Văn - Sử và 05 giáo viên Địa

lí thuộc Khoa Sinh - Hoá quản lí về Khoa Sử-Địa, giao cho Chủ tịch Công đoàn Bộ phận 4 quản lí và bầu cử Ban Chủ nhiệm khoa vào ngày **23/10/2002**.

* **Địa chỉ:** Tầng IV, khu nhà Hiệu bộ Trường Đại học Tây Bắc, phường Quyết Tâm - thành phố Sơn La

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

1.2.1. Thời kỳ 1960-2002

- Giai đoạn 1960-1987: Tổ Lịch sử - Khoa Văn Sử.
- Giai đoạn 1988-1995: Tổ: Sử - Thể dục - Nga văn - Khoa Văn - Sử)
- Giai đoạn 1996-2002: Tổ Lịch sử - Khoa Văn Sử

1.2.2. Thời kỳ từ 2002 đến 2005:

- Khoa có 01 tổ Văn phòng Khoa và hai tổ chuyên môn: Bộ môn Lịch sử và Bộ môn Địa lý; với tổng số 17 giáo viên cán bộ.

- Các ngành đào tạo: Đại học Sư phạm Lịch sử, Đại học Sư phạm Địa lí, Đại học Sư phạm Sử - Địa, Cao đẳng Sư phạm Sử - Địa

1.2.2. Thời kỳ từ 2005 đến 2008

- Khoa có 01 tổ Văn phòng Khoa và 4 tổ chuyên môn: Bộ môn Lịch sử Việt Nam, Bộ môn Lịch sử Thế giới, Bộ môn Địa lý Kinh tế và Bộ môn Địa lý Tự nhiên - Phương pháp dạy học Địa Lý; với tổng số 22 giáo viên cán bộ.

- Các ngành đào tạo: Đại học Sư phạm Lịch sử, Đại học Sư phạm Địa lí, Đại học Sư phạm Sử - Địa, Cao đẳng Sư phạm Sử - Địa

- Các ngành đào tạo liên thông cao đẳng lên đại học: Đại học Sư phạm Lịch sử, Đại học Sư phạm Địa lí

1.2.3. Thời kỳ từ 2008 đến 2015

- Khoa có 01 tổ Văn phòng và 4 bộ môn: Bộ môn Lịch sử Việt Nam, Bộ môn Lịch sử Thế giới và PPDH Lịch sử, Bộ môn Địa lý Kinh tế và Bộ môn Địa lý Tự nhiên - Phương pháp dạy học Địa lý.

- Các ngành đào tạo: Đại học Sư phạm Lịch sử, Đại học Sư phạm Địa lí, Đại học Sư phạm Sử - Địa, Cao đẳng Sư phạm Sử - Địa và tham gia đào tạo chuyên ngành Quản lý Tài nguyên - Môi trường (liên kết với Khoa Nông - Lâm)

- Các ngành đào tạo liên thông cao đẳng lên đại học: Đại học Sư phạm Lịch sử, Đại học Sư phạm Địa lí

Hiện nay Khoa có: Chi bộ, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Khoa và Chi đoàn giáo viên cán bộ; 29 giáo viên cán bộ, trong đó có: 01 PGS.Tiến sĩ, 02 Tiến sĩ, 24 Thạc sĩ (có 14 Thạc sĩ đang làm nghiên cứu sinh), 1 Cử nhân. Quy mô sinh viên: 900 sinh viên

- Về cơ sở vật chất:

Khoa có: 03 phòng làm việc (02 văn phòng của Khoa, 01 văn phòng của các Bộ môn), 01 phòng máy, với 40 dàn máy vi tính.

Cán bộ, giảng viên Khoa Sử - Địa (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

- Đào tạo giáo viên Trung học Phổ thông, Trung học Cơ sở, Kỹ sư Quản lý Tài nguyên - Môi trường.
- Giảng dạy lịch sử Văn minh thế giới và Cơ sở Văn hoá Việt Nam cho sinh viên toàn Trường.
- Tham gia đào tạo Thạc sĩ cùng Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.
- Nghiên cứu khoa học, bao gồm cả nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục phục vụ công tác đào tạo.
- Viết giáo trình, Xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi phục vụ hoạt động dạy học.
- Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên tại các trường tiểu học, trường mầm non tại thành phố Sơn La.
- Tổ chức các hoạt động phong trào văn thể, xây dựng nếp sống lành mạnh trong đơn vị.
- Nghiên cứu và bảo tồn văn hóa các dân tộc Tây Bắc.
- *Tầm nhìn:* đến năm 2017, đào tạo trình độ sau đại học 2 chuyên ngành: Lịch sử và Địa Lí.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 2002 đến 2005

Trưởng khoa



Họ và tên: Bùi Việt Hùng
Năm sinh: 25/12/1965
Quê quán: Cát Hải, Hải Phòng
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Văn Lực
Năm sinh: 12.08.1962
Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.2. Từ 2005 đến 2008

Q. Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Văn Lực
Năm sinh: 12/08/1962
Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P.Trưởng khoa



Họ và tên: Lò Văn Nét
Năm sinh: 05/04/1960
Quê quán: Sông Mã, Sơn La
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.3. Từ 2008 đến 2013

Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Văn Lực
Năm sinh: 12/08/1962
Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Hoàng Xuân Thành
Năm sinh: 05/01/1960
Quê quán: Yên Lập, Phú Thọ
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.4. Từ 2013 đến nay

Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Văn Lực
Năm sinh: 12.08.1962
Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Phó Giáo sư Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Đỗ Thúy Mùi
Năm sinh: 04/01/1968
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Đinh Ngọc Ruấn
Năm sinh: 25/09/1976
Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được của đơn vị

Cá nhân:

- 2 đồng chí được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2007 và 2010, 01 đồng chí được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm học 2005-2006 và 2009-2010.
- 04 đồng chí được tặng bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 04 đồng chí được UBND - Tỉnh ủy Sơn La tặng giấy khen.
- 06 đồng chí liên tục được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Cơ sở, 21 đồng chí liên tục đạt danh hiệu Lao động Tiên tiến.

Tập thể:

- Khoa Sử - Địa được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen các năm học 2003-2004, 2005-2006, 2007-2008, 2009-2010.
- Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc tặng giấy khen về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 5 năm (2005-2010).
- Ban Thường vụ Đảng ủy tặng Giấy khen về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2008, 2009, 2010, 2011.
- Chi đoàn giáo viên, cán bộ được Đoàn trường Đại học Tây Bắc tặng giấy khen về thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn năm 2008.

- Năm 2009, được Tỉnh ủy Sơn La công nhận Chi bộ “Là gương điển hình làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

- Năm 2010, Chi bộ được tặng Bằng khen của tỉnh ủy về thành tích phòng Chống ma túy.

- Năm học 2012-2013, Khoa Sử -Địa được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là tập thể Lao động Xuất sắc

Ngoài ra, trong các năm 2008-2009 Khoa Sử - Địa liên tục đạt thành tích cao trong phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao: vô địch toàn trường về bóng đá nam và nữ sinh viên; giải nhất hội diễn văn nghệ cấp Trường năm học 2008-2009.

KHOA TIỂU HỌC MẦM NON (2003-2015)

1. Quá trình thành lập đơn vị:

1.1. Thời gian thành lập:

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Khoa Tiểu học – Mầm Non.

- Ngày 27 tháng 8 năm 2003 Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 146/QĐ – TCCB thành lập Khoa Tiểu học - Mầm Non.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

1.2.1. Thời kỳ 2003-2007:

- Khoa mới đầu thành lập chỉ có 08 giảng viên, cán bộ.

- Qui mô sinh viên: Khoa có 3 lớp Đại học: K.44 Đại học Giáo dục Tiểu học, K.44 Đại học Giáo dục Mầm non, K.44 Đại học Sư phạm tiếng Anh.

1.2.2. Thời kỳ 2007-2013:

Các ngành đào tạo bồi dưỡng

+ Đào tạo trình độ Cử nhân Đại học Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non;
+ Đào tạo trình độ Cử nhân Cao đẳng Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non.

1.2.2. Thời kỳ 2013-2018:

- Các ngành đào tạo bồi dưỡng

+ Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học Tiểu học (2014)

+ Đào tạo trình độ Cử nhân Đại học Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non;
+ Đào tạo trình độ Cử nhân Cao đẳng Giáo dục Tiểu học và Giáo dục Mầm non.

- Năm học 2014 - 2015, Khoa có: Chi bộ, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Khoa và Chi đoàn giáo viên cán bộ, 28 giảng viên cán bộ. Qui mô sinh viên, học viên: 47 lớp Đại học và Cao đẳng Sư phạm Tiểu học - Mầm Non, với qui mô 1700 sinh viên, 01 lớp Thạc sĩ: Lí luận và Phương pháp dạy học Tiểu học, với 9 học viên cao học.

Cán bộ, giảng viên Khoa Tiểu học - Mầm non (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ:

- Đào tạo Cử nhân Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non (2003), Thạc sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học Tiểu học (2014)

- Nghiên cứu khoa học, bao gồm cả nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục phục vụ công tác đào tạo.
- Viết giáo trình, xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi phục vụ hoạt động dạy học.
- Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên cho sinh viên.
- Tổ chức các hoạt động phong trào văn thể, xây dựng nếp sống lành mạnh trong đơn vị.

3.Lãnh đạo đơn vị qua các thời kì

3.1. Từ 2003 đến 2013

Trưởng khoa (2003-2007)



Họ và tên: Trần Thị Thanh Hồng

Năm sinh: 09/08/1963

Quê quán: Bình Lục, Hà Nam

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Trưởng khoa (2007-2013)



Họ và tên: Trần Thị Thanh Hồng

Năm sinh: 09/08/1963

Quê quán: Bình Lục, Hà Nam

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Đặng Thị Sợi

Năm sinh: 18/03/1969

Quê quán: Hưng Hà, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.2. Từ 2013 đến nay

Trưởng khoa



Họ và tên: Vũ Tiên Dũng

Năm sinh: 19/05/1959

Quê quán: Tĩnh Gia, Thanh Hoá

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa

Họ và tên: Điều Tố Uyên



Năm sinh: 06/09/1973

Quê quán: Quỳnh Nhai, Sơn La

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lí, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao

4.1. Công tác quản lí, đào tạo, bồi dưỡng

Khoa đã đào tạo được 1639 cử nhân hệ chính quy, hơn 3000 cử nhân phi chính quy (bao gồm hệ chuyên tu và liên thông vừa làm vừa học). Sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm.

4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Có 03 giảng viên là cộng tác viên của Dự án thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã hoàn thành 01 đề tài Dự án.

Có 02 đề cấp Bộ và được xếp loại tốt

Có 20 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của giảng viên đều được xếp loại tốt và xuất sắc.

Có 118 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của sinh viên đều được xếp loại tốt, xuất sắc; trong đó có 01 đề tài của sinh viên đạt giải khuyến khích cấp Bộ.

Có 21 bài báo khoa học đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành và Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia.

4.3. Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao...

Khoa có phong trào văn nghệ khá mạnh, luôn đạt giải nhất trong cuộc thi "Tiếng hát sinh viên" của Nhà trường. Phong trào thể thao phát triển khá mạnh, một số môn thi đấu luôn đạt giải cao (nhất, nhì, ba) trong hoạt động hội thao của Nhà trường.

KHOA NÔNG - LÂM (2006-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị:

1.1. Thời gian thành lập:

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Ban Kinh tế (tiền thân của Ban Kinh tế -Nông Lâm).

- Ngày 27 tháng 8 năm 2003, Ban Kinh tế - Nông lâm được thành lập theo Quyết định số 151/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Bắc.

- Ngày 9 tháng 1 năm 2006 Khoa Nông-Lâm được chính thức thành lập trên cơ sở Ban Kinh tế Nông-Lâm.

- Ngày 14 tháng 8 năm 2008, Bộ môn Kinh tế tách khỏi Khoa Nông lâm-Kinh tế theo Quyết Định số 415/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tây Bắc. Khoa Nông lâm-Kinh tế đổi tên thành Khoa Nông - Lâm.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

1.2.1. Thời kỳ 2003 - 2006: ban Kinh tế - Nông lâm

- Ngày 27 tháng 8 năm 2003, Ban Kinh tế - Nông lâm được thành lập theo Quyết định số 151/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Bắc. Khi mới thành lập, Ban Kinh tế - Nông lâm có 4 thành viên (ThS. Vũ Quang Giảng Trưởng Ban, KS. Cao Đình Sơn, KS. Nguyễn Tiến Dũng, CN. Trần Quốc Thụ) sinh hoạt tại Khoa Sinh- Hóa. Nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Nông lâm là xây dựng, phát triển các ngành thuộc khối Kinh tế và khối Nông-Lâm của trường Đại học Tây Bắc.

1.2.2. Thời kỳ 2006 - 2008: Khoa Nông Lâm - Kinh tế

- Ngày 9 tháng 1 năm 2006, Khoa Nông lâm - Kinh tế được thành lập trên cơ sở Ban Kinh tế - Nông lâm. Cơ cấu tổ chức của Khoa Nông lâm - Kinh tế gồm ban Chủ nhiệm Khoa và 3 Bộ môn (Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Kinh tế).

- Năm 2008, Bộ môn Kinh tế tách ra khỏi Khoa Nông lâm-Kinh tế và thành lập Ban Kinh tế chuyển về cơ sở TP Sơn La; bộ phận hành chính, bảo vệ tại cơ sở Thuận Châu được K hoa Nông-Lâm thống nhất quản lý;CN. Trần Anh Dũng được bổ nhiệm Tổ trưởng Tổ Hành chính-Bảo vệ. Khoa Nông lâm - Kinh tế được đổi tên thành Khoa Nông-Lâm và phụ trách các hoạt động tại cơ sở Thuận Châu.

1.2.3. Thời kỳ 2008-2015: Khoa Nông - Lâm

- Ngày 14 tháng 8 năm 2008, Bộ môn Kinh tế tách khỏi Khoa Nông lâm-Kinh tế theo Quyết Định số 415/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tây Bắc. Khoa Nông lâm-Kinh tế đổi tên thành Khoa Nông - Lâm.

- Ngày 02/02/2013, Khoa Nông- Lâm đã di chuyển từ cơ sở Thuận Châu về cơ sở TP Sơn La theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHTB-TCCB ngày 25/01/2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Bắc. Nhà Trường thành lập Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm Nông- Lâm nghiệp tại cơ sở Thuận Châu.

- Cơ cấu tổ chức Khoa Nông-Lâm nhiệm kỳ 2013-2018 gồm 01 tổ Văn phòng khoa và 5 bộ môn: Nông học, Chăn nuôi-Thú y, Lâm học, Quản lý tài nguyên và Môi trường, Sinh học ứng dụng. Đào tạo 5 chuyên ngành trình độ đại học và cao đẳng (Nông học, Lâm sinh, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Quản lý tài nguyên và môi trường).

Hiện nay, đội ngũ cán bộ-giảng viên của Khoa Nông-Lâm là 46, trong đó có 02 tiến sĩ, 35 thạc sĩ (7 đang NCS), 9 kỹ sư.

Cán bộ, giảng viên Khoa Nông - Lâm (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ, tầm nhìn, sứ mạng:

- *Chức năng và nhiệm vụ:* đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học thuộc khối Nông- Lâm nghiệp và Tài nguyên Môi trường như các ngành: Nông học, Lâm sinh, Bảo vệ Thực vật, Quản lý Tài nguyên Môi trường, Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản vv... Tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật Nông, Lâm, Ngư nghiệp và Tài nguyên-Môi trường ở các tỉnh Tây Bắc và vùng lân cận. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn của Khoa. Quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

- *Sứ mạng:* xây dựng Khoa Nông-Lâm trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Nông-Lâm-Ngư nghiệp và Tài nguyên-Môi trường ở khu vực Tây Bắc góp phần phát triển bền vững kinh tế trong khu vực.

- *Tầm nhìn:* đến năm 2020, đào tạo trình độ sau đại học các ngành thuộc khối Nông- Lâm và Tài nguyên- Môi trường. Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu các lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp và Tài nguyên, Môi trường

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 2003 đến 2006 (Ban Kinh tế - Nông lâm)

Trưởng ban



Họ và tên: Vũ Quang Giảng

Năm sinh: 21/11/1968

Quê quán: Hưng Hà, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.2. Từ 2006 đến 2008 (Khoa Nông Lâm - Kinh tế)

Trưởng khoa



Họ và tên: TS. Đoàn Đức Lân
Năm Sinh: 21/04/ 1967
Quê quán: Nam Trực, Nam Định
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

3.3. Từ 2008 đến 2013 (Khoa Nông Lâm)
Trưởng khoa



Họ và tên: TS. Đoàn Đức Lân
Năm Sinh: 21/04/ 1967
Quê quán: Nam Trực, Nam Định
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

3.4. Từ 2013 đến nay (Khoa Nông - Lâm)
Trưởng khoa



Họ và tên: TS. Vũ Quang Giảng
Năm sinh: 21/11/1968
Quê quán: Hưng Hà, Thái Bình
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Nguyễn Văn Khoa
Năm sinh: 05/10/1981
Quê quán: Yên Mô, Ninh Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P.Trưởng khoa



Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng
Năm sinh: 20/12/1979
Quê quán: Ba Vì, Hà Nội
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được của đơn vị

- Công tác xây dựng đội ngũ: khoa luôn trú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên kể cả số lượng và chất lượng; coi đội ngũ là yếu tố hành đầu quyết định đến sự thành công của đơn vị. Khi mới thành lập, ban Kinh tế- Nông Lâm có 04 cán bộ; cho đến nay, đội ngũ cán bộ-giảng viên của khoa Nông-Lâm là 46, trong đó có 02 tiến sĩ, 35 thạc sĩ (7 đang NCS), 9 kỹ sư.

- Công tác đào tạo: đến nay, khoa Nông- Lâm đã có 8 khóa sinh viên ra trường với khoảng 1500 sinh viên.

- Công tác nghiên cứu khoa học phát triển mạnh mẽ. Từ khi thành lập đến nay cán bộ, giảng viên trong Khoa đã và đang thực hiện 12 đề tài cấp bộ; 14 đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh; 01 dự án do Bộ Nông nghiệp và PTNT tài trợ. Cán bộ, giảng viên nhận nhiều giải thưởng và bằng khen về Khoa học công nghệ như: giải thưởng sáng tạo Khoa học công nghệ VIFOTEC, Giải thưởng Lương Định Của vv...

- Hợp tác quốc tế được trú trọng và đẩy mạnh; khoa Nông-Lâm đã tăng cường hợp tác với các tổ chức Quốc tế như tổ chức SNV của Hà Lan, Ngân hàng thế giới (WB), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Trung tâm Nông Lâm thế giới (ICRAF), Công ty FORD Việt Nam, Quỹ Uninever Việt Nam, Tổ chức dịch vụ và phát triển Đức vv...

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất: khoa tăng cường xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu; tranh thủ sự giúp đỡ của tổ chức JICA, từng bước hoàn thiện các phòng thí nghiệm chuyên sâu.

KHOA NGOẠI NGỮ (2007-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị:

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định (số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB) thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Ban Ngoại ngữ.

- Khoa Ngoại ngữ được thành lập theo Quyết định số 291/QĐ-ĐHTB-TCTB ngày 15/10/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị:

1.2.1. Thời kỳ từ 1960 đến 1980: chưa có giảng viên ngoại ngữ.

1.2.2. Thời kỳ từ 1981 đến 2001:

- Giai đoạn 1981-1985: Tổ: Thể dục, Nga văn, Nhạc hoạ (7 người) - Trực thuộc Ban Giám hiệu.

- Giai đoạn 1986-1988: Tổ: Lý - Nga Văn (Khoa Toán Lí)

- Giai đoạn 1988-1995: Tổ: Sử- Thể dục - Nga văn (Khoa Văn - Sử)

- Giai đoạn 1996-2000: Tổ: Ngoại ngữ - Trực thuộc Ban Giám hiệu

1.2.3. Thời kỳ 2001-2007: Ban Ngoại ngữ - Trực thuộc Ban Giám hiệu.

- Trong giai đoạn mới thành lập Ban Ngoại ngữ đảm nhiệm giảng dạy môn tiếng Anh cho tất cả các khối lớp trong toàn trường.

- Năm 2003 Khoa Ngoại ngữ được giao đào tạo sinh viên chuyên ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng. Từ năm 2004 bắt đầu đào tạo sinh viên chuyên ngành sư phạm tiếng Anh trình độ đại học.

1.2.4. Thời kỳ 2007-2015: Khoa Ngoại ngữ

1.3. Số lượng giảng viên, cán bộ:

- Khi Khoa Ngoại ngữ được thành lập có 03 tổ bộ môn, gồm: Tổ Văn phòng khoa, tổ Lý thuyết tiếng, và tổ Thực hành tiếng.

- Từ 2013 đến nay, Khoa gồm 04 bộ môn: Bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Bộ môn Lý thuyết tiếng, Bộ môn Thực hành tiếng và Tổ Văn phòng khoa.

Tổng số cán bộ công nhân viên chức trong Khoa là 23 người, trong đó trên 55% có trình độ Thạc sĩ.

Cán bộ, giảng viên trong Khoa Ngoại ngữ (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ

Từ khi thành lập Khoa Ngoại ngữ đã được Ban Giám hiệu giao cho những nhiệm vụ sau:

- Giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh nói riêng.

- Đào tạo Cử nhân Sư phạm và Cử nhân Tiếng Anh

- Tham gia rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong Khoa và toàn Trường.

- Tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ Tiếng Anh cho cán bộ, giảng viên Nhà trường và các tỉnh Tây Bắc.
- Tham gia nghiên cứu khoa học, triển khai đề án ngoại ngữ cho khu vực Tây Bắc.

Hiện nay Khoa có: 06 lớp (4 lớp đại học sư phạm tiếng Anh và 2 lớp cao đẳng sư phạm tiếng Anh), tổng số sinh viên: 203

3. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kỳ:

-Từ 1994 đến 2000:

Tổ trưởng: Trần Quang Bình

-Từ 2001 đến 2004

Trưởng Ban: Trần Quang Bình

-Từ 2004 đến 2007

Trưởng Ban



Họ và tên: Phạm Thị Hồng Thanh

Năm sinh: 29/05/1977

Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình

Học hàm, học vị: Cử nhân

P. Trưởng Ban



Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Trà

Năm sinh: 28/05/1977

Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

-Từ 2007 đến 2013

Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Thị Hồng Thanh

Năm sinh: 29/5/1977

Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình

Học hàm, học vị: Cử nhân

P.Trưởng khoa

Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Trà
Năm sinh: 28/05/1977
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

-Từ 2013 đến nay
Trưởng khoa



Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Trà
Năm sinh: 28/05/1977
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Thủy
Năm sinh: 28/02/1981
Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được

- Sau 12 năm xây dựng trưởng thành, có 657 sinh viên tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tiếng Anh, Cao đẳng sư phạm tiếng Anh, Cao đẳng tiếng Anh.
- Đón nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND nhân dân tỉnh Sơn La trao tặng, danh hiệu thi đua “Tập thể lao động xuất sắc” của Nhà trường.
- Nghiên cứu, hoàn thiện và thực hiện chương trình đào tạo ở trình độ cao đẳng, đại học các ngành tiếng Anh đạt chuẩn theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch ngày 7272/BGDĐT-GDDH ngày 31/10/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai đề án dạy và học ngoại ngữ trong các trường đại học đến năm 2020.
- Phối hợp với đội ngũ các Nhà khoa học có uy tín tại các cơ sở đào tạo lớn để tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo các môn chuyên ngành do khoa quản lý đáp ứng chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Hoàn thiện hệ thống dữ liệu ngân hàng đề thi, cập nhật, bổ sung và chỉnh sửa theo định kỳ để phù hợp với những yêu cầu thực tế của công tác đào tạo.

- Trong những năm qua, giảng viên và sinh viên trong khoa luôn tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao do trường tổ chức.

KHOA KINH TẾ (2009-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Ban Kinh tế.

- Ngày 27 tháng 8 năm 2003, Ban Kinh tế - Nông lâm được thành lập theo Quyết định số 151/QĐ-TCCB của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

- Ngày 12 tháng 06 năm 2009, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 295/QĐ-ĐHTB-TCCB thành lập Khoa Kinh tế.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị:

1.2.1. Giai đoạn 2001-2009

- Tháng 7 năm 2006, Khoa Nông - Lâm - Kinh tế được thành lập (tiền thân Ban Nông - Lâm - Kinh tế thuộc Khoa Sinh Hóa). Khi đó, Bộ môn Kinh tế trực thuộc Khoa Nông - Lâm - Kinh tế quản lý, đào tạo 2 ngành gồm: Kế toán tổng hợp và Quản trị kinh doanh (liên kết đào tạo với trường Đại học Kinh tế quốc dân).

- Ngày 14 tháng 8 năm 2008, bộ môn Kinh tế tách khỏi khoa Nông lâm-Kinh tế theo Quyết Định số 415/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu Trưởng Trường Đại học Tây Bắc để thành lập Ban Kinh tế và chuyển về cơ sở 1 tại Thành phố Sơn La.

1.2.2. Giai đoạn 2009-2014

- Ngày 12 tháng 06 năm 2009, Khoa Kinh tế được thành lập, với 2 bộ môn trực thuộc: Bộ môn Kế toán và Bộ môn Quản trị kinh doanh. Khoa Kinh tế là một trong những khoa có tuổi đời rất trẻ so với bề dày 55 năm xây dựng và trưởng thành của Trường Đại học Tây Bắc. Đến năm 2013, Khoa có 03 Bộ môn trực thuộc: Bộ môn Kế toán, Bộ môn Kinh tế và Bộ môn Quản trị Kinh doanh và thành lập mới Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ kinh tế trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc.

1.2.3. Giai đoạn từ 2014 đến nay

Đến 2015, Khoa có:

- Chi bộ lãnh đạo toàn diện đơn vị, Công đoàn bộ phận Khoa, Liên chi đoàn và Chi đoàn giáo viên cán bộ.

- Tổng số giáo viên, cán bộ hiện tại là 30 người, trong đó có 23 đồng chí là Thạc sĩ và 11 đồng chí đang làm nghiên cứu sinh. Về bộ máy quản lý, Khoa có Ban chủ nhiệm khoa gồm 3 đồng chí (1 Trưởng khoa, 2 Phó trưởng khoa), 3 đồng chí Trưởng bộ môn và 3 đồng chí Phó trưởng bộ môn.

- Tổng số 31 lớp sinh viên chính quy và 1.645 sinh viên bắt đầu từ khóa 45. Trong đó, có 1.051 sinh viên chuyên ngành Kế toán (chiếm 62,7%), 374 sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh (chiếm 22,3%) và 251 sinh viên chuyên ngành Tài chính Ngân hàng (chiếm 15%).

- Đối với các lớp hệ vừa làm vừa học, tính đến năm 2015 Khoa đã đào tạo trên 40 lớp học viên bắt đầu từ khóa 46 đến khóa 55 tại Trường Đại học Tây Bắc, Lai Châu, Than Uyên và Điện Biên. Trong đó có 38 lớp Đại học Kế toán và Liên thông Kế toán và 04 lớp Đại học Quản trị kinh doanh.

Cán bộ, giảng viên Khoa Kinh tế (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1. Chức năng, nhiệm vụ được giao

Kể từ khi thành lập vào tháng 7 năm 2009, Khoa Kinh Tế đã không ngừng phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng và quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học cho vùng Tây Bắc. Các nhiệm vụ chính trong đào tạo của Khoa:

- Đào tạo chính qui và đào tạo vừa làm vừa học trình độ Đại học, cao đẳng các chuyên ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh;
- Liên kết với Trường Đại học Kinh tế quốc dân đào tạo Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng.
- Tổ chức quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ;
- Quản lý đội ngũ cán bộ, giảng viên thuộc Khoa;
- Quản lý sinh viên hệ chính quy và phi chính quy;
- Quản lý cơ sở vật chất.

2.2. Các ngành đào tạo, bồi dưỡng

Về chuyên môn đảm nhiệm, khoa có 03 bộ môn: Bộ môn Kế toán, Bộ môn Kinh tế và Bộ môn Quản trị kinh doanh. Hiện tại, hai bộ môn phối hợp giảng dạy và liên kết đào tạo 3 ngành:

- Ngành Kế toán: Chính thức đào tạo từ năm học 2004 - 2005;
- Ngành Quản trị kinh doanh: Liên kết đào tạo với trường Đại học Kinh tế quốc dân từ năm học 2005 - 2006 và đến năm học 2009 - 2010 chuyên ngành này đã do Khoa chính thức đào tạo;
- Ngành Tài chính - Ngân hàng: Liên kết đào tạo với trường Đại học Kinh tế quốc dân từ năm học 2009 - 2010.

2.3. Công tác quản lý cơ sở vật chất

- Quản lý tốt cơ sở vật chất của văn phòng khoa, có hiệu quả sử dụng cao.
- Thường xuyên xây dựng kế hoạch mua giáo trình, tài liệu tham khảo có tính cập nhật mới gửi thư viện.

3. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 2009 đến 2014

Trưởng khoa



Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Anh
Năm sinh: 21/10/1981
Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa:



Họ và tên: Đoàn Thanh Hải
Năm sinh: 29/09/1982
Quê quán: Nghi Xuân, Hà Tĩnh
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.2. Từ 2014 đến nay

Trưởng khoa



Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Anh
Năm sinh: 21/10/1981
Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa:



Họ và tên: Đoàn Thanh Hải
Năm sinh: 29/09/1982
Quê quán: Nghi Xuân, Hà Tĩnh
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Hoàng Xuân Trọng
Năm sinh: 17/05/1979
Quê quán: TP. Sơn La, Sơn La
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao

4.1. Công tác quản lý, đào tạo và bồi dưỡng

Về hoạt động đào tạo, mặc dù Trường đã tiến hành đào tạo bậc đại học từ năm học 2001 - 2002, nhưng do mới thành lập, cơ cấu nhân sự còn đang trong quá trình hoàn thiện nên Khoa mới chỉ bắt đầu đào tạo bậc đại học từ năm học 2004 - 2005 với lớp đại học Kế toán đầu tiên có 45 sinh viên. Qua hơn 10 năm đào tạo, Khoa đã có hai Ngành đào tạo chính là Kế toán và Quản trị kinh doanh, tiếp tục liên kết đào tạo với trường Đại học Kinh tế quốc dân ngành Tài chính Ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện tại, số sinh viên đã tốt nghiệp là 7 khóa đào tạo với trên 1.000 sinh viên hệ chính quy, trên 1.000 học viên hệ vừa làm vừa học. Số lượng sinh viên chính quy hiện đang tham gia học tại Khoa là hơn 600 sinh viên (14 lớp) và 1.500 học viên hệ vừa làm vừa học (17 lớp). Số sinh viên đã tốt nghiệp được nhận vào công tác tại các đơn vị

hành chính sự nghiệp quan trọng của các tỉnh, huyện và một số đang làm việc tại các doanh nghiệp thuộc các tỉnh Tây Bắc. Nhiều sinh viên sau khi ra trường đã khẳng định được trình độ chuyên môn của mình và dần có vị trí tốt trong công việc, điển hình tại các đơn vị như: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sơn La, Trung tâm thông tin di động khu vực 1 - Chi nhánh Mobiphone Sơn La, Ngân hàng An Bình, Ngân hàng No&PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch các tỉnh Sơn La, Điện Biên,... Bên cạnh đó, Hằng năm, số học sinh đăng ký dự thi tuyển sinh vào các chuyên ngành của Khoa có xu hướng tăng lên. Những điều đó đã phần nào khẳng định được chất lượng đào tạo của Khoa, cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực ngành kinh tế của khu vực Tây Bắc nói riêng và miền Bắc nói chung.

Trong công tác quản lý: Khoa chỉ đạo thường xuyên, kịp thời những yêu cầu của Nhà trường về điều chỉnh, chỉnh sửa chương trình đào tạo để phù hợp với thực tiễn,... Công tác CVHT cũng được khoa quan tâm và ngày càng chất lượng.

Trong công tác bồi dưỡng chuyên môn:

- Khoa phối hợp cùng Phòng Công tác chính trị và quản lý người học, cùng với Công ty DaviLaw và Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa các tỉnh phía Bắc tổ chức khóa học “Khởi sự doanh nghiệp” với sự tham gia của 120 sinh viên khoa Kinh tế. Kết thúc khóa học các sinh viên đạt yêu cầu đã được cấp giấy chứng nhận. Năm 2013, Khoa tổ chức thành công chương trình giao lưu hợp tác với khối doanh nghiệp tỉnh Sơn La, gồm: *Ngân hàng đầu tư và phát triển, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giao thông, Công ty cổ phần Cơ khí Sơn La, Mobifone Sơn La, Công ty TNHH điện tử Tiến Thành*. Mời đại biểu của Chi đoàn cơ quan Đảng Ủy, Đoàn khối doanh nghiệp. Kết quả: cụ thể là đã ký kết bản giao ước hợp tác giữa các doanh nghiệp và trường Đại học Tây Bắc mở ra cơ hội lớn trong việc rèn nghề và luyện nghề sinh viên. Kết quả về truyền thông: có 01 bài báo trên báo Sơn La, bản tin trên truyền hình và đĩa CD 45 phút về hoạt động giao lưu hợp tác. Đây cũng là một cơ hội để quảng bá thương hiệu của Khoa Kinh tế nói riêng và Trường Đại học Tây Bắc nói chung trên địa bàn tỉnh Sơn La và khu vực Tây Bắc.

- Hoàn thành 04 giáo trình nội bộ, 24 bộ dữ liệu ngân hàng đề thi phục vụ cho công tác giảng dạy..

- Tổ chức thành công 01 lớp Bồi dưỡng trình độ Ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên trong khoa.

4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Từ 2006 đến 2015, đã triển khai và nhiệm vụ:

- 11 đề tài NCKH cấp trường, 01 đề tài NCKH cấp Bộ của giảng viên đạt kết quả tốt; 01 đề tài NCKH cấp Bộ và 01 đề tài NCKH cấp tỉnh đang triển khai.

- 36 đề tài NCKH của sinh viên, tất cả đều được đánh giá loại khá và tốt.

4.3. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao

Về hoạt động ngoại khóa, sinh viên trong khoa tham gia và hưởng ứng rất nhiệt tình các hoạt động do Liên chi đoàn, Đoàn trường, Tỉnh đoàn, TW Đoàn tổ chức, tiêu biểu như: cuộc thi Vẽ đẹp trí tuệ, Ai là Kế toán giỏi, cuộc thi Tiếng hát sinh viên, Hội diễn văn nghệ cấp Trường chào mừng các ngày lễ lớn... đều đạt giải cao và thường xuyên ở trong số các Khoa có phong trào văn nghệ - thể dục thể thao mạnh của Nhà trường; Tham gia các chiến dịch Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Sinh viên tình nguyện, Hiến máu nhân đạo... do Đoàn trường và Tỉnh đoàn tổ chức đều được đánh giá cao.

KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ (2009-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập:

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Ngày 12 tháng 06 năm 2009, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 295/QĐ-ĐHTB-TCCB thành lập Khoa Lý luận Chính trị, trên cơ sở Bộ môn Giáo dục chính trị.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Từ 1960 đến 1980: thuộc Ban Xã hội – Trường Sư phạm cấp 2 khu tự trị Thái – Mèo.

- Từ 1981 đến 1985: Bộ môn Chính Giáo (ghép giữa Chính trị và Tâm lý giáo dục) – Trục thuộc Ban Giám hiệu

- Từ 1985 đến 2002: Tổ Chính trị trực thuộc Ban Giám hiệu

- Thời 2002 đến 2009: Tổ Chính trị trực thuộc Ban Giám hiệu

- Từ 2009 đến nay: Khoa Lý luận Chính trị

1.3. Số lượng giảng viên, cán bộ:

- Hiện nay khoa Lý luận Chính trị có 22 cán bộ giảng viên, trong đó có 03 tiến sĩ, 18 thạc sĩ và 01 cử nhân.

Cán bộ, giảng viên Khoa Lý luận Chính trị (2015)



2. Chức năng và nhiệm vụ

- Giảng dạy, giáo dục, tuyên truyền, trang bị kiến thức các môn khoa học chính trị nhằm nâng cao trình độ lý luận, năng lực hoạt động, phẩm chất chính trị cho sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị, Văn- Giáo dục công dân nói riêng.

- Đào tạo Cử nhân Giáo dục chính trị, Cử nhân Sư phạm Văn - Giáo dục công dân; Cử nhân Cao đẳng Sư phạm Văn – Giáo dục công dân.

- Viết giáo trình, biên soạn chương trình đào tạo, xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi phục vụ hoạt động dạy học,

- Tham gia rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trong Khoa và toàn Trường.

- Tham gia nghiên cứu khoa học, hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo cho các tỉnh Tây Bắc.

3. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kỳ

- **Từ 1960 đến 1980:** thuộc Ban Xã hội – Trường Sư phạm cấp 2 Khu tự trị Thái – Mèo.

- **Từ 1981 đến 1985:** Tổ Chính giáo (Ghép giữa chính trị và Tâm lý giáo dục) – trực thuộc Ban Giám hiệu

Tổ trưởng: Phạm Văn Na (1981-1985)

- **Từ 1985 – 2002:** Tổ Chính trị - Trực thuộc Ban giám hiệu

Tổ trưởng: Lò Thị Mai

- **Từ 2002-2009:** Tổ Chính trị - Trực thuộc Ban giám hiệu

Tổ trưởng: Hoàng Văn Viện

Tổ phó: Hoàng Phúc

- **Từ 2009 đến 2014:** Khoa Lý luận Chính trị

Trưởng khoa



Họ và tên: Hoàng Văn Viện

Năm sinh: 07/05/1962

Quê quán: Quỳnh Nhai, Sơn La

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. trưởng khoa



Họ và tên: Hoàng Phúc
Năm sinh: 05/03/1974
Quê quán: Sông Thao, Phú Thọ
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Từ 2014 đến nay
Trưởng khoa



Họ và tên: Lê Thị Hương
Năm sinh: 20/02/1976
Quê quán: Kinh Môn, Hải Dương
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Phạm Thu Hà
Năm sinh: 08/03/1982
Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao

4.1. Công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học

- Năm 2001, Tổ Chính trị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Năm 2004, Tổ Chính trị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen về việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Ngoài ra, nhiều năm liền khoa Lý luận Chính trị được Hiệu trưởng nhà trường khen về thành tích: đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến và tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Năm 2013, có 1 giảng viên đạt giải 3 cuộc thi Giảng viên lý luận giỏi cấp tỉnh.
- Năm 2014, có 01 giảng viên được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen
- Trong 5 năm trở về đây đã tiến hành nghiên cứu và hoàn thành 12 đề tài NCKH cấp trường, có 53 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước, ngoài ra còn có nhiều bài đăng trên bản tin khoa học của nhà trường.
- Hướng dẫn nhiều đề tài NCKH, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên: Trung bình mỗi năm có 4 - 8 đề tài NCKH của sinh viên được xếp loại tốt trở lên. Năm học 2009 - 2010 có 01 đề tài NCKH của sinh viên được gửi đi cấp bộ, có 2 đề tài NCKH được tặng giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường”.

KHOA THỂ DỤC THỂ THAO (2010-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc.

- Ngày 16 tháng 08 năm 2010, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 438/QĐ-ĐHTB-TCCB thành lập Khoa Thể dục Thể thao trên cơ sở bộ môn Giáo dục Thể chất - Quốc phòng.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Trước năm 1992: Tổ Thể dục - Nhạc - Họa, thuộc khoa Văn - Sử

- Từ năm 1992 đến tháng 02 năm 2001: bộ môn Giáo dục Thể chất - Quốc phòng - Trục thuộc Ban Giám hiệu.

- Từ tháng 03 năm 2001 đến tháng 07 năm 2010, Bộ môn Giáo dục Thể chất - Quốc phòng Trục thuộc Ban Giám hiệu.

- Tháng 08 năm 2010 Khoa Thể dục Thể thao Trường Đại học Tây Bắc được thành lập trên cơ sở bộ môn Giáo dục Thể chất - Quốc phòng.

Tính đến thời điểm hiện nay khoa Thể dục Thể thao có 10 lớp với tổng số 520 sinh viên.

1.3. Số lượng giảng viên, cán bộ từ khi thành lập cho đến nay

Hiện nay Khoa có 3 bộ môn, tổng số 31 cán bộ, giảng viên, trong đó có 4 Nghiên cứu sinh, 24 Thạc sĩ, 7 Cử nhân.

Cán bộ, giảng viên Khoa Thể dục Thể thao (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1 Chức năng, nhiệm vụ được giao

- Khoa là đơn vị quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ . Khoa có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo kế hoạch năm học, thực hiện các nhiệm vụ do nhà trường giao. Đồng thời có nhiệm vụ thường xuyên nắm bắt nhu cầu xã hội và thông tin quốc tế không ngừng cải tiến nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo, đảm bảo cho sinh viên ra trường có đầy đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tổ chức đào tạo các cấp học trình độ cao đẳng, đại học chuyên ngành hoặc các liên ngành với các hình thức đào tạo: chính quy, liên thông chính quy và vừa học vừa làm. Tổ chức biên soạn cải tiến nội dung chương trình đào tạo theo chuyên ngành.

- Quản lý cán bộ giảng viên, sinh viên, xây dựng, phát triển đội ngũ phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học cho giảng viên.

- Góp phần rèn luyện kỹ năng, phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục, phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm.

2.2. Các ngành đào tạo, bồi dưỡng:

Khoa Thể dục Thể thao thực hiện nhiệm vụ đào tạo các ngành sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Thể chất
- Đào tạo trình độ đại học, ngành Giáo dục Thể chất
- Đào tạo trình độ đại học VHVL ngành Giáo dục Thể chất
- Giảng dạy môn giáo dục thể chất cho sinh viên các khối không chuyên

Khoa đã đào tạo được 8 lớp cao đẳng với tổng số: 318 sinh viên và 2 lớp đại học với tổng số 120 sinh viên đã ra trường và đáp ứng được nhu cầu giảng dạy ở các trường phổ thông, các sở, các trung tâm huấn luyện, các phòng, các xã... Hiện nay khoa Thể dục Thể thao đang tiếp tục đào tạo 10 lớp với tổng số 520 sinh viên.

2.3. Rèn luyện nghiệp vụ:

Trong quá trình giảng dạy giảng viên thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ dưới nhiều hình thức để nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ

giảng viên, sinh viên của khoa. Đặc biệt quan tâm chú trọng việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên trẻ. Mặt khác thường xuyên làm tốt công tác rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên.

2.4 Về công tác nghiên cứu khoa học:

Đứng trước xu thế phát triển của nền giáo dục hiện đại, dưới sự chỉ đạo của Nhà trường, phòng Khoa học và quan hệ Quốc tế, Ban chủ nhiệm Khoa Thể dục Thể thao đã xác định rõ tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học đối với hoạt động đào tạo. Khoa đã chỉ đạo sát sao từng giảng viên, từng bộ môn luôn đưa công tác nghiên cứu khoa học lên hàng đầu trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy và chất lượng giảng dạy. Từ những chỉ đạo đúng đắn đó, mỗi năm trong Khoa đều có từ hai đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường thuộc lĩnh vực Giáo dục Thể chất được triển khai. Các đề tài đều được đánh giá xếp loại cao và có tính ứng dụng cao vào thực tế quá trình giảng dạy và học tập.

Trong từng năm học Khoa Thể dục Thể thao đều phân công các giảng viên có kinh nghiệm chỉ đạo những sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường. Trung bình mỗi năm học đều có từ 4 - 5 sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả các đề tài do sinh viên trong khoa tiến hành nghiên cứu đều đạt loại khá giỏi.

3. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kì

3.1. Từ 2010 nay

Trưởng khoa



Họ và tên: Trần Văn Hạnh

Năm sinh: 30/12/1958

Quê quán: Nông Cống, Thanh Hoá

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng khoa



Họ và tên: Nguyễn Văn Chiêm

Năm sinh: 12/06/1968

Quê quán: Thanh Oai, Hà Nội

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao.

Thành tích của tập thể:

- Bộ môn Giáo dục Thể chất đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen tập thể tiên tiến xuất sắc, cùng nhiều Bằng khen của tỉnh Sơn La và Nhà trường.

- Khoa đã tham gia chỉ đạo, huấn luyện các đội tuyển thể thao của Nhà trường đi thi đấu các giải do địa phương và ngành tổ chức, trung ương tổ chức. Đã đạt được nhiều huy chương vàng, bạc, đồng ở nhiều môn thể thao.

Thành tích của cá nhân:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng
- Bằng khen của Bộ Giáo dục và đào tạo
- Huy chương vì sự nghiệp Thể dục Thể thao
- Huy chương vì sự nghiệp Công đoàn
- Huy chương vì sự nghiệp giáo dục
- Bằng khen Công đoàn Giáo dục Việt Nam
- Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng và phát triển Sơn La
- Bằng khen của Tỉnh uỷ Sơn La
- Bằng khen của Trung Ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
- Hoạt động văn nghệ: Khoa nhiều năm liền đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các cuộc thi tiếng hát sinh viên.
- Hoạt động thể thao: Tập thể và các nhân đạt được nhiều Huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải đấu do địa phương và ngành tổ chức, trung ương tổ chức.

BỘ MÔN TÂM LÝ - GIÁO DỤC (1960-2015)

1. Quá trình thành lập

1.1. Thời gian thành lập:

Năm 1985, Tổ Tâm lý- Giáo dục - đoàn đội được thành lập, trực thuộc Ban Giám hiệu.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị:

- Thời kỳ 1960-1981: Bộ Môn chung
- Từ 1981 đến 1985: Tổ Chính Giáo - Trực thuộc Ban Giám hiệu.
- Năm 1985, Tổ Tâm lý- Giáo dục - đoàn đội được thành lập.
- Thời kỳ 1985-2001: Tổ Tâm lý- Giáo dục - Đoàn đội, trực thuộc Ban Giám hiệu.
- Từ 2001-2015: Bộ môn Tâm lý- Giáo dục, trực thuộc Ban Giám hiệu.

1.3. Số lượng giảng viên, cán bộ:

- Đội ngũ giáo viên Tâm lý-Giáo dục đầu tiên của Trường là các thầy: Lê An, Nguyễn Xuân Cẩn, Nguyễn Huy Thái, An Đức Bân, Phạm Văn Na, Lò An Cường, Cẩm Thái Anh...

- Giảng viên đã công tác ở đơn vị gồm các đồng chí: Phạm Quý Đường, Nguyễn Tiến Hưng, Trần Văn Thạch, Trần Thị Huệ, Ngô Minh Thường, Trương Thị Quát, Lương Thị Huệ, Mai Thị Chín, Đặng Thị Sợi, Trần Anh Dũng, Trương Ngọc Kiên, Nguyễn Thị Mến, Lò Mai Thoan...

- Hiện nay Bộ môn có 10 giảng viên, trong đó có 1 Tiến sĩ, 9 Thạc sĩ

Giảng viên Bộ môn Tâm lý - Giáo dục (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ

- Giảng dạy chương trình Tâm lý học - Giáo dục học; Phương pháp NCKH, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD & ĐT cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc.

- Tham gia đào tạo Thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Bắc và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Tham gia tổ chức hoạt động ngoại khoá, hướng dẫn sinh viên thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Tham gia bồi dưỡng kỹ năng sống cho sinh viên Trường Đại học Tây bắc và thanh niên, sinh viên các tỉnh Tây Bắc.

- Tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp, sinh viên nghiên cứu khoa học; tự học, tự bồi dưỡng và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

3. Lãnh đạo bộ môn qua các thời kỳ

3.1. Giai đoạn 1981-1986

Tổ trưởng: Nguyễn Huy Thái

Tổ phó: Phạm Văn Na

3.2. Giai đoạn 1986- 1992

Tổ trưởng: Phạm Văn Na

3.3. Từ 1993 đến 1999

Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung

Năm sinh: 25/08/1962

Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng
Năm sinh: 19/06/1968
Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.5. Từ 1999 đến 2002

Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng
Năm sinh: 19/06/1968
Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Đặng Thị Sợi
Năm sinh: 18/03/1969
Quê quán: Hưng Hà, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.6. Từ 2002 đến 2007

Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung
Năm sinh: 25/08/1962
Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Công Tâm
Năm sinh: 27/11/1976
Quê quán: Thanh Liêm, Hà
Nam
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.7. Nhiệm kỳ 2007-2013

Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung
Năm sinh: 25/08/1962
Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Quốc Thái
Năm sinh: 07/10/1978
Quê quán: Ninh Giang, Hải
Dương
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.8. Từ 2013 đến nay **Trưởng Bộ môn**



Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung
Năm sinh: 25/08/1962
Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng Bộ môn



Họ và tên: Nguyễn Quốc Thái
Năm sinh: 07/10/1978
Quê quán: Ninh Giang, Hải
Dương
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được

Tập thể:

- Từ khi thành lập đến nay, Bộ môn liên tục đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc. Các năm học: 2002 -2003; 2005- 2006; 2006-2007; 2009- 2010; 2010 - 2011; 2012 - 2013 được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

- Hằng năm có từ 02 đến 03 giảng viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

- Tập thể Bộ môn được tặng 02 bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 bằng khen của UBND Tỉnh Sơn La, Trường ĐH Tây Bắc tặng giấy khen về thành tích xây dựng phát triển nhà Trường giai đoạn 2005 - 2010.

- Năm 2007, Chi bộ môn chung được Tỉnh uỷ tặng bằng khen. Năm 2013 được Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc khen thưởng 03 năm liền đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

- Công đoàn Tâm lý - giáo dục được Công đoàn ngành Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen năm 2013.

Cá nhân:

Nhiều lượt cá nhân của bộ môn đã được tặng bằng khen, giấy khen của các cấp:

- 01 bằng khen của Thủ tướng chính phủ;
- 08 bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 05 bằng khen của UBND Tỉnh Sơn La;
- 02 bằng khen của Thường vụ Tỉnh uỷ Sơn La

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT CHU VĂN AN (2013-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập: Trường TH, THCS và THPT Chu Văn An được thành lập theo quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La. Hoạt động giáo dục của Nhà trường được thực hiện theo Quyết định số 366/QĐ-SGDĐT, ngày 16 tháng 5 năm 2013.

1.2. Các thời kì phát triển của đơn vị

- Năm học 2013 - 2014 Nhà trường thực hiện mở khối THPT và tiến hành tuyển sinh lớp 10, với số lượng là 42 học sinh.
- Năm học 2014 - 2015 Nhà trường mở thêm khối THCS và tiến hành tuyển sinh ở 02 khối THCS & THPT: 89 học sinh lớp 6 và 75 học sinh cấp THPT.
- Số lượng giảng viên, cán bộ từ khi thành lập đến nay: Tính đến hết tháng 02 năm 2015 tổng số cán bộ, giáo viên trong Nhà trường là 16 đồng chí.
- Hiện nay nhà trường có tổng số 7 lớp học với 206 học sinh. Trong đó: Cấp THPT: 5 lớp với tổng số 117 học sinh. Cấp THCS: 2 lớp với tổng số 89 học sinh.

Cán bộ, giáo viên Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ

2.1. Vị trí của Trường

a) Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An là trường công lập, nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La thành lập; là trường phổ thông thực hành sư phạm đa cấp trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc; có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật;

b) Trường phục vụ công tác đào tạo giáo viên các khoa sư phạm thuộc Trường Đại học Tây Bắc.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

2.2.1. Chức năng nhiệm vụ được giao

a) Phát hiện, đào tạo giáo dục những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập và phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; giáo dục các em thành người có lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, có tinh thần vượt khó; có khả năng tự học, sáng tạo; có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước;

b) Góp phần rèn luyện kỹ năng, phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục, phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm.

c, Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông;

d, Nghiên cứu, vận dụng phù hợp, hiệu quả các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá tiên tiến.

e, Tham gia nghiên cứu, thực nghiệm các đề tài về khoa học giáo dục do Trường Đại học Tây Bắc triển khai thực hiện;

g, Xây dựng, phát triển đội ngũ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, nghiệp vụ; sử dụng thành thạo thiết bị dạy học hiện đại; sử dụng được ngoại ngữ trong nghiên cứu, giảng dạy và giao tiếp; có khả năng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

h, Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của Trường.

2.2.2. Các ngành đào tạo, bồi dưỡng:

Hiện tại nhà trường đang đào tạo 2 cấp học đó là cấp THCS và cấp THPT. Nhà trường được giao nhiệm vụ là giảng dạy, giáo dục và bồi dưỡng cho học sinh phổ thông; phục vụ công tác đào tạo cùng với các khoa sư phạm.

2.2.3. Rèn luyện nghiệp vụ: Trong quá trình giảng dạy các thầy cô giáo thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ dưới nhiều hình thức để nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ nhà giáo của trường. Đặc biệt quan tâm chú trọng việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên trẻ.

2.2.4. Nghiên cứu khoa học: Nhà trường luôn chú trọng việc khích lệ đội ngũ các thầy cô giáo đối với lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đội ngũ giáo viên

Hằng năm các em học sinh cũng tham gia tích cực vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học do tỉnh Sơn La tổ chức và đạt giải trong các kì thi đó.

3. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kì

Từ 2013 nay

Hiệu trưởng



Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng

Năm sinh: 05/01/1970

Quê quán: Lạng Giang, Bắc Giang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Hiệu trưởng



Họ và tên: Dương Thị Duyên

Năm sinh: 24/12/1983

Quê quán: Quỳnh Phụ, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao.

4.1. Công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng:

*** Về phía cán bộ, giáo viên:**

- Trong năm học 2013 - 2014 tập thể nhà trường đã đạt được Danh hiệu Tập thể xuất sắc - Bộ giáo dục và đào tạo tặng bằng khen.

- Có 01 đồng chí đạt Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở - Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La tặng bằng khen.

- Có 02 đồng chí được Hiệu trưởng Trường Đại học Tây bắc tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

- Trong năm học 2014 - 2015 nhà trường đã cử 01 giáo viên tham dự cuộc thi giáo viên dạy giỏi do Thành phố Sơn La tổ chức và đã đạt được danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

*** Về phía học sinh:**

Thành tích đạt được trong học kì I năm học 2014 - 2015 như sau:

- **Kết quả thi học sinh giỏi:** Trong học kì I có 19 em tham gia thi HSG cấp tỉnh lần I, đã có 13 em đạt giải, trong đó 01 giải Nhất môn Tiếng Anh thuộc về học sinh Đinh Thiên Hương, lớp 11A; 01 giải Nhì môn Toán thuộc về học sinh Phan Thị Thùy, lớp 11A và cũng ở lớp 11A có 06 giải Ba ở các môn Sinh, Hóa, Tiếng Anh thuộc về các em học sinh Bùi Thu Hằng, Nguyễn Ngọc Huyền, Trần Thùy Linh, Đặng Phương Nam, Nguyễn Thị Liên Phương, Bùi Thị Minh Phương. Trong đợt II, Nhà trường cử 08 học sinh tham gia thi chọn đội tuyển HSG cấp quốc gia, kết quả đã có 02 em đó là học sinh Đinh thiên Hương, Trần Thùy Linh, học sinh lớp 11A tham gia thi HSG quốc gia vừa qua. Đó là những kết quả rất đáng tự hào của nhà trường.

- Kết quả thi Violimpic Toán, Tiếng Anh qua mạng Internet cấp thành phố đối với cấp THCS và cấp tỉnh đối với cấp THPT:

Trong kì thi Violimpic môn Tiếng Anh cấp thành phố đối với cấp THCS có 6 học sinh đạt giải trong đó 01 giải nhì và 05 giải khuyến khích.

Trong kì thi Violimpic môn Tiếng Anh cấp tỉnh đối với cấp THPT có 02 học sinh đạt giải trong đó 01 giải nhất và 01 giải nhì. Cả 02 học sinh đều được chọn vào đội tuyển tham dự kì thi Violimpic Tiếng Anh cấp quốc gia.

4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học:

- Trong năm học 2013 - 2014 nhà trường đã cử một đội dự thi cuộc thi Khoa học kĩ thuật cấp tỉnh và đạt giải ba toàn cuộc.

- Tiếp tục cử một đội tham dự kì thi Khoa học kĩ thuật cấp tỉnh năm học 2014 - 2015 và đạt giải khuyến khích toàn cuộc.

4.3. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao...

- Trong năm học 2013 - 2014 Chi bộ nhà trường đã cử 02 đồng chí cán bộ giáo viên tham dự cuộc thi “*Dân vận khéo*” do Đảng ủy trường Đại học Tây Bắc tổ chức và đạt giải nhất chung cuộc. Nhà trường tiếp tục cử 01 đồng chí tham dự cuộc thi “*Dân vận khéo*” cấp tỉnh và đạt giải khuyến khích.

- Năm học 2014 - 2015 Công đoàn bộ phận nhà trường đã cử 02 đồng chí tham dự Hội thi “*Khéo tay hay làm*” do Công đoàn Trường Đại học Tây Bắc tổ chức và đã đạt giải nhất chung cuộc.

CÁC PHÒNG, BAN, TRẠM, TRUNG TÂM

PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

(1960-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Trường Sư phạm cấp 2 Khu tự trị Thái - Mèo (1962 đổi thành Khu tự trị Tây Bắc), thành lập theo Quyết định số 267/QĐ ngày 30/6/1960 của Bộ Giáo dục.

- Tháng 6/1960, một bộ phận của Tổ Hành chính dưới sự lãnh đạo của Khu Học xá và sở Giáo dục Khu tự trị Thái -Mèo tách ra thành lập Ban Tổ chức của Trường Sư phạm cấp 2 Khu tự trị Thái - Mèo (có 3 người đều là giáo viên kiêm nhiệm).

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Tổ chức Cán bộ.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị:

1.2.1. Giai đoạn 1960-1962:

Ban Tổ chức của Trường Sư phạm cấp 2 Khu tự trị Thái - Mèo (có 3 người đều là giáo viên kiêm nhiệm).

1.2.2. Giai đoạn 1963-1980:

Phòng Tổ chức Chính trị Trường Sư phạm cấp 2 Khu tự trị Tây Bắc (có 5 người)

1.2.3. Giai đoạn 1981-2000:

Phòng Tổ chức Chính trị Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc (có 4 người)

1.2.4. Giai đoạn 2001-2015:

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Tổ chức Cán bộ.

- Năm 2002, Phòng Tổ chức Cán bộ (có 3 người)

- Trụ sở: Tầng 3 - Nhà A1- Trường Đại học Tây Bắc - Tổ 2 Phường Quyết Tâm - Thành Phố Sơn La.

Điện thoại:

Email: buihangdhtb@gmail.com

Cán bộ Phòng Tổ chức Cán bộ (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị

Chức năng

Phòng Tổ chức Cán bộ là đơn vị chức năng, có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý trên lĩnh vực công tác tổ chức và cán bộ: quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ, công tác xây dựng, kiện toàn và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý, công tác chế độ chính sách, bảo hiểm xã hội, an toàn và bảo hộ lao động trong Trường.

Nhiệm vụ

Công tác tổ chức, cán bộ

- Trực tiếp nghiên cứu và đề xuất các phương án xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý của Trường, cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường;
- Nghiên cứu đề xuất nhân sự cho các chức vụ trong bộ máy quản lý của Nhà trường;
- Lập quy hoạch xây dựng, phát triển, bồi dưỡng và sử dụng các loại hình cán bộ trong Trường: cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiệp vụ;
- Dựa vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, giúp Hiệu trưởng dự trù chỉ tiêu biên chế trình Bộ từng năm và lâu dài, đồng thời căn cứ chỉ tiêu biên chế Bộ GD&ĐT giao, quy định biên chế cho từng đơn vị;
- Tổ chức thực hiện quy trình tuyển dụng công chức, viên chức mới, ký kết hợp đồng khoán việc, dài hạn, ngắn hạn, mùa vụ, chuẩn bị hồ sơ và đề xuất công tác thi nâng ngạch viên chức;
- Hướng dẫn xây dựng, quản lý hồ sơ, lý lịch của cán bộ, công chức, viên chức trong toàn Trường, phối hợp cùng các đơn vị để nắm vững lịch sử chính trị, phẩm

chất đạo đức, năng lực chuyên môn của từng cán bộ để tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác cán bộ;

- Tham gia Hội đồng bình xét, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức Hằng năm và lưu hồ sơ;
- Đề xuất việc tuyển chọn cán bộ đi công tác, học tập ở nước ngoài, trình Hiệu trưởng duyệt, hoàn thiện các thủ tục đi và nhận trở về;
- Phối hợp với các đơn vị hữu quan, chủ trì việc tổ chức lập hồ sơ xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức để hội đồng tư vấn họp và Hiệu trưởng ra quyết định kỷ luật;
- Lập báo cáo thống kê thuộc công tác tổ chức cán bộ theo định kỳ hoặc đột xuất do yêu cầu của Bộ GD&ĐT và địa phương;
- Soạn thảo các quyết định, các văn bản thuộc công tác của tổ chức cán bộ để Hiệu trưởng ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định và văn bản đó;
- Tiến hành làm thẻ công chức, viên chức, chứng minh thư cho cán bộ, công chức, viên chức toàn trường;
- Hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong trường thực hiện công tác tổ chức cán bộ, chịu trách nhiệm chính trong công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.

Công tác chế độ chính sách

- Tham mưu cho Hiệu trưởng thực hiện đúng các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành của Nhà nước, Nhà trường;
- Theo dõi, lập bảng dự kiến nâng bậc lương Hằng năm và các loại phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Có trách nhiệm cấp giấy nghỉ phép năm, làm các thủ tục, bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu, nghỉ mất sức, thôi việc hưởng trợ cấp một lần, ốm đau, thai sản, cho cán bộ, công chức, viên chức theo chế độ hiện hành, tham gia xét trợ cấp khó khăn định kỳ hay đột xuất cho cán bộ, công chức, viên chức;
- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra kỹ thuật an toàn lao động trong trường.
- Phòng Tổ chức Cán bộ là đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý Nhà nước trên lĩnh vực công tác Tổ chức và Cán bộ.

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, quản lý đội ngũ cán bộ.
- Công tác xây dựng, kiện toàn và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý.
- Thực hiện chế độ chính sách, bảo hiểm xã hội, an toàn và bảo hộ lao động trong Trường.
- Bảo vệ chính trị nội bộ.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 1962 đến 1970

Trưởng phòng: Nguyễn Viết Thanh

3.2. Từ 1970 đến 1972

Trưởng phòng: Bắc Việt

3.3. Từ 1972 đến 1975

Trưởng phòng: Phan Lạc Đình

3.4. Từ 1975 từ 1980

Trưởng phòng: Nguyễn Viết Thanh

3.5. Từ 1981 đến 2000

Trưởng phòng (1981-1995): Đinh Văn Cung

Quyền Trưởng phòng (1995-2001): Phạm Văn Chứa

3.6. Từ 2002 đến 2008

Trưởng phòng



Họ và tên: Nguyễn Thiện Tê

Năm sinh: 12/12/1948

Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình

Học hàm, học vị: Cử nhân

3.7. Từ 2009 đến 2014

Trưởng phòng



Họ và tên: Lò Văn Nét

Năm sinh: : 05/04/1960

Quê quán: Sông Mã, Sơn La

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.8. Từ 2015 nay

Trưởng phòng



Họ và tên: Bùi Mạnh Thắng

Năm sinh: 06/05/1983

Quê quán: Thanh Miện, Hải Dương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng**Họ và tên: Phạm Thị Hòa****Năm sinh:****Quê quán: Thuận Châu, Sơn La****Học hàm, học vị: Thạc sĩ****4. Thành tích đạt được của đơn vị.**

- Năm học 2005 - 2006: Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Quyết định số 7254/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2006;
- Năm học 2006 - 2007: Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Quyết định số 8167/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2007;
- Năm học 2007 - 2008: Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen tại Quyết định số 7680/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2008;
- Năm học 2008 - 2009: Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen tại Quyết định số 1993/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2009;
- Năm học 2009 - 2010: Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Quyết định số 4469/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2010;
- Năm học 2010 - 2011: Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Quyết định số 3701/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2011;
- Năm học 2011 - 2012: Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Quyết định số 3684/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012;
- Từ những năm thành lập phòng cho tới nay, năm nào phòng cũng được Nhà trường công nhận là “Tập thể lao động tiên tiến”.

**PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(1961-2015)****1. Quá trình thành lập của đơn vị****1.1. Thời gian thành lập**

- Năm 1961: Phòng Giáo vụ
- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số

2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Đào tạo.

- Năm 2013: Phòng Đào tạo tách ra thành: Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Khảo thí Bảo đảm Chất lượng Giáo dục. Phòng Quản lý Đào tạo Đại học được thành lập theo Quyết định số 241/QĐ-ĐHTB-TCCB, ngày 12 tháng 4 năm 2013.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Từ 1961 đến 2001: Phòng Giáo vụ

- Từ 2001 đến 2013: Phòng Đào tạo

- Từ 2013 đến nay: Phòng Quản lý Đào tạo Đại học

Hiện tại Phòng có 10 người, trong đó có: 01 Tiến sĩ, 06 Thạc sĩ, 03 Cử nhân.

Địa chỉ: Tầng 5, Nhà A - Trường Đại học Tây Bắc

2. Chức năng, nhiệm vụ:

a. Chức năng

Phòng Đào tạo Đại học là đơn vị trực thuộc Trường, có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý, tổ chức triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục đại học của Nhà trường và cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

b. Nhiệm vụ

- Tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành theo thẩm quyền và chuẩn bị các hồ sơ để Trường trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp có thẩm quyền phê duyệt các văn bản quy định về chương trình, đề án liên quan đến giáo dục đại học của Trường.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Hiệu trưởng

Soạn thảo, ban hành các quy chế và quy định về chuẩn các điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường (chuẩn đầu vào, chuẩn quản lý và chuẩn đầu ra);

Phối hợp với các đơn vị chuyên môn xây dựng đề án hoạt động đào tạo; đề án mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học để Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định;

Quản lý, chỉ đạo, đánh giá và tổng hợp về đào tạo đại học, cao đẳng, dự bị đại học;

Quản lý, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đào tạo trình độ cao đẳng, đại học hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học;

Quản lý định mức giảng dạy của giảng viên và các chế độ về công tác giảng dạy;

Quản lý kết quả học tập của người học, tổ chức xét tiến độ học tập, cho thôi học hoặc bảo lưu kết quả học tập; cấp bằng điểm, giấy chứng nhận về học tập cho người học;

Phối hợp với các đơn vị đào tạo tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, liên thông, vừa làm vừa học.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác thi tuyển sinh

Xây dựng và trình Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch công tác thi tuyển sinh hệ đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, dự bị đại học, hệ VL VH;

Căn cứ chỉ tiêu đào tạo của Bộ GD & ĐT giao cho Nhà trường hằng năm, phòng Đào tạo Đại học chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tuyển sinh đúng với Quy chế, Quy định của Bộ như:

Thông báo tuyển sinh;

Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Thư ký Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng;

Phối hợp với phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, các đơn vị trong và ngoài trường chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho kỳ thi tuyển sinh theo đúng quy định;

Thực hiện các nhiệm vụ khác trong công tác tuyển sinh theo phân công của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường;

Chủ trì công tác xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

- Là đơn vị đầu mối liên hệ với các cơ sở giáo dục và địa phương thực hiện công tác liên kết đào tạo trong và ngoài trường.

- Theo phân công của Hiệu trưởng, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Hiệu trưởng xây dựng chính sách về việc đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội; hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung về giáo dục dân tộc, giáo dục giới tính, giáo dục hướng nghiệp liên quan đến giáo dục đại học, xây dựng, xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, dự bị đại học, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, kiểm tra, thanh tra nề nếp học tập, giảng dạy trong công tác đào tạo, thực hiện chương trình, đánh giá kết quả, xây dựng chuẩn nghề nghiệp giảng viên, kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, tuyển chọn sinh viên đi học nước ngoài, quản lý và thực hiện chính sách đối với sinh viên.

- Thực hiện công tác cấp phát văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Nhà nước.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ:

3.1. Từ 1961 đến 2001

STT	Họ tên Trưởng phòng	Thời gian đảm nhiệm
1	Văn Thọ	1961 - 1969
2	Phạm Vũ Hải	1970 - 1975

3	Nguyễn Đức Khiêm	1975 - 1976
4	Hoàng Siêng	1976 - 1977
6	Lò Tiến Thâm	1977 - 1995
7	Nguyễn Văn Đệ	1995 - 2001

3.2. Từ 2001 đến 2013

STT	Họ tên Trưởng phòng	Thời gian đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Đệ	2001 - 2002
2	Đình Thanh Tâm	2002 - 2007
3	Phạm Minh Thông	2007 - 2013

3.3. Từ 2013 đến nay

Trưởng phòng



Họ và tên: Đỗ Hồng Đức
Năm sinh: 18/07/1967
Quê quán: Mê Linh, Hà Nội
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng phòng



Họ và tên: Phan Văn Hải
Năm sinh: 20/10/1965
Quê quán: Đức Thọ, Hà Tĩnh
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng (2013-2014)



Họ và tên: Cao Đình Sơn
Năm sinh: 20/10/1973
Quê quán: Chương Mỹ, Hà Nội
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Phó Trưởng phòng (từ 2014 đến nay)



Họ và tên: Nguyễn Tiến Dũng
Năm sinh: 20/12/1979
Quê quán: Ba Vì, Hà Nội
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích:

- Nhiều năm liên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến
- Nhiều năm được công nhận Tập thể lao động xuất sắc.
- Các cá nhân được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen:
 1. Lò Tiến Thâm
 2. Nguyễn Văn Đệ
 3. Đinh Thanh Tâm
 4. Đỗ Hồng Đức
 5. Phạm Minh Thông

**PHÒNG KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
(1965-2015)****1. Quá trình thành lập đơn vị.****1.1. Thời gian thành lập:**

- Ngày 30/6/1960, Bộ trưởng Bộ Giáo dục nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Văn Huyên đã ký Quyết định số 267/QĐ về thành lập Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh, trong đó có Trường Sư phạm cấp II đặt tại khu Tự trị Thái - Mèo.
- Năm 1965 tổ Tài vụ được thành lập và trực thuộc Ban Giám hiệu.
- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Tài vụ.
- Ngày 23 tháng 02 năm 2013, Hiệu trưởng Trường ĐH Tây Bắc ký Quyết định số 83A/QĐ- ĐHTB-TCCB đổi tên là Phòng Kế toán-Tài chính.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

Thời kỳ 1965 - 1975: Tổ Tài vụ, trực thuộc Phòng Hành chính Tổng hợp

Thời kỳ 1975-1980: Tổ Tài vụ, trực thuộc Ban Giám hiệu

Thời kỳ 1980 - 1996: Tổ Tài vụ trực thuộc Ban Giám hiệu

Thời kỳ 1996-2002: Tổ Tài vụ, trực thuộc Ban Giám hiệu

Thời kỳ 2002 - 2012: Phòng Tài vụ, trực thuộc Ban Giám hiệu

Từ năm 2013 - nay: Phòng Kế toán - Tài chính, trực thuộc Ban Giám hiệu

1.3. Số lượng cán bộ viên chức của Phòng (2015)

Tổng số cán bộ viên chức: 10đ/c. Trong đó 04 Thạc sĩ, 06 Cử nhân

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Tây Bắc; Điện thoại: 0223751708

CÁN BỘ PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH (2015)**2. Chức năng nhiệm vụ:****2.1 Chức năng**

Phòng Kế toán - Tài chính có các chức năng sau:

Tham mưu giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính của Nhà trường.

Thực hiện thanh quyết toán mọi nguồn kinh phí theo chế độ của nhà nước và quy định của đơn vị.

Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động tài chính tại các đơn vị thuộc, trực thuộc.

Tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động tài chính của Trường trình Bộ Giáo dục & Đào tạo và Hiệu trưởng.

2.2 Nhiệm vụ**Lập dự toán thu chi tài chính Hằng năm:**

Xây dựng kế hoạch thu- chi Ngân sách.

Xây dựng kế hoạch thu - chi Đầu tư xây dựng cơ bản.

Xây dựng kế hoạch thu - chi sự nghiệp

Thanh quyết toán các nguồn kinh phí:

Chi thường xuyên:

Thanh toán tiền lương, phụ cấp lương qua tài khoản ATM; Tiền BHXH, BHYT cho cơ quan Bảo hiểm của Cán bộ viên chức toàn trường theo bảng tính lương hàng tháng.

Thanh toán tiền phụ cấp dạy vượt giờ cho Cán bộ giảng dạy theo năm học dựa trên bảng thanh toán khối lượng vượt định mức giờ giảng.

Thanh toán tiền giảng dạy các loại hình đào tạo khác: Chính quy, Vừa làm vừa học, Cao đẳng, Liên kết, ...

Thanh toán tiền mời giảng cho cán bộ ngoài trường.

Thanh toán tiền học bổng và các khoản trợ cấp cho học sinh diện chính sách theo chế độ của Nhà nước cho từng học kỳ.

Thanh toán các hoạt động dịch vụ công cộng: Tiền điện, nước, xăng dầu, vệ sinh môi trường...

Thanh toán vật tư văn phòng: Văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ văn phòng..

Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc: Tiền điện thoại, cước bưu điện, Internet, tuyên truyền, quảng cáo, sách báo, tạp chí thư viện...

Thanh toán tiền hội nghị, hội thảo, công tác phí.

Thanh toán chi phí các đoàn đi công tác nước ngoài, các đoàn nước ngoài vào làm việc với Trường.

Thanh toán sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn phục vụ công tác chuyên môn và các cơ sở hạ tầng: ô tô, trang thiết bị, điện, nước, nhà xưởng, đường xá....

Thanh toán hoạt động nghiệp vụ chuyên môn: Vật tư thí nghiệm, bảo hộ lao động, sách báo tài liệu chuyên ngành, các hợp đồng thuê khoán chuyên môn, tiền nhuận bút viết giáo trình...

Thanh toán tiền mua sắm tài sản: Phần mềm máy tính, bằng sáng chế, thiết bị tin học, điều hoà, máy photo, trang thiết bị chuyên dụng phục vụ đào tạo...

Chi không thường xuyên:

Thanh toán vốn đối ứng Ngân sách Nhà nước các dự án, chương trình đào tạo, chương trình Mục tiêu Quốc gia theo dự toán đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Thanh toán kinh phí Nghiên cứu khoa học cho các đề tài cấp Bộ, Nhà nước, các đề tài thuộc các chương trình theo thuyết minh, dự toán đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thanh toán kinh phí đào tạo lại cán bộ theo dự toán được Hiệu trưởng phê duyệt.

Chi kinh phí sự nghiệp:

Chi hỗ trợ các hoạt động chi thường xuyên của Nhà trường.

Chi phúc lợi, khen thưởng, lương tăng thêm cho Cán bộ viên chức.

Chi đầu tư phát triển hoạt động sự nghiệp: đào tạo, nghiên cứu khoa học, bổ sung mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất, góp vốn liên kết liên doanh theo quyết định của Hiệu trưởng.

Chi vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản:

Thanh toán theo thủ tục quản lý vốn Đầu tư xây dựng cơ bản do Nhà nước quy định.

Quyết toán các nguồn kinh phí:

Cuối mỗi kỳ báo cáo (theo quý, năm) tập hợp số liệu làm báo cáo quyết toán theo quy định của Bộ Tài chính.

Kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường

Đối với các đơn vị trực thuộc Trường:

Định kỳ hàng quý phòng Kế toán - Tài chính cử cán bộ phụ trách theo dõi tài chính tại các đơn vị có hoạt động thu chi để hướng dẫn, kiểm tra việc mở sổ sách, báo cáo quyết toán đúng chế độ Nhà nước và quy định của Nhà trường.

Tập trung mọi nguồn thu chi tại các đơn vị về phòng Kế toán - Tài chính quản lý.

Đối với các đơn vị thuộc Trường:

Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà trường theo đúng thời gian quy định.

Tổng hợp báo cáo hoạt động tài chính của Nhà trường

Định kỳ hàng quý, năm tổng hợp số liệu lập báo cáo quyết toán thu chi tài chính theo quy định của Bộ Tài chính gửi Bộ Giáo dục Đào tạo và Hiệu trưởng.

Cuối năm tài chính lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính trình Hiệu trưởng trên cơ sở đó phân tích, tham mưu cho Hiệu trưởng về tình hình quản lý, phân bổ các nguồn kinh phí, có kế hoạch xây dựng dự toán thu chi cho năm sau.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

-Thời kỳ 1965 - 1975: Tổ Tài vụ, trực thuộc Phòng Hành chính Tổng hợp

-Thời kỳ 1975-1980 Tổ Tài vụ, trực thuộc Ban Giám hiệu

-Thời kỳ 1980 - 1996: Tổ Tài vụ trực thuộc Ban Giám hiệu

Tổ trưởng: Hoàng Kỳ

-Thời kỳ 1996-2002: Tổ Tài vụ, trực thuộc Ban Giám hiệu

Tổ trưởng: Nguyễn Mai Lộc

-Thời kỳ 2002 - 2012: Phòng Tài vụ

Trưởng phòng: Phạm Thị Hòa

-Từ 2013 đến nay: Phòng Kế toán Tài chính

Trưởng phòng



Họ và tên: Đặng Thị Thu Huệ
Năm sinh: 03/10/1979
Quê quán: Chương Mỹ, Hà Nội
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng



Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Hồng
Năm sinh: 17/06/1976
Quê quán: Quỳnh Phụ, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được

Nhiều năm liên tục đạt danh hiệu đơn vị Lao động xuất sắc.

Các cá nhân được Bộ, Chính phủ tặng Bằng khen gồm:

1. Phạm Thị Hòa
2. Đặng Thị Thu Huệ

PHÒNG QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT (1963-2015)

1. Quá trình thành lập đơn vị.

1.1. Thời gian thành lập:

- Ngày 30/06/1960, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Nguyễn Văn Huyên đã ký Quyết định số 267/QĐ về việc thành lập Trường Sư phạm cấp II liên tỉnh, trong đó có Trường Sư phạm cấp II đặt tại Khu Tự trị Thái - Mèo.

- Năm 1963 tổ Hành chính được thành lập.

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Quản trị Đời sống.

- Ngày 25 tháng 02 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 96/QĐ- ĐHTB-TCCB thành lập Phòng Quản trị Cơ sở Vật chất.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- 1963-1970: Tổ Hành chính.

- 1970-1980: Phòng Hành chính Quản trị.
- 1981- 2006: Phòng Quản trị đời sống.
- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ra Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Quản trị Đời sống.
- 2006-2013: Thuộc phòng Hành chính Tổng hợp.
- 2013-2015: Phòng Quản trị Cơ sở Vật chất

1.3. Số lượng cán bộ viên chức của Phòng (2015)

Tổng số cán bộ viên chức: 26 trong đó: 02 Thạc sĩ, 03 Cử nhân và Kỹ sư, trình độ khác: 21 cán bộ.

- Địa chỉ : Tầng 3, Nhà Điều hành, Trường Đại Học Tây Bắc
- Email: Phongquantridhtb@gmail.com

CÁN BỘ PHÒNG QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ:

a. Chức năng

Phòng Quản trị Cơ sở vật chất là đơn vị trực thuộc Trường do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, có chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý và sử dụng cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, giảng dạy, học tập, vui chơi, giải trí của cán bộ, công chức, viên chức và người học trong Nhà trường.

b. Nhiệm vụ

- Có trách nhiệm tham mưu, lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trình Hiệu trưởng phê duyệt triển khai;
- Quản lý, bố trí phân công việc sử dụng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường: giảng đường, các hội trường, các phòng học đa chức năng, tài sản, trang thiết bị đảm bảo khoa học và hiệu quả;
- Quản lý đất đai, cây xanh, quản lý, tu sửa hệ thống giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống điện trong khuôn viên Nhà trường để đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu cho mọi hoạt động và sinh hoạt của Nhà trường;
- Quản lý, tu sửa toàn bộ hệ thống nhà làm việc, lớp học, phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện, hội trường, khu nội trú, nhà công vụ, tài sản, trang thiết bị để sử dụng có hiệu quả. Đề xuất thành lập hội đồng kiểm kê thanh lý tài sản, trang thiết bị đã hư hỏng không sử dụng được nữa;
- Tham gia thẩm định, phê duyệt và giám sát việc mua sắm vật tư, văn phòng phẩm, thiết bị, tài sản, phương tiện, dụng cụ làm việc phục vụ cho công tác quản lý, hoạt động giáo dục, đào tạo của Trường;
- Phối hợp với các đơn vị chức năng lập kế hoạch bố trí giảng đường phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường;
- Phối hợp với các đơn vị chức năng theo dõi thi công, nghiệm thu các công trình sửa chữa, đưa các công trình đã hoàn thành vào sử dụng;
- Quản lý công tác vệ sinh môi trường tại khu vực khuôn viên, khu vực giảng đường và khu vực làm việc.
- Bảo vệ trật tự an ninh công cộng, an toàn trong Trường;
- Tham mưu cho Hiệu trưởng triển khai thực hiện các chỉ thị nghị quyết của cấp trên về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong Nhà trường;
- Tổ chức tốt việc thường trực tại các điểm gác, tuần tra, canh gác 24/24h nhằm giữ gìn trật tự, bảo vệ tài sản Nhà trường và ô tô, xe máy, xe đạp của cán bộ công chức, viên chức, sinh viên đến làm việc, học tập tại Trường;
- Phối hợp với các lực lượng trong Trường, với công an địa phương, với các xã, phường, tổ an ninh dân phố để làm tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự Nhà trường;
- Chủ trì giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác bảo vệ Nhà trường, đến việc đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên và của Nhà trường;
- Xây dựng kế hoạch phòng, chữa cháy, phòng chống bão lụt để báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt, tham mưu tổ chức, huấn luyện lực lượng phòng, chữa cháy, lực lượng phòng, chống bão lụt sẵn sàng ứng phó khi có tình huống xấu xảy ra.
- Phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan quản lý, bảo vệ tài sản, kiểm kê, thanh lý tài sản theo quy định Nhà nước.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Thời kỳ 1963-1970: Tổ Hành chính**3.2. Thời kỳ 1970-1980: Phòng Hành chính Quản trị**

Trưởng phòng: Nguyễn Sĩ Biên: 1970 - 1973

Trần Đình Thạch: 1973 - 1979

Q. Trưởng phòng: Nguyễn Hữu Cam: 1979 - 1980

3.3. Thời kỳ 1980 – 2006: Phòng Quản trị đời sống

Trưởng phòng: Phạm Duy Định (1980 – 2004)

Hoàng Kỳ (2004 – 2006)

3.4. Từ 2006 đến 2013: Phòng Hành chính Tổng hợp**3.5. Từ 2013 đến nay**

Trưởng phòng



Họ và tên: Nguyễn Duy Quang

Năm sinh: 15/02/1959

Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P.Trưởng phòng

Họ và tên: Hà Văn Niệm

Năm sinh: 10/12/1981

Quê quán: Phù Yên, Sơn La

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được

- Nhiều năm liên tục đạt đơn vị Lao động tiên tiến.
- Các cá nhân được Chính phủ tặng Bằng khen gồm :

Phan Thị Lượng

Nguyễn Hữu Cam

Phạm Duy Định

Lê Văn Khảm

Nguyễn Duy Quang

PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP (1980-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập: Phòng Hành chính Tổng hợp được thành lập năm 1980.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị:

- Giai đoạn: 1981 - 2000: Phòng HCTH, Trường CDSP Tây Bắc
- Giai đoạn 2001 - 2015: Phòng HCTH, Trường ĐH Tây Bắc
- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Hành chính Tổng hợp.

1.3. Số lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ, viên chức hiện tại

Hiện nay Phòng có tổng số 12 cán bộ, công nhân viên chức

Trong đó:

- Tiến sĩ: 01
- Thạc sĩ: 02
- Cử nhân: 02
- Trình độ khác: 07

Cán bộ Phòng Hành chính Tổng hợp (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng

Phòng Hành chính - Tổng hợp là đơn vị chức năng, có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý Nhà nước về các lĩnh vực công tác sau: Công tác hành chính, công tác lễ tân, công tác kế hoạch, tổng hợp, công tác thi đua, khen thưởng và các công tác khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Nhiệm vụ

Nhiệm vụ hành chính

- Tiếp nhận, phân loại, vào sổ các loại công văn, thư tín, chứng từ, điện báo, Fax...từ các nơi gửi về Trường, trình Hiệu trưởng và chuyển đến các đơn vị có chức năng liên quan để xử lý, theo dõi việc thực hiện các thông tin trên, đảm bảo kịp thời nhanh chóng, đúng thủ tục hành chính;
- Phân loại công văn, tài liệu, tờ trình, quyết định, báo cáo...của các đơn vị và cá nhân trong Trường gửi đến xin ý kiến hoặc chữ ký Hiệu trưởng, kiểm tra tính hợp pháp và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các văn bản nói trên;
- Chuyển công văn, tài liệu, điện báo, fax...từ trong Trường ra ngoài theo yêu cầu của lãnh đạo Nhà trường;
- Đặt mua, tiếp nhận, phân phối báo chí cho các đơn vị và cá nhân theo quy định;
- Quản lý và tổ chức công tác văn thư lưu trữ các văn bản, tài liệu theo đúng quy định của công tác văn thư, lưu trữ;
- Quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của Nhà nước;
- Cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường cho cán bộ, công chức, viên chức viên chức được cử đi công tác ngoài Trường đúng thủ tục hành chính, ký xác nhận giấy đi đường cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác về Trường và cho khách đến công tác tại Trường;
- Đánh máy, in ấn, sao lục các loại công văn, tài liệu, văn kiện....phục vụ cho các hoạt động chung của Trường;
- Hoạch định thời gian làm việc theo mùa và theo dõi toàn trường thực hiện thời gian lao động quy định;

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, trạm Y tế đảm bảo vệ sinh môi trường trong lớp học và các khu vực công cộng.

Nhiệm vụ phục vụ lễ tân

- Phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan, chủ trì thực hiện kế hoạch lễ tân, đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện làm việc tại các cuộc họp lớn cấp Trường như khai giảng, tổng kết năm học, lễ kỷ niệm, lễ khởi công, khánh thành, các cuộc họp định kỳ của Hiệu trưởng;

- Đón, tiếp khách trong và ngoài nước đến công tác tại Trường, sắp xếp, hướng dẫn khách đến các bộ phận chức năng để làm việc, bố trí nơi ăn, nghỉ theo chế độ hiện hành của Nhà nước;

- Tổ chức và tiến hành những công việc xã hội của Nhà trường đối với địa phương Trường đóng như: bầu cử, tham gia mít tinh, cổ động, lao động nghĩa vụ....

- Đặt in, mua sắm các ấn phẩm phục vụ các dịp lễ, tết theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng;

- Quản lý, điều hành các phòng họp, phòng khách, các phương tiện giao thông vận tải của Nhà trường phục vụ việc họp hành, đón khách, các chuyến công tác hoặc nhu cầu đi lại đột xuất của cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo đúng quy chế của Nhà trường và triệt để tiết kiệm;

- Quản lý việc sử dụng điện thoại theo đúng quy định của Nhà trường, đảm bảo cho thông tin liên lạc trong và ngoài trường được thông suốt, đảm bảo triệt để tiết kiệm;

- Chủ trì thực hiện công việc hiếu hỷ đối với cán bộ, công chức, viên chức trong Trường theo quy định chung của Nhà trường. Chủ trì các cuộc thăm hỏi, chúc mừng xã giao với các cá nhân, đơn vị ngoài Trường, trong Trường;

- Tham mưu giúp Hiệu trưởng trong quan hệ với các đơn vị hữu quan ở Trung ương và địa phương.

Công tác kế hoạch, tổng hợp

- Tổng hợp tư liệu, đề án, kế hoạch công tác,... của các đơn vị trong toàn trường và các chỉ tiêu, định mức Bộ GD&ĐT giao hằng năm cũng như những chủ trương có tính chiến lược phát triển của Nhà trường, giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kế hoạch năm, đồng thời giúp Hiệu trưởng theo dõi, đôn đốc đánh giá việc thực hiện kế hoạch trên;

- Tổng hợp tình hình hoạt động của các đơn vị trong toàn trường, chuẩn bị cho Hiệu trưởng chủ trì các cuộc họp;

- Tổ chức hội nghị phổ biến kế hoạch đầu năm học, các hội nghị sơ kết, tổng kết của Trường, dự thảo các loại báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm, từng kỳ và báo cáo đột xuất, cung cấp các số liệu thống kê, tổng hợp theo yêu cầu của cấp trên;

- Xây dựng kế hoạch, căn cứ vào kết quả tổng kết hằng năm của các đơn vị trong Trường, giúp Hiệu trưởng thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng ở các cấp đối với Nhà trường, với cán bộ, công chức, viên chức và người học trong Trường;

- Bố trí, sắp xếp và thông báo lịch công tác tuần khi đã được Hiệu trưởng phê duyệt; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện lịch công tác.

Tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý Nhà nước về các lĩnh vực công tác: Công tác hành chính, công tác lễ tân, công tác kế hoạch, tổng hợp, công tác thi đua, khen thưởng và các công tác khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ:

3.1. Từ 1980 đến 1985

Trưởng phòng: Trần Minh Phong

3.2. Từ 1985 đến 1987

Trưởng phòng: Nguyễn Lập Lễ

3.3. Từ 1985 đến 2002

Trưởng phòng: Lò Văn Doan

3.4. Từ 2002 đến 2012



Họ và tên: Nguyễn Văn Đệ

Năm sinh: 25/5/1952

Quê quán: Thanh Liêm, Hà Nam

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.5. Từ 2012 đến 2013



Họ và tên: Nguyễn Thanh Sâm

Năm sinh: 15/07/1957

Quê quán: Can Lộc - Hà Tĩnh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.6. Từ 2013 đến nay

Trưởng phòng: Nguyễn Hoàng Yên



Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yên

Năm sinh: 09/01/1960

Quê quán: Nga Sơn - Thanh Hóa

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng phòng (2012-2013)



Họ và tên: Bùi Mạnh Thắng
Năm sinh: 06/05/1983
Quê quán: Thanh Miện, Hải Dương
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng (từ 2014 đến nay)



Họ và tên: Vũ Tiến Thuận
Năm sinh: 07/09/1986
Quê quán: Tĩnh Gia, Thanh Hóa
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích của đơn vị từ khi thành lập đến nay

STT	Cấp khen	Hình thức khen thưởng		Năm học
		Bằng khen	Danh hiệu thi đua	
1	Thủ tướng Chính phủ	*		2002-2003
2	Bộ Giáo dục & ĐT	*		1990-2000
3	Bộ Giáo dục & ĐT	*		2000-2001
4	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2002-2003
5	Bộ Giáo dục & ĐT	*		2003-2004
6	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2003-2004
7	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2004-2005
8	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2005-2006
9	UBND tỉnh Sơn La	*		
10	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2006-2007
11	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2007-2008
12	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2008-2009
13	Bộ Giáo dục & ĐT	*		2008-2009
14	Bộ Giáo dục & ĐT	*		1960-2010
15	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2010-2011
16	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2011-2012
17	Bộ Giáo dục & ĐT		Tập thể LĐXS	2012-2013

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC (2001-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/3/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ/TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng sư phạm Tây Bắc. Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngày 16/5/2001, tại thị trấn Thuận Châu đã diễn ra Lễ công bố Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc.

- Ngày 20/6/2002, Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập các tổ chức trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Công tác Chính trị.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Từ 2001 đến 2010: Khi mới thành lập Phòng chỉ có 3 người, trong đó có 1 Trưởng phòng.

- Từ 2011 đến 2015: Hiện nay Phòng có 9 cán bộ (5 nam, 4 nữ), Phòng có 1 Trưởng phòng, 1 Phó phòng.

Cán bộ, viên chức của Phòng (2015)



2. Chức năng, nhiệm vụ

Chức năng

Phòng Công tác Chính trị và Quản lý người học là đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng quản lý công tác chính trị, tư tưởng, công tác tuyên truyền vận động, công tác văn hoá quần chúng và bảo tồn truyền thống; công tác quản lý học sinh, sinh viên về mặt rèn luyện đạo đức và sinh hoạt.

Nhiệm vụ

- Công tác chính trị - tư tưởng: Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng chương trình hành động về công tác chính trị, tư tưởng từng tháng, từng năm, từng thời kỳ và chủ động chỉ đạo triển khai thực hiện;

- Công tác học sinh, sinh viên

Phối hợp với các đơn vị hữu quan, chủ trì quản lý chặt chẽ học sinh, sinh viên trong toàn trường.

- Công tác tư vấn việc làm và hướng nghiệp cho sinh viên

- Xây dựng kế hoạch tư vấn việc làm cho sinh viên Hằng năm để Hiệu trưởng phê duyệt;

Tổ chức các hoạt động giới thiệu về chuyên ngành đào tạo của Nhà trường, tư vấn phương pháp học tập, kỹ năng tiếp cận với ngành nghề, phổ biến các chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến ngành nghề đào tạo; bổ sung kiến thức thực tế và các kỹ năng cần thiết để sinh viên có đủ khả năng thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp;

- Công tác biên tập và xuất bản Bản tin nội bộ: Xây dựng kế hoạch xuất bản Bản tin nội bộ Hằng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

Từ 2000 đến 2006

Trưởng phòng: Lò Văn Doan
Từ 2006 đến nay
Trưởng phòng



Họ và tên: Lò Thị Minh
Năm sinh: 09/08/1963
Quê quán: Yên Châu, Sơn La
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng: Nguyễn Phùng Tám
P.Trưởng phòng



Họ và tên: Dương Văn Mạnh
Năm sinh: 15/07/1977
Quê quán: Thiệu Hóa, Thanh Hóa
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích của đơn vị

Với những nỗ lực cố gắng của tập thể Phòng CTCT - QLNH, trong những năm học vừa qua, tập thể Phòng đã xuất sắc hoàn thành những nhiệm vụ được giao phó, được Ban Giám hiệu nhà trường và cấp trên ghi nhận. Cụ thể:

Phòng Công tác chính trị - Quản lý người học đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc năm 2011, đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến 3 năm liền (2012, 2013, 2014) và nhiều giấy khen của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

PHÒNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ (2001-2015)

1. Quá trình thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định (số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB) thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Quản lý KH & QHQT.

- Đến năm 2013, do tính chất đặc thù của công việc Phòng QLKH&QHQT Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định số 240/QĐ-ĐHTB-TCCB ngày 12/04/2013 đổi tên thành Phòng KHCN&HTQT.

2. Số lượng cán bộ của đơn vị hiện nay

Hiện nay, Phòng có 6 cán bộ, trong đó có 1 Tiến sĩ, 1 Thạc sĩ, 1 Kỹ sư và 3 Cử nhân.

3. Chức năng nhiệm vụ:

Chức năng

Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế là đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng thực hiện quản lý các lĩnh vực liên quan đến nghiên cứu khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế.

Nhiệm vụ

- Quản lý khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế
- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xây dựng các chương trình, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kế hoạch năm học về hoạt động khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế;

- Xây dựng và trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành các văn bản về phương hướng, chủ trương, quy chế quản lý khoa học, hoạt động khoa học, công nghệ và quan hệ quốc tế của Trường, đảm bảo hoạt động khoa học công nghệ đem lại hiệu quả thiết thực;

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, thực hiện các nhiệm vụ hoạt động khoa học, công nghệ theo quy chế của Trường;

- Chủ trì tổ chức đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp của giảng viên và sinh viên hằng năm, có kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các đề tài, phối hợp với các đơn vị hữu quan giám sát tiến độ thực hiện cũng như việc sử dụng kinh phí, vật tư, thiết bị... của các đề tài và có kế hoạch giúp đỡ, tạo điều kiện để các đề tài hoàn thành đúng tiến độ;

- Chủ trì tổ chức nghiệm thu, tổng kết đánh giá kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học, tổ chức thể nghiệm các đề tài và tổ chức triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn của Nhà trường và địa phương;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học cấp Trường, tổng kết công tác hoạt động khoa học, công nghệ và quan hệ quốc tế Hằng năm, giúp đỡ các hội nghị, hội thảo khoa học của các khoa, ban, bộ môn (nếu có yêu cầu);

- Chủ động mở rộng hợp tác khoa học công nghệ với các Viện nghiên cứu, các trường đại học, các Sở Khoa học công nghệ và Sở Tài nguyên và môi trường, các cơ sở sản xuất của các địa phương;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, nghiệm thu: Mục tiêu, nội dung, chương trình, kế hoạch của tất cả các loại hình đào tạo trong Trường; công tác biên soạn, biên dịch và thẩm định giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;

- Tổ chức đăng ký, tuyển chọn, tư vấn kỹ thuật các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của cán bộ, công chức, viên chức và sinh viên trong Nhà trường;

- Thu thập các nguồn thông tin khoa học và công nghệ trong và ngoài nước phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, cung cấp thông tin khoa học công nghệ cho các đơn vị và cá nhân có liên quan, thu thập các bài viết, biên tập và phát hành thông tin khoa học trong Trường;

- Phối hợp với phòng Kế toán - Tài chính lên kế hoạch xây dựng cơ bản các cơ sở nghiên cứu khoa học, phân bổ vốn ngân sách khoa học kỹ thuật và quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các đề tài, các dự án chương trình hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, đề xuất hình thức, nội dung hợp tác thiết thực và hiệu quả.

- Phối hợp với phòng Đào tạo Sau đại học, phòng Tổ chức Cán bộ chủ trì quản lý các lớp đào tạo sau đại học, các lớp đào tạo theo dự án.

4. Lãnh đạo của đơn vị qua các thời kỳ:**Giai đoạn 2001-2012****Trưởng phòng (2001-2009): ThS. Nguyễn Tiến Thăng****P. Trưởng phòng (2001-2007)****Họ và tên: Phạm Minh Thông****Năm sinh: 02/01/1965****Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình****Học hàm, học vị: Thạc sĩ****P. Trưởng phòng (2007-2009)****Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng****Năm sinh: 19/06/1968****Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình****Học hàm, học vị: Thạc sĩ****Q. Trưởng phòng (2009-2010)****Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng****Năm sinh: 19/6/1968****Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình****Học hàm, học vị: Thạc sĩ****Trưởng phòng (2010-3/2013)****Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng****Năm sinh: 19/06/1968****Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình****Học hàm, học vị: Tiến sĩ****Từ 2013 đến nay****Trưởng phòng****Họ và tên: Vũ Trọng Lưỡng****Năm sinh: 08/11/1979****Quê quán: Bình Giang, Hải Dương****Học hàm, học vị: Tiến sĩ****P. Trưởng phòng**



Họ và tên: Hoàng Văn Thanh

Năm sinh: 18/08/1975

Quê quán: Thanh Miện, Hải Dương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa văn nghệ và thể thao.

Tập thể:

- Từ khi thành lập tới nay đơn vị đã có nhiều thành tích trong công tác quản lý, đào tạo bồi dưỡng có thể kể đến ở đây như bằng khen “*tập thể lao động xuất sắc năm học 2011 - 2012 năm học 2012 - 2013*” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; bằng khen “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2011 - 2012 năm học 2012 - 2013*”.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học được xem như là nhiệm vụ hàng đầu của đơn vị với sự cố gắng đó đơn vị đã nhiều thành tích nổi bật điển hình như bằng khen “*Đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên năm 2014*” của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, giải nhất và giải ba cuộc thi “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*” và nhiều bằng khen cao quý khác.

- Bên cạnh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế đơn vị thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao đạt nhiều thành tích như giấy khen “*Đội lưu học sinh Lào trường Đại học Tây Bắc đạt giải chào hỏi xuất sắc Hội thi tiếng Việt và giao lưu văn hóa sinh viên Lào các trường Đại học năm 2014*”, giải nhì Hội thi tiếng Việt và giao lưu văn hóa sinh viên Lào các trường Đại học năm 2014

Cá nhân :

Lãnh đạo đơn vị TS. Vũ Trọng Lương đã có nhiều thành tích trong công tác quản lý, đào tạo nghiên cứu khoa học, nhiều bằng khen cao quý như bằng khen “*chiến sĩ thi đua cấp Bộ*” năm học 2012 - 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bằng khen “*Đã có thành tích xuất sắc thực hiện cuộc vận động mỗi thầy cô là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo giai đoạn 2007 - 2012*”.

PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (Từ 2013 đến nay)

1. Quá trình thành lập của đơn vị:

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định (số 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB) thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Quản lý KH & QHQT.

- Phòng Đào tạo Sau đại học tách ra từ phòng Quản lý khoa học & Quan hệ Quốc tế và được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ-ĐHTB-TCCB ngày 12 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

Cơ cấu tổ chức của phòng gồm:

- 01 Trưởng phòng: TS. Nguyễn Văn Hồng
- 01 Phó trưởng phòng: TS. Khổng Cát Cương
- 03 Chuyên viên: ThS. Lê Thị Thanh Huyền, CN Nguyễn Anh Tuấn và CN Đặng Thị Minh Huệ

Cán bộ của Phòng (2015)



2.Chức năng, nhiệm vụ:

a. Chức năng

Phòng Đào tạo Sau Đại học (SDH) là đơn vị trực thuộc Trường, có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục sau đại học của Nhà trường.

b. Nhiệm vụ

- Tư vấn về chiến lược phát triển đào tạo sau đại học của Trường

Nghiên cứu nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao (thạc sĩ, tiến sĩ) của khu vực Tây Bắc và Việt Nam; Nghiên cứu tìm hiểu các mô hình đào tạo sau đại học trên thế giới, lựa chọn các mô hình tiên tiến và phù hợp để có thể áp dụng ở Việt Nam cũng như phát triển hợp tác quốc tế trong đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học ở trình độ cao.

Xây dựng mô hình và cải tiến chương trình đào tạo sau đại học đồng bộ với các chương trình đào tạo khác của Trường để nhanh chóng hội nhập trình độ trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam và thế giới.

- Tổ chức thực hiện

Xây dựng và trình Hiệu trưởng phê duyệt phương án, kế hoạch phát triển đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và bồi dưỡng SDH cho các chuyên ngành;

Soạn thảo và trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành các Quy định về đào tạo SDH của Trường; Xây dựng các quy trình, quy phạm và hướng dẫn thực hiện Quy chế, Quy định về đào tạo SDH;

Phối hợp với các đơn vị đào tạo xác định chuyên ngành, quy mô đào tạo, đối tượng tuyển sinh, các môn học chuyển đổi, bổ sung kiến thức, môn thi tuyển và xây dựng các chương trình đào tạo trình các cấp có thẩm quyền xét duyệt;

Đề xuất các nhu cầu, điều kiện cần thiết cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên cao học và nghiên cứu sinh để trình Ban Giám hiệu phê duyệt;

Đề xuất với lãnh đạo Nhà trường về phương án và kế hoạch sử dụng các nguồn kinh phí đào tạo SDH.

Đảm bảo thông tin về đào tạo và bồi dưỡng SDH của Trường.

Kết hợp với các đơn vị tổ chức các buổi giới thiệu về khả năng đào tạo sau đại học và khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực trình độ SDH tại các địa phương, ban ngành, các khu công nghiệp...

Kết hợp với các đơn vị liên quan duy trì các liên hệ, liên kết với các cựu học viên của Trường, để có được các phản hồi, nguyện vọng, đóng góp ý kiến về đào tạo sau đại học của Trường: mô hình, chương trình, giảng viên, điều kiện học tập, các đáp ứng đối với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội...

- Quản lý các hoạt động đào tạo SDH của Trường

Phối hợp với các bộ phận chức năng của Trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Quy định của Trường về đào tạo SDH;

Tổ chức và quản lý công tác tuyển sinh: Học viên cao học, học viên bồi dưỡng SDH; Trình Hiệu trưởng ký duyệt danh sách trúng tuyển cao học; làm thủ tục để Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tập thể Cán bộ hướng dẫn và đề tài luận văn thạc sỹ; Làm các thủ tục báo cáo tình hình tuyển sinh và kết quả thi tuyển, xét tuyển với Bộ GD&ĐT;

Phối hợp với các đơn vị lập kế hoạch giảng dạy, lập thời khóa biểu; Tổ chức giảng dạy, kiểm tra theo dõi tiến độ và chất lượng đào tạo các lớp SDH của Trường;

Thực hiện các công việc quản lý học tập các lớp cao học và bồi dưỡng SDH: Tổ chức đăng ký nhập học, lập danh sách lớp, lập lịch thi học kỳ; Quản lý điểm thi; Quản lý hồ sơ học tập của học viên; Kết hợp với các đơn vị quản lý chuyên ngành xét tư cách học viên được nhận đề tài, được bảo vệ Luận văn thạc sỹ; Trình Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài, mời phản biện, thành lập Hội đồng bảo vệ luận văn thạc sỹ; Lập hồ sơ Hội đồng bảo vệ luận văn Thạc sỹ; Cấp bảng điểm tích lũy học kỳ, bảng điểm toàn khóa, chứng nhận hoàn thành khóa học; Trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp cao học; Lập hồ sơ cấp bằng Thạc sỹ; Tổ chức cấp phát và quản lý văn bằng Thạc sỹ; Trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định các trường hợp bảo lưu kết quả học tập, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển khóa học đào tạo, ngừng học, cho thôi học, gia hạn thời gian học tập, tiếp tục học;

Theo dõi, kiểm tra, xác nhận khối lượng giảng dạy, cùng phòng Kế toán - Tài chính tính thù lao giảng dạy cho Giảng viên và Cán bộ hướng dẫn luận văn thạc sỹ cũng như tham gia các hoạt động đào tạo sau đại học khác;

Chủ trì, phối hợp với phòng Đào tạo Đại học, phòng Khoa học, công nghệ và Hợp tác quốc tế về tổ chức và quản lý công tác biên soạn, biên dịch và thẩm định giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;

Phối hợp với phòng Khoa học, công nghệ và Hợp tác quốc tế, với các đơn vị có liên quan giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế về giáo dục sau đại học.

2. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

Từ 2013 đến nay

Trưởng phòng



Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng

Năm sinh: 19/06/1968

Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Trưởng phòng**Họ và tên: Khổng Cát Cường****Năm sinh: 10/01/1969****Quê quán: Sông Lô, Vĩnh Phúc****Học hàm, học vị: Tiến sĩ****4. Thành tích nổi bật:**

- Tập thể: Tập thể Lao động Tiên tiến năm 2012 - 2013; Tập thể Lao động Xuất sắc năm 2013 - 2014
- Cá nhân: Bằng khen Thủ tướng 2011, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ 2013, nhiều bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bằng khen của UBND tỉnh Sơn La.

PHÒNG KHẢO THI BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC **(Từ 2013 đến nay)**

1. Quá trình thành lập đơn vị.

1.1. Thời gian thành lập: Năm 2013

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định thành lập Trường Đại học Tây Bắc. Ngày 20/06/2002, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, trong đó có Phòng Đào tạo.

- Năm 2013: Phòng Đào tạo tách ra thành: Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Khảo thí Bảo đảm Chất lượng Giáo dục. Phòng Quản lý Đào tạo Đại học được thành lập theo Quyết định số 242/QĐ-ĐHTB-TCCB, ngày 12 tháng 4 năm 2013.

1.3. Số lượng cán bộ viên chức của phòng (2015)

Tổng số cán bộ viên chức: 11 trong đó 7 thạc sỹ, 4 cử nhân.

Địa chỉ: Tầng 4, Nhà Điều hành, Trường Đại học Tây Bắc.

Điện thoại liên hệ 0982385858

Email: thongdhtb@gmail.com.



2. Chức năng nhiệm vụ:

Chức năng

Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục là đơn vị trực thuộc Trường, có chức năng giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục trong phạm vi Nhà trường; tư vấn về khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục.

Nhiệm vụ, quyền hạn

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các kế hoạch về khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục; triển khai, hướng dẫn và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch về khảo thí và kiểm định chất lượng các đơn vị sau khi kế hoạch được ban hành.

- Đối với công tác khảo thí

Thực hiện các công tác nghiệp vụ thi tuyển sinh cao đẳng, đại học hệ chính quy và hệ VLVH theo sự phân công của Hội đồng tuyển sinh như: Tổ chức thi, in sao đề thi, chấm thi, chấm phúc khảo, nhập dữ liệu điểm...;

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần, các kỳ thi phụ, thi tốt nghiệp;

Chủ trì, giúp Hiệu trưởng phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức ra đề thi, xây dựng đáp án thang điểm, xây dựng, quản lý, sử dụng ngân hàng dữ liệu đề thi phục vụ các kỳ thi kết thúc học phần; thực hiện các công việc nghiệp vụ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng và các nhiệm vụ khác theo phân công của Hiệu trưởng;

Chủ trì, giúp Hiệu trưởng trong việc tổ chức chấm thi, lên điểm, tổng hợp điểm của người học;

Nhận bảng điểm (điểm rèn luyện, điểm thực hành, thực tập sư phạm...), xác nhận, lưu giữ bảng điểm, gửi bảng điểm cho các đơn vị liên quan.

Lưu giữ, bảo quản bài thi của người học theo quy định.

Phối hợp với các đơn vị liên quan xét tiến độ học tập, buộc thôi học đối với người học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia các Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

- Đối với công tác đảm bảo chất lượng

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai việc kiểm định chất lượng giáo dục của Trường;

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học;

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm định chất lượng các đơn vị trực thuộc;

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng báo cáo đảm bảo chất lượng của Nhà trường;

Chủ trì, phối hợp với cơ quan kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm định ngoài khi điều kiện cho phép;

Chủ trì tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị làm công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục theo chương trình công tác Hằng năm của Nhà trường.

Xây dựng bộ công cụ cho công tác tự đánh giá, phục vụ cho công tác kiểm định;

Tổ chức thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục;

3. Lãnh đạo đơn vị:

Từ 2013 đến nay

Trưởng phòng



Họ và tên: Phạm Minh Thông

Năm sinh: 02/01/1965

Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng



Họ và tên: Lò Bình Minh

Năm sinh: 17/05/1959

Quê quán: Mai Sơn, Sơn La

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được:

- 2 năm đạt đơn vị Lao động tiên tiến
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở :
 - + Phạm Minh Thông
 - + Lò Bình Minh.

PHÒNG THANH TRA PHÁP CHẾ (Từ 2015 đến nay)

1. Quá trình thành lập của đơn vị:

1.1. Thời gian thành lập

Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc đã quyết định thành lập phòng Thanh tra-Pháp chế. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Giai đoạn từ năm 2010 đến tháng 12 năm 2014

Trước nhu cầu phải có bộ phận đảm nhiệm công tác thanh tra nội bộ và đảm bảo hoạt động của Nhà trường tuân thủ pháp luật, năm 2010, Trường Đại học Tây Bắc đã thành lập bộ phận Thanh tra-Pháp chế, trực thuộc phòng Hành chính Tổng hợp. Gồm 01 Trưởng bộ phận và 4 cán bộ chuyên trách.

- Từ tháng 12 năm 2014 đến nay

Từ nhận thức công tác thanh tra nội bộ phải hoạt động mang tính độc lập, các đơn vị trong Trường đều là đối tượng của công tác thanh tra, tháng 12/2014, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc đã quyết định thành lập phòng Thanh tra-Pháp chế. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

- + Số lượng cán bộ từ khi thành lập đến nay: 05 người

2. Chức năng nhiệm vụ:

2.1. Chức năng thanh tra: Tham mưu giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra trong phạm vi quản lý của Hiệu trưởng nhằm bảo đảm việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, góp phần xây dựng nề nếp, kỷ cương trong quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

2.2. Chức năng pháp chế: Tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng Nhà trường về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc; bảo đảm cho Nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế.

Về cơ cấu tổ chức: Phòng Thanh tra-Pháp chế hiện nay gồm 5 biên chế chuyên trách, gồm 1 Trưởng phòng, 1 Phó phòng và 3 chuyên viên. Trình độ chuyên môn: 4 Thạc sĩ và 1 Cử nhân đại học.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ:

Từ 2015 đến nay

Trưởng phòng



Họ và tên: Lò Văn Nét
Năm sinh: 05/04/1960
Quê quán: Sông Mã, Sơn La
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng phòng



Họ và tên: Kiều Văn Đông
Năm sinh: 10/11/1957
Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được:

Đã tham mưu giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra trong phạm vi quản lý của Hiệu trưởng, đảm việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giáo dục, góp phần xây dựng nề nếp, kỷ cương trong quá trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Giải quyết đơn thư phản ánh của cán bộ giảng viên, sinh viên trong toàn trường trong phạm vi quyền hạn

Đã tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc; bảo đảm cho Nhà trường hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế.

TRUNG TÂM

THÔNG TIN THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC (1960-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị:

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Ngày 12/07/2012, Hiệu trưởng trường ĐHTB đã ký quyết định số 445/QĐ-ĐHTB-TCCB, Quyết định về việc thành lập Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Tây Bắc.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

1.2.1. Thời kỳ 1960 - 1980

Những năm đầu mới thành lập, những năm chiến tranh và sau chiến tranh tình hình Nhà trường khó khăn thiếu thốn về mọi mặt. Thiếu thốn về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ dạy học nên hầu hết các bài giảng và đồ dùng dạy học, giáo viên đều phải tự nghiên cứu biên soạn và thiết kế, vì vậy vốn tài liệu phục vụ cho dạy và học có số lượng rất khiêm tốn thời kỳ này chưa có tổ thư viện, những năm 70 bộ phận thư viện có một vài cán bộ trực thuộc phòng giáo vụ.

1.2.2. Thời kỳ 1981-2000

- Năm 1980 Tổ thư viện trực thuộc phòng Giáo vụ được thành lập. Đồng chí Phí Tuyết Lan giữ chức vụ tổ trưởng.

Cán bộ thư viện trong giai đoạn này có số lượng không nhiều, đa phần các đồng chí cán bộ tổ thư viện đều không có nghiệp vụ thư viện, phần đa là giáo viên có trình độ cao đẳng. Vì vậy để triển khai các hoạt động nghiệp vụ gặp nhiều khó khăn. Thư viện mới chỉ có phòng đọc báo và tạp chí, chưa có phòng đọc tài liệu, công tác phục vụ chủ yếu là cho mượn về nhà.

1.2.3. Thời kỳ 2001-2015

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Đến tháng 7/2007 cán bộ thư viện có 06 người. Khi nhà trường di chuyển về Thành phố Sơn La, trường gồm hai cơ sở: cơ sở 1 ở Thành phố Sơn La; cơ sở 2 ở Thuận châu, giai đoạn này nhà trường đã tuyển dụng thêm cán bộ cho thư viện tính đến tháng 7/2012 tổng số cán bộ thư viện là 11 người.

- Để làm tốt chức năng, nhiệm vụ của thư viện trường đại học, đáp ứng cho nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên nhà trường, đồng thời để hòa nhập với sự đổi mới mạnh mẽ của hệ thống thư viện các trường đại học trong cả nước, ngày 12/07/2012, Hiệu trưởng trường ĐHTB đã ký quyết định số 445/QĐ-

DHTB-TCCB, Quyết định về việc thành lập Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Tây Bắc.

- Hiện nay Thư viện nhà trường có trụ sở khang trang tòa nhà ba tầng với diện tích trên 6000m², với trên 7000 bản đọc; Ngân sách bổ sung tài liệu Hằng năm được duy trì ở mức khá, Thư viện có 5500 đầu sách với gần 140.000 bản sách, 130 đầu báo và tạp chí. Trung tâm có hai phòng *Internet*, một phòng đa phương tiện với 150 máy tính nối mạng, một phòng đọc kho đóng và một phòng đọc kho mở với 600 chỗ ngồi, 02 kho giáo trình và tài liệu tham khảo, khu vực học nhóm và tự học. Hiện nay tài liệu số trong thư viện điện tử nhà trường đã có 1279 tài liệu, đồng thời Trung tâm cũng giới thiệu với bạn đọc trên 20 cơ sở dữ liệu trực tuyến và các website thư viện hữu ích để bạn đọc tìm kiếm tài liệu đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

1.3. Số lượng cán bộ công tác tại Trung tâm Thông tin Thư viện hiện nay

Hiện tổng số cán bộ làm việc tại trung tâm là 21 người (6 nam 15 nữ), trong đó 95% có trình độ đại học trở lên

Cán bộ Trung tâm thông tin Thư viện Trường (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ, tầm nhìn, sứ mạng:

2.1. Chức năng

Tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng quản lý nhà nước về công tác thư viện, thông tin khoa học phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường.

2.2. Nhiệm vụ

a) Tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng quy hoạch, kế hoạch hoạt động dài hạn và ngắn hạn của Trung tâm, tổ chức điều phối toàn bộ hệ thống thông tin, tư liệu, thư viện trong Nhà trường;

b) Bổ sung, phát triển nguồn lực thông tin đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thu nhận các tài liệu do Nhà trường

xuất bản, các công trình nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, tài liệu hội thảo, khóa luận, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ của viên chức, công chức và người học, chương trình đào tạo, giáo trình, tập bài giảng và các dạng tài liệu khác của Nhà trường, các ấn phẩm tài trợ, biểu, tặng, tài liệu trao đổi giữa các trung tâm, thư viện;

c) Tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý tài liệu; xây dựng hệ thống tra cứu thích hợp; thiết lập mạng lưới truy nhập và tìm kiếm thông tin tự động hóa; xây dựng các cơ sở dữ liệu; biên soạn, xuất bản các ấn phẩm thông tin theo quy định của pháp luật, định kỳ Hằng năm ra thông tin thư mục cung cấp cho các đơn vị trong Trường nội dung tóm tắt của tài liệu, sách báo, tạp chí, công trình mới;

d) Tổ chức phục vụ, hướng dẫn cho bạn đọc khai thác, tìm kiếm, sử dụng hiệu quả nguồn tài liệu và các sản phẩm dịch vụ thông tin - thư viện thông qua các hình thức phục vụ của Trung tâm, phù hợp với quy định của pháp luật, phục vụ đúng đối tượng và kịp thời. Thường xuyên tổ chức công tác giới thiệu sách, tài liệu, tạp chí và các thông tin khoa học, kỹ thuật mới;

đ) Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào công tác của Trung tâm;

e) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, viên chức của Trung tâm để phát triển nguồn nhân lực có chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả công tác;

g) Tổ chức, quản lý cán bộ, tài sản theo sự phân cấp của Hiệu trưởng; bảo quản, kiểm kê định kỳ vốn tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật và tài sản khác của Trung tâm; tiến hành thanh lọc ra khỏi kho các tài liệu lạc hậu, hư nát theo quy định;

h) Thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.

Tầm nhìn

Xây dựng một trung tâm Thông tin Thư viện theo mô hình tiên tiến, hiện đại tương xứng với tầm cỡ của một trường đại học vùng, đa ngành, hướng tới đạt chuẩn trong nước và khu vực. Nhằm góp phần phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Sứ mạng

Giá trị của Trung tâm Thông tin - Thư viện không phải ở chỗ có bao nhiêu tài nguyên thông tin mà là hiệu quả đáp ứng nhu cầu thông tin như thế nào. Từ nguồn tài nguyên phong phú thông qua công nghệ mới góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội, đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội của các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 1980 đến 2001

Tổ trưởng



Họ và tên: Phí Tuyết Lan
Năm sinh: 1944
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Cử nhân Cao đẳng Toán -
Lí

3.2. Từ 2001 đến 2009
Tổ trưởng



Họ và tên: Phan Thị Mùi
Năm sinh: 10/03/1954
Quê quán: Quỳnh Phụ, Thái Bình
Học hàm, học vị: Cử nhân Cao đẳng Sinh -
Địa

3.3. Từ 2009 đến 2012
Tổ trưởng



Họ và tên: Lò Thị Thương
Năm Sinh: 20/08/1962
Quê quán: huyện Điện Biên, Điện Biên
Học hàm, học vị: Cử nhân Thông tin -
Thư viện

3.4. Từ 2012 đến nay
Giám đốc



Họ và tên: Ngô Đức Quyền
Năm Sinh: 15/10/1959
Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
Học hàm, học vị: Thạc sỹ Vật lý

P. Giám đốc



Họ và tên: Trần Anh Dũng
Năm sinh: 14/01/1967
Quê quán: Lý Nhân, Hà Nam
Học hàm, học vị: Thạc sỹ Quản lý Giáo dục

Phó Giám đốc



Họ và tên: Lò Thị Thương
Năm sinh: 20/08/1962
Quê quán: huyện Điện Biên, Điện Biên
Học hàm, học vị: Cử nhân Thông tin - Thư viện

4. Thành tích đạt được

Liên tục các năm đạt danh hiệu tổ lao động tiên tiến và Trung tâm liên tục đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến.

BAN QUẢN LÝ KHU NỘI TRÚ (2009-2015)

1. Quá trình hình thành

1.1. Quá trình hình thành

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Ban quản lý khu Nội trú được thành lập theo Quyết định số 453/QĐ - ĐHTB -TCCB ngày 04 tháng 09 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Khi thành lập, Ban quản lý khu Nội trú có cơ cấu bộ máy tổ chức bao gồm 5 cán bộ, trong đó: Th.S Nguyễn Duy Quang làm Trưởng Ban, Th.S Hà Văn Niệm làm Phó Ban. Các cán bộ quản lý bao gồm: Phạm Thị Lan Phương; Trần Ngọc Giáp; Nguyễn Văn Chung.

- Từ năm 2009 đến tháng 3 năm 2013 Ban quản lý khu Nội trú được bổ xung thêm 6 cán bộ quản lý, do đó bộ máy tổ chức của Ban là 11 người. Các đồng chí được bổ xung là: Đỗ Văn Vinh; Đào Thị Nét; Cầm Thị Lan Khay; Đỗ Thanh Bình; Nguyễn Ngọc Sơn và Bùi Nam Giang.

- Tháng 3 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc bổ nhiệm Th.S Nguyễn Duy Quang làm Trưởng Phòng Quản trị cơ sở vật chất, kiêm Trưởng Ban quản lý Khu Nội trú và Th.S Hà Văn Niệm làm Phó Trưởng phòng Quản trị cơ sở vật chất đồng thời điều chuyển và bổ nhiệm Th.S. Vũ Mạnh Cường - giảng viên Khoa TDDT làm Phó Ban quản lý Khu Nội trú.

- Trong quá trình cơ cấu toàn diện bộ máy tổ chức của các đơn vị trong Nhà trường theo nhiệm kì hiệu trưởng. Ngày 1 tháng 4 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ra quyết định bổ nhiệm Th.S. Vũ Mạnh Cường giữ chức vụ Trưởng Ban quản lý Khu Nội trú và điều chuyển Th.S Trương Ngọc Kiên - giảng viên Tâm lý giáo dục giữ chức vụ Phó Ban.

+ Địa chỉ: Tổ 2 Phường Quyết Tâm - Thành phố Sơn La - Tỉnh Sơn La

+ Số điện thoại: 0223753416

+ Email: banquanlykitucxa@gmail.com

1.3. Cán bộ của Ban (2015)

Hiện nay Ban có 14 cán bộ công nhân viên, trong đó có 2 Thạc sĩ, 7 Cử nhân, 1 cán bộ có trình độ cao đẳng, 1 cán bộ có trình độ Trung cấp.

Cán bộ, công nhân viên của Ban Quản lý Khu Nội trú (2015)



2. Chức năng nhiệm vụ:

2.1. Nhiệm vụ chính trị và quản lý

Ban Quản lý khu Nội trú được Hiệu trưởng thành lập với tư cách là đơn vị độc lập trực thuộc Nhà trường. Ban có chức năng tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ do Hiệu trưởng giao phó về quản lý tài sản công, quản lý sinh viên tại Khu Nội trú Trường Đại học Tây Bắc theo các văn bản qui định của pháp luật, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường. Được Trường Đại học Tây Bắc giao nhiệm vụ quản lý, vận hành Khu Nội trú sinh viên xây dựng từ nguồn trái phiếu Chính phủ. Quyền và trách nhiệm của Ban Quản lý khu Nội trú được qui định như sau:

- Tiếp nhận các KTX sinh viên từ chủ đầu tư (bao gồm nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ khác);
- Phổ biến qui định, nội qui, qui chế; tiếp nhận phân loại đối tượng ưu tiên của sinh viên đăng ký hợp đồng; ký kết hợp đồng thuê nhà ở; thu tiền phí nội trú; thanh lý hợp đồng cho thuê theo qui định của pháp luật;
- Lập sổ theo dõi các phòng ở; cập nhật đầy đủ dữ liệu quản lý; tổ chức hoạt động tự quản; phân công trực 24/24 giờ để giải quyết kịp thời vụ việc xảy ra; tổ chức đăng ký tạm trú tạm vắng theo qui định của pháp luật;
- Xây dựng và ban hành nội qui Khu Nội trú, các tiêu chí thi đua; tuyên truyền giáo dục để đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, mỹ quan nơi ở và phòng chống các TNXH trong khu vực Khu Nội trú;
- Có kế hoạch định kỳ kiểm tra, kịp thời nâng cấp, sửa chữa, tu bổ các công trình hạ tầng cơ sở, công trình phục vụ sinh hoạt của sinh viên và các thiết bị khác của Khu Nội trú sinh viên;
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các dịch vụ trông giữ xe, nhà ăn, căng tin, internet, tư vấn tâm lý, sức khỏe, hướng nghiệp, hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa, TDTT, phòng đọc sách, báo trình Hiệu trưởng quyết định và triển khai thực hiện để đáp ứng nhu cầu chính đáng của sinh viên, tạo sân chơi lành mạnh góp phần giáo dục toàn diện cho sinh viên;
- Chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng, cơ quan công an, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ tại Khu Nội trú sinh viên. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, bộ phận chức năng trong Trường kiểm tra thực hiện nếp sống văn minh, phòng chống dịch bệnh tại Khu Nội trú.

Hiện nay Ban quản lý khu Nội trú trực tiếp quản lý có 08 ký túc xá gồm 502 phòng ở, 08 phòng sinh hoạt chung với đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu của sinh viên trong học tập, sinh hoạt, giải trí và cập nhật thông tin khoảng 4.000 sinh viên.

Có khu vực ký túc xá dành riêng cho Lưu học sinh nước ngoài với cơ sở vật chất và chế độ đãi ngộ đúng theo quy định của Nhà nước.

Có 01 nhà ăn với quy mô đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu của sinh viên Nội trú.

Trong khuôn viên Khu Nội trú có 3 sân Cầu lông và Cầu mây, 01 sân Bóng rổ, 01 sân Bóng ném, 8 bảng tin và toàn bộ các KTX được trang bị hệ thống Wifi, hệ thống truyền hình đáp ứng đầy đủ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, vui chơi, giải trí cho sinh viên trong Khu nội trú.

2.2. Nghiên cứu khoa học

Trong xu thế xã hội hóa giáo dục như hiện nay, để cải tiến phương pháp dạy - học và giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên của Nhà trường. Ban Quản lý khu Nội trú đã phát động các cán bộ quản lý tích cực học tập, nghiên cứu và đề xuất các sáng kiến kinh nghiệm, các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động cho sinh viên trong Khu Nội trú. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền trên Website, bản tin nội bộ, hệ thống phát thanh của Nhà trường. Phát động các hoạt động thi đua, đăng bảng tin trong sinh viên Nội trú một cách bổ ích, hiệu quả, thiết thực. Năm học 2013 - 2014 Ban đã được nghiệm thu 01 đề tài khoa học cấp Trường đạt chất lượng tốt và có 01 bài báo đăng trên thông tin khoa học Nhà trường.

3.Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 2009 đến 2013

Trưởng Ban



Họ và tên:Nguyễn Duy Quang
Năm sinh: 15/02/1959
Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng Ban



Họ và tên: Hà Văn Niệm
Năm sinh: 10/12/1981
Quê quán: Phù Yên, Sơn La
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

3.2.Từ 2013 đến nay

Trưởng Ban



Họ và tên:Vũ Mạnh Cường
Năm sinh:18/06/1979
Quê quán: Phù Cừ, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Trưởng Ban**Họ và tên: Trương Ngọc Kiên****Năm sinh: 03/02/1977****Quê quán: Thanh Liêm, Hà Nam****Học hàm, học vị: Thạc sĩ**

Hiện nay bộ máy tổ chức của Ban quản lý khu Nội trú là 14 cán bộ và cơ cấu thành 3 bộ phận: Bộ phận quản lý, bộ phận kỹ thuật, sửa chữa, điện nước và bộ phận bảo vệ. Điều hành và quản lý và tổ chức các hoạt động của sinh viên nội trú ở 8 kí túc xá. Cụ thể:

4. Thành tích của đơn vị

- Ban Quản lý khu Nội trú là một tập thể đoàn kết, hăng say lao động, sáng tạo trong công việc. Từ ngày thành lập cho đến nay, tập thể Ban Quản lý khu Nội trú liên tục đạt danh hiệu “*Đơn vị tiên tiến xuất sắc*”. Nhiều cá nhân lập thành tích xuất sắc, được công nhận nhiều danh hiệu thi đua và khen thưởng các cấp.

Năm học 2011 - 2012 Ban Quản lý khu Nội trú đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng danh hiệu “*Tập thể lao động xuất sắc*”, Bằng khen của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Sơn La và được Trường Đại học Tây Bắc công nhận là “*Đơn vị tiên tiến xuất sắc tiêu biểu*”.

Chi bộ Phòng Công tác chính trị và Quản lý người học có sự tham gia sinh hoạt của các đảng viên của Ban Quản lý khu Nội trú cũng đã lập nhiều thành tích. Năm 2010 chi bộ được BCH Đảng bộ Tỉnh Sơn La tặng Bằng khen đạt thành tích xuất sắc 4 năm tổ chức cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Năm 2013 được tặng Bằng khen của Tỉnh ủy Tỉnh Sơn La và nhiều Giấy khen của BCH Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc.

Phương hướng phát triển

Ban Quản lý khu Nội trú tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và công tác quản lý sinh viên Nội trú.

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, cơ chế làm việc và các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ tốt nhất nhu cầu cho sinh viên Nội trú.

Vận hành tốt nhà ăn phục vụ nhu cầu của sinh viên đảm bảo chất lượng, an toàn, văn minh lịch sự.

Xây dựng khu nhà câu lạc bộ sinh viên nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí và thông tin cho sinh viên.

Tiếp tục trang bị cơ sở vật chất cho các phòng sinh hoạt chung của các KTX tạo điều kiện cho sinh viên nội trú tổ chức các sinh hoạt tập thể thuận lợi, an toàn, lành mạnh....

**BAN Y - DƯỢC
(2014-2015)****1. Quá trình thành lập của đơn vị**

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Ban Y-Dược được thành lập theo Quyết định số 1293/QĐ-ĐHTB-TCCB, ngày 22/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

- Số lượng giảng viên, cán bộ từ 2014 đến 2015: 03 người, trong đó có 1 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ

2. Chức năng nhiệm vụ:

- Chức năng nhiệm vụ được giao:

- + Tham mưu cho Hiệu trưởng mở mã ngành đào tạo Y - Dược.
- + Xúc tiến công tác chuẩn bị, tham gia đào tạo khi đủ điều kiện.

- Ngành đào tạo, bồi dưỡng (*Dự kiến*):

- + Cử nhân Y tế công cộng
- + Cử nhân Điều dưỡng.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ:

Từ 2014 đến nay

Trưởng Ban



Họ và tên: Cao Đình Sơn

Năm sinh: 20/10/1973

Quê quán; Chương Mỹ - Hà Nội

Học hàm, Học vị: Tiến sĩ

3. Thành tích đạt được

Cán bộ lãnh đạo và chuyên viên của Ban luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt danh hiệu Tập thể Tiến tiến.

**TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**

(2008-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập:

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Ngày 10 tháng 10 năm 2008, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 544/QĐ- ĐHTB-TCCB thành lập Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Chuyển giao Công nghệ.

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị:

+ Giai đoạn từ năm 2008 - 2012: Trung tâm ở trên cơ sở đào tạo huyện Thuận Châu. Đây là giai đoạn Trung tâm mới thành lập nên còn rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu.

+ Giai đoạn từ 2013 đến 2015: Trung tâm chuyển về cơ sở mới của Trường Đại học Tây Bắc tại Tổ 2, Phường Quyết Tâm, Thành Phố Sơn La. Trung tâm có những bước phát triển rất mạnh về cơ sở vật chất, năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đã khẳng định được vai trò, nhiệm vụ của 1 trung tâm vùng.

+ Ngày 3/9/2015 theo Quyết định số 815/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc, Trung tâm NCTN Nông-Lâm nghiệp sáp nhập vào Trung tâm NCKH và Chuyển giao Công nghệ.

2. Chức năng nhiệm vụ

+ Nghiên cứu khoa học

+ Đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng

+ Chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ

Số lượng cán bộ từ khi thành lập cho đến nay: 17 người

+ Từ tháng 10/2008 - 3/2013:

Giám đốc: Đoàn Đức Lân

Sinh ngày: 21/4/1967; Quê quán: Nam Trực - Nam Định; Học hàm, học vị:

Tiến sĩ

+ Từ tháng 4/2013 đến nay:

Giám đốc: Vũ Hồng Kim

Sinh ngày: 15/7/1955; Quê quán: Thái Thụy - Thái Bình; Học hàm, học vị:

Thạc sĩ

+ Từ tháng ngày 3/9/2015 đến nay:

Giám đốc: TS. Cao Đình Sơn

Sinh ngày: 20/10/1973; Quê quán: Chương Mỹ - Hà Nội; Học hàm, học vị:

Tiến sĩ

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

3.1. Từ 2008 đến 2013**Giám đốc****Họ và tên: Đoàn Đức Lân****Năm sinh: 21/04/1967****Quê quán: Nam Trực, Nam Định.****Học hàm, học vị: Tiến sĩ****3.2. Từ 2013 đến 2015****Giám đốc****Họ và tên: Vũ Hồng Kim****Năm sinh: 15/07/1955.****Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình****Học hàm, học vị: Thạc sĩ****3.3. Từ 3/9/2015 đến nay****Giám đốc****Họ và tên: Cao Đình Sơn****Năm sinh: 20/10/1973****Quê quán: Chương Mỹ, Hà Nội****Học hàm, Học vị: Tiến sĩ****4. Thành tích đạt được.**

- Thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, dự án chuyển giao công nghệ cho các tỉnh vùng Tây Bắc như: Đề tài “Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống Kỳ đà” của tỉnh Điện Biên; Dự án khuyến nông Trung ương “Xây dựng mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ làm thực phẩm (Bò khai, rau sắng, Sơn tra) tại vùng Tây Bắc” ...
- Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với nhiều đối tác nước ngoài như Tổ chức Nông lâm Thế Giới, ACIAR của Úc, Ngân hàng thế giới, ...
- Thực hiện nhiều hợp đồng khoa học với các đơn vị như Rà soát tài nguyên rừng tại Sơn La với Chi cục Kiểm lâm Sơn La; đề mục nghiên cứu với Viện Công nghệ Sinh học, Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Tây Bắc.
- Trung tâm có hệ thống nhà lưới, nhà kính hiện đại với diện tích 1.600m² để phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ.

TRUNG TÂM
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH SINH VIÊN(2005 - 2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh sinh viên Tây Bắc được thành lập theo Quyết định số 907/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động thực hiện theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh sinh viên ban hành tại Quyết định số 82/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh sinh viên.

2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1. Chức năng

-Giáo dục, đào tạo kiến thức quốc phòng, an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên, Lai Châu...)

-Nghiên cứu khoa học sư phạm Quân sự, khoa học quân sự và công tác quốc phòng- an ninh địa phương.

-Tham gia, tư vấn công tác quốc phòng-an ninh cho Nhà trường và địa phương trên địa bàn.

2.2. Nhiệm vụ

- Xây dựng Trung tâm vững mạnh về chính trị tư tưởng; ổn định về tổ chức; đạt chất lượng về thực hiện nhiệm vụ chính trị và đào tạo, xây dựng đội ngũ

- Thực hiện công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học đối với từng năm học, khóa học.

- Giáo dục chính trị, tư tưởng, đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng; truyền thống yêu nước, truyền thống đánh giặc giữ nước, truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam; tinh thần sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đối với sinh viên.

- Truyền thụ kiến thức khoa học về quan điểm, đường lối quân sự, quốc phòng, an ninh; đường lối quốc phòng, an ninh toàn dân đối với người học.

- Truyền thụ kiến thức phổ thông về khoa học quân sự, quốc phòng, an ninh cho người học; chú trọng nâng cao chất lượng thực hành phù hợp với thực tế và tình hình nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới.

- Tổ chức rèn luyện kỷ luật, điều lệnh, chế độ sinh hoạt, bản lĩnh, đạo đức người chiến sỹ theo qui định của quân đội cho người học.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hành quân, dã ngoại, văn hóa, văn nghệ, thể thao, báo tường, phát thanh, lao động, hoạt động xã hội đối với người học.

- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, an ninh đối với Nhà trường và địa phương.

Tên giao dịch: **Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh sinh viên Tây Bắc**

Tay Bac Center for National Defense Education

Trụ sở: Nhà K6 - Trường Đại học Tây Bắc

Địa chỉ: Đường Chu Văn An - Phường Quyết Tâm - Thành phố Sơn La
Điện thoại: 0223. 751. 701
Email: gdqpansv.tb@gmail.com

Cán bộ Trung tâm năm 2015



3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ Từ 2013 đến nay Giám đốc



Họ và tên: Nguyễn Văn Bao
Năm sinh: 16/08/1957
Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình
Học hàm, học vị: Tiến sĩ

P. Giám đốc



Họ và tên: Nguyễn Thanh Sâm
Năm sinh: 15/7/1957
Quê quán: Can Lộc - Hà Tĩnh
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Giám đốc



Họ và tên: Lê Văn Chức
Năm sinh: 23/3/1961
Quê quán: Thanh Hóa
Học hàm, học vị:

4. Thành tích của đơn vị qua các thời kỳ Đào tạo

Kết quả đào tạo qua các khóa đạt chất lượng đáng khích lệ với kết quả bình quân như sau:

Sinh viên đạt loại Giỏi: chiếm 7, 74%

Sinh viên đạt loại Khá chiếm 46,54%

Sinh viên đạt loại Trung bình khá chiếm 41,81%

Sinh viên đạt loại Trung bình 1,63%

Sinh viên chưa đủ điểm tích lũy 2,28%.

Phong trào

03 HCV Giải Cầu lông CLB tỉnh Sơn La-Năm 2012, 2013, 2014

HCV Giải CLB toàn quốc-Năm 2015, HCB Giải CLB toàn quốc-Năm 2014

HCV Giải Cầu lông “Người giáo viên nhân dân”-Năm 2013.

**TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC TÂY BẮC
(2013-2015)**

1. Quá trình thành lập của đơn vị:

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Ngày 12 tháng 4 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc ký Quyết định số 244/QĐ-ĐHTB-TCCB thành lập Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các dân tộc Tây Bắc.

- Số lượng CBNV Trung tâm là 5, trong đó có 3 Thạc sĩ, 2 Cử nhân

2. Chức năng nhiệm vụ:

a. Chức năng

Trung tâm Nghiên cứu Văn hoá các dân tộc Tây Bắc là đơn vị trực thuộc

Trường, có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng tổ chức, triển khai các hoạt động: nghiên cứu, tư vấn về văn hoá Tây Bắc, trao đổi những thành tựu trong nghiên cứu, liên kết nghiên cứu, bồi dưỡng tri thức văn hoá, tham gia bảo tồn văn hoá trong điều kiện cho phép, góp phần cùng các lực lượng xã hội làm rõ bức tranh văn hoá Tây Bắc nói chung và từng tộc người ở Tây Bắc nói riêng.

b. Nhiệm vụ, quyền hạn

- Chủ trì xây dựng và quản lý nội dung của phòng Truyền thống Nhà trường; phối hợp với các đơn vị thuộc Trường tổ chức lưu giữ các vật kỷ niệm, lưu niệm, tranh ảnh, khen cao của Nhà trường, tư liệu lịch sử Nhà trường và triển khai trưng bày;

- Xây dựng, triển khai kế hoạch nghiên cứu về văn hoá Tây Bắc. Triển khai các dự án, kế hoạch nghiên cứu: sưu tầm, khảo sát thực hiện các đề tài khoa học;

- Công bố các công trình nghiên cứu văn hóa (những thành tựu nghiên cứu của Trung tâm và các công trình nghiên cứu của các lực lượng khác). Đề xuất xuất bản những ấn phẩm văn hóa;

- Tư vấn, tham gia bảo tồn văn hóa. Ứng dụng những thành tựu nghiên cứu vào trong giảng dạy, đào tạo. Góp phần cùng với địa phương trong việc xây dựng mô hình làng bản văn hóa;

- Chủ trì hoặc tham gia các đề tài khoa học các cấp thuộc thẩm quyền của Trung tâm;

- Trung tâm có quyền chủ động trong việc lựa chọn đối tượng nghiên cứu, chủ động mời các cộng tác viên tham gia các đề tài do Trung tâm chủ trì;

- Tham gia hợp tác trong nghiên cứu với các cơ quan địa phương, các trường, viện, học viện, các tổ chức theo quy định. Có quyền ký kết các hợp đồng trong nghiên cứu hoặc triển khai các dự án mà Hiệu trưởng cho phép.

Cán bộ, chuyên viên của Trung tâm (2015)



3. Lãnh đạo của các đơn vị qua các thời kì:

Từ 2013 đến nay

Quyền Giám đốc



Họ và tên: Nguyễn Công Tho
Năm sinh: 09/01/1956
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Giám đốc



Họ và tên: Hoàng Văn Viện
Năm sinh: 07/05/1962
Quê quán: Quỳnh Nhai, Sơn La
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đã đạt được:

- Tổ chức các hội thảo nghiên cứu, giảng dạy về văn học miền núi văn hóa Tây Bắc.
- Chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học: “Gốm Mường Chanh” (2014)
- Đồng chủ trì Hội thi “Sản phẩm văn hóa dân gian Tây Bắc” năm 2015
- Đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến năm học 2013-2014, 2014-2015.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM NÔNG LÂM (2013-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.
- Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 21/QĐ-ĐHTB-TCCB ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.
- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông - Lâm nghiệp
- Điện thoại: 0223.847067 Fax: 0223.847067 Email: cafutb@gmail.com
- Ngày 3/9/2015 theo Quyết định số 815/QĐ-ĐHTB-TCCB của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc, Trung tâm NCTN Nông-Lâm nghiệp được sáp nhập vào Trung tâm NCKH và Chuyển giao Công nghệ

1.2. Số lượng cán bộ của Trung tâm trước khi sáp nhập

Trung tâm có 13 cán bộ đang công tác tại Trung tâm, trong đó có 1 Tiến sĩ, 1 Thạc sĩ, 1 trung cấp và các trình độ khác.

2. Chức năng nhiệm vụ

2.1. Chức năng

Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông - Lâm nghiệp là đơn vị sự nghiệp khoa học công lập trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc, có tư cách pháp nhân, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Một số chức năng cụ thể như:

- + Thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Trường Đại học Tây Bắc giao;
- + Tổ chức các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản và một số lĩnh vực liên quan;
- + Tổ chức các loại hình dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2.2. Nhiệm vụ

- + Quản lý toàn vẹn cơ sở vật chất tại Thuận Châu;
- + Tổ chức thực hiện theo đơn đặt hàng các nhiệm vụ do Trường Đại học Tây Bắc giao;
- + Chủ động xác định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;
- + Tổ chức sản xuất, kinh doanh và các loại hình dịch vụ phục vụ yêu cầu mọi đối tượng trong xã hội;
- + Quản lý tài sản, trang thiết bị và tài chính của Trung tâm theo các chế độ quy định của Nhà nước.

3. Lãnh đạo đơn vị các thời kỳ

Từ 2013 đến nay

Giám đốc



Họ và tên: Phạm Quang Thắng
Năm sinh: 01/10/1981
Quê quán: Kim Động, Hưng Yên
Học hàm, học vị: Tiến sĩ (2015)

P. Giám đốc



Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng
Năm sinh: 27/05/1981
Quê quán: Yên Phong, Bắc Ninh
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P. Giám đốc



Họ và tên: Đào Hữu Bình
Năm sinh: 26/02/1986
Quê quán: Thanh Thủy, Phú Thọ
Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hoá, văn nghệ và thể thao

- Công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng:
 - + Hằng năm tổ chức Rèn nghề Nông Lâm tổng hợp cho 5 lớp (250 - 300 sinh viên) Khoa Nông - Lâm
 - + Hằng năm tổ chức hướng dẫn và là địa bàn thực tập tốt nghiệp cho 15-20 sinh viên Khoa Nông - Lâm.
 - + Tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ Sở cấp nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học: Chủ trì và phối hợp thực hiện một số đề tài/dự án:
 - + Dự án “Hoàn thiện quy trình nhân giống và trồng tập trung rau Bò khai tại vùng Tây Bắc”, Dự án SXTN cấp Bộ GD&ĐT năm 2013.
 - + Đề tài “Nghiên cứu trồng thử nghiệm cây sâm Ngọc Linh tại tỉnh Điện Biên”, Đề tài KH-CN cấp Tỉnh năm 2013.
 - + Đề tài “Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật canh tác giống dưa chuột bản địa vùng Tây Bắc”, Đề tài thuộc dự án TBU-JICA, 2012-2014.
 - + Đề tài “Nghiên cứu ảnh hưởng của phân ủ vỏ cà phê đến sinh trưởng, phát triển của một số loại rau bản địa tại Thuận Châu, Sơn La”, Đề tài KH-CN cấp cơ sở năm 2014.
 - + Đề tài “Nghiên cứu bảo tồn phát triển giống gà đen H'Mông tại tỉnh Sơn La”, Đề tài KH-CN cấp Tỉnh năm 2014.

TRUNG TÂM TIN HỌC-NGOẠI NGỮ (2005-2015)

1. Quá trình thành lập của đơn vị

1.1. Thời gian thành lập

- Ngày 23/03/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

- Trung tâm Tin học Ngoại ngữ được thành lập theo Quyết định số 123/QĐ-TCCB ngày 12 tháng 05 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

1.2. Số lượng cán bộ của Trung tâm hiện nay

Hiện nay Trung tâm có 02 cán bộ đang công tác tại Trung tâm.

2. Chức năng, nhiệm vụ

2.1. Chức năng

Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc thành lập theo đề án thành lập trung tâm đã được Nhà trường phê duyệt. Trung tâm chịu sự quản lý trực tiếp của Trường Đại học Tây Bắc và hoạt động theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường và pháp luật.

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Thực hiện dịch vụ đào tạo

- Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trình độ tin học và ngoại ngữ ngắn hạn cho người học trong và ngoài Trường;
- Tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ cho các học viên của trung tâm đã hoàn thành chương trình đào tạo của Trung tâm theo quy định;
- Liên kết với các trung tâm, các cơ sở đào tạo tin học, ngoại ngữ khác trong và ngoài Trường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin - truyền thông;
- Nghiên cứu, tổng kết, rút kinh nghiệm về tổ chức hoạt động của trung tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ, công nghệ thông tin - truyền thông.

b) Thực hiện dịch vụ bồi dưỡng

- Xây dựng mục tiêu, kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Hằng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện, theo dõi và quản lý các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý đã được phê duyệt: thông báo chiêu sinh, tuyển chọn học viên, lịch học tập, quản lý lớp học, tổ chức thi giai đoạn, thi kết thúc khoá học, quản lý điểm của học viên, đánh giá phân loại học viên, công nhận tốt nghiệp và cấp giấy chứng nhận khoá học cho học viên theo đúng quy định hiện hành;

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật;

- Được ký các văn bản như: xác nhận học viên, thông báo tuyển sinh, thông báo triệu tập học viên, xác nhận kết quả học tập và một số loại văn bản khác được phân cấp quản lý.

c) Thực hiện các nhiệm vụ về công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý của Nhà trường:

- Đơn vị thường trực Website Trường Đại học Tây Bắc;
- Quản lý và vận hành về mặt kỹ thuật Website của Trường;
- Quản lý và vận hành hệ thống mạng của Trường;
- Bảo trì, sửa chữa nhỏ hệ thống máy tính của các đơn vị;
- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tin học cho cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

Từ 2005 đến nay

Giám đốc



Họ và tên: Phạm Quốc Thắng

Năm sinh: 11/06/1979

Quê quán: TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

P.Giám đốc



Họ và tên: Đỗ Thị Thanh Trà

Năm sinh: 28/5/1977

Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

4. Thành tích đạt được

- Trong công tác đào tạo: đào tạo, bồi dưỡng và cấp bằng tin học, ngoại ngữ cho hàng nghìn cán bộ, giảng viên, sinh viên.

- Xây dựng mới và nâng cấp các trang mạng nội bộ của các khoa và Trường Đại học Tây Bắc.

- Từ 2005 đến 2009 liên tục đạt danh hiệu đơn vị xuất sắc và được nhận giaaays
khen của Hiệu trưởng.

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ DỊCH VỤ KINH TẾ (2015)

1. Quá trình thành lập

Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ Kinh tế do Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc thành lập theo đề án thành lập Trung tâm đã được phê duyệt. Trung tâm là đơn vị dịch vụ hoạt động trên lĩnh vực đào tạo và dịch vụ kinh tế, chịu sự quản lý trực tiếp của Trường Đại học Tây Bắc và hoạt động theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường và pháp luật. Trung tâm có con dấu trong giao dịch, tự hoạch toán trong hoạt động và có tài khoản riêng.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

a. Thực hiện dịch vụ đào tạo ngắn hạn

- Xây dựng, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, đào tạo nghề và cấp chứng chỉ cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu về các lĩnh vực kinh tế: kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh;

- Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đào tạo, các tổ chức đào tạo khác có uy tín trong lĩnh vực đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu khoa học và trao đổi kinh nghiệm theo quy định;

b. Hoạt động tư vấn, nghiên cứu

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, nghiên cứu về kinh tế: kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh.

- Chủ trì hoặc tham gia các đề tài khoa học các cấp; liên kết nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế với các trường, trung tâm và các tổ chức khác;

- Tổ chức ký kết và thực hiện các hợp đồng nghiên cứu, hợp đồng tư vấn về kinh tế: kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh ...cho các đơn vị có nhu cầu. Tổ chức thực hành rèn luyện nghiệp vụ, thực tế cho cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa Kinh tế theo quy định.

c. Hoạt động dịch vụ

- Tổ chức ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ về kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh cho các đơn vị có nhu cầu. Thông qua đó tổ chức thực hành rèn luyện nghiệp vụ, thực tế cho cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa Kinh tế;

- Tổ chức các dịch vụ khác (kinh doanh thương mại) là cơ sở rèn nghề cho sinh viên, học viên theo quy định của Nhà trường.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

Từ 2015 đến nay

Giám đốc (2015)



Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Anh

Năm sinh: 21/10/1981

Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

TRẠM Y TẾ (1967)

1. Quá trình thành lập:

1.1. Thời gian thành lập

- Năm 1960 Trường Sư phạm cấp II Khu tự trị Thái-Mèo được thành lập, lúc đầu chỉ có một người làm nhiệm vụ cấp phát thuốc cho học sinh.
- Năm 1967 Tổ Y tế được thành lập, gồm có 3 người

1.2. Các thời kỳ phát triển của đơn vị

- Năm 1967 Tổ Y tế được thành lập, gồm có 3 người
- Hiện nay là Trạm Y tế...

1.3. Số lượng cán bộ hiện nay

Hiện nay Trạm Y tế có 3 người

2. Chức năng, nhiệm vụ

- Trạm Y tế là đơn vị chức năng có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Hiệu trưởng thực hiện quản lý Nhà nước về công tác chăm lo sức khỏe, khám chữa bệnh cho cán bộ, công chức, viên chức và sinh viên, công tác vệ sinh, phòng dịch trong Trường.

- Tổ chức khám, chữa bệnh ban đầu cho cán bộ, công chức, viên chức và người học. Tổ chức trực cấp cứu 24/24h hàng ngày;

- Mua và cấp phát thuốc cho cán bộ, công chức, viên chức và người học kịp thời, đúng chế độ;

- Quản lý và bảo dưỡng tốt cơ sở vật chất, thuốc men và mọi tài sản khác của Trạm y tế, tuân thủ nghiêm ngặt quy chế quản lý thuốc của ngành y tế;

- Chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh cụ thể như: tiêm phòng, phun thuốc trừ muỗi, ruồi, diệt chuột, làm vệ sinh trong phạm vi toàn Trường, phối hợp với cơ quan y tế cấp trên, kịp thời phát hiện, khoanh vùng và tiêu diệt các ổ dịch, bệnh, không để lây lan;

- Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh môi trường trong phạm vi Nhà trường; chủ động đề xuất những biện pháp cụ thể, hữu hiệu, phối hợp với Công ty Vệ sinh Môi trường địa phương thu gom, xử lý rác thải trong phạm vi toàn Trường, phối hợp với Đoàn Thanh niên Nhà trường thường xuyên tổ chức vệ sinh môi trường, đảm bảo cho nhà trường luôn xanh, sạch, đẹp.

3. Lãnh đạo đơn vị qua các thời kỳ

Từ 1967 đến 11/2013

- Nguyễn Văn Thúy
- Lò Thị Kim
- Lương Thị Tâm

Từ 11/2013 đến nay
Trưởng Trạm Y tế



Họ và tên: Bùi Văn Phát

Năm sinh: 20/10/1960

Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình

Học hàm, học vị: Y sĩ

4. Thành tích đạt được

Từ 1967 đến nay, bộ phận Y tế đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Hội Chữ thập đỏ, Phòng Y tế Thuận Châu, Sở Y tế Sơn La và Trường Đại học Tây Bắc:

- Từ 1967 đến 1981: liên tục được công nhận là Đơn vị tiến xuất sắc
- Từ 1981 đến 2000: Được nhận giấy khen của Trường Cao Đẳng Sư phạm Tây Bắc
- Từ 2001 đến nay liên tục được công nhận là Tập thể Tiên tiến
- Nhiều cá nhân được công nhận là Lao động Tiên tiến.

Phần thứ 3

CÁC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG

(1960-2015)

Quyết định thành lập Trường Sư phạm cấp 2 Khu Tự trị Thái - Mèo (Quyết định số 67- QĐ, ngày 30/06/1960)

HC/27/2

BỘ GIAO DỤC
Số 267 QĐ

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ
Độc lập Tự do Hạnh phúc
Hà-Nội, ngày 30 tháng 6 năm 1960

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO DỤC

+ Căn cứ sắc lệnh số 119/SL ngày 9-7-46 thành lập Bộ Giáo dục
+ Căn cứ nhu cầu phát triển của ngành giáo dục.

Q U Y Ế T D I N H

Điều 1 - Nay thành lập các Trường sư phạm cấp II liên tỉnh với nhiệm vụ đào tạo giáo viên cấp II về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để cung cấp cho nhu cầu phát triển nền giáo dục phổ thông không toàn miền Bắc. Các trường sư phạm cấp II đặt ở những địa phương sau đây :

- + Trường sư phạm cấp II liên tỉnh đặt ở Nam định có nhiệm vụ thu nhận giáo sinh ở trong tỉnh và các tỉnh lân cận.
- + Trường sư phạm cấp II liên tỉnh đặt ở đại dương có nhiệm vụ thu nhận giáo sinh ở trong tỉnh và các tỉnh lân cận.
- + Trường sư phạm cấp II đặt ở Liên an có nhiệm vụ thu nhận giáo sinh ở trong tỉnh và các tỉnh lân cận.
- + Trường sư phạm cấp II đặt ở Hòa bình có nhiệm vụ thu nhận giáo sinh ở trong tỉnh và các tỉnh lân cận.
- + Trường sư phạm cấp II đặt ở khu tự trị Thái Mèo có nhiệm vụ thu nhận giáo sinh ở trong khu tự trị.

Điều 2 - Trường đặt tại địa phương nào thì do Đảng tỉnh, khu do giúp Bộ quản lý về mọi mặt : trường sở, cán bộ, học sinh và chuyên môn. Hiệu trưởng xây dựng chỉ tiêu kế hoạch đào tạo và kế hoạch phân phối giáo sinh sau khi tốt nghiệp gửi Bộ Giáo dục. Chỉ phí các trường đều do ngân sách của Bộ Giáo dục đài thọ.

Điều 3 - Mỗi trường sư phạm cấp II có một Ban giám hiệu (một hiệu trưởng và một hiệu phó) phụ trách và ba bộ phận giúp việc :

Giáo vụ - Tổ chức - Hành chính quản trị. Sơ biên chế sơ quỹ hình cụ thể cho từng trường ở một văn bản khác.

TRƯỞNG TẬP LẬP TRƯỜNG GIAO
BẢN SAO

- 2 -

Điều 4 - Các UBHC Khu tư trí Thái Mèo, Tỉnh Nam định, Kiên an, Hai dương, Hoa bình và các Ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Sư phạm, Vụ Tổ chức và cán bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Nội vụ
- Bộ Tài chính
- UBHC và Ty Giao dục Nam định, Kiên an, Hoa bình, Hai dương
- UBHC và Sở Giao dục Khu Tư trí Thái Mèo
- Vụ Sư phạm
- Văn phòng (Phòng kế hoạch Tài vụ, Tuyên truyền)
- Vụ RCCB (2)

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO DỤC

đã ký

Nguyễn Văn Huyền

SÁO LƯỢCT/L CHANH VĂN PHONG
PHÒNG AN ninh NỘI CHINEPhạm Trọng Đăng

QUYẾT ĐỊNH BỔ SUNG (Quyết định số 272- QĐ, ngày 07 tháng 07 năm 1960)

572
157.6
HC/6/7

BO GIAO DUC
==
Số 272 QĐ

VIỆT NAM DÂN CHỦ CÔNG HOÀ
Độc lập Tự do Hạnh phúc

Hà-nội, ngày 7 tháng 7 năm 1960

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO DỤC

- + Căn cứ sắc lệnh số 119/SL ngày 9-7-46 thành lập Bộ Giáo dục
- + Căn cứ quyết định số 267/QĐ ngày 30-6-1960 của Bộ thành lập các trường Sư phạm cấp II Liên tỉnh.

QU YẾT Đ I N H

Điều I - Nay ~~thêm~~ thêm điều II quyết định số 267/QĐ ngày 30-6-60 thành lập các trường Sư phạm trung cấp như sau :

Trường Sư phạm cấp II đặt tại Khu tự trị Thái Mèo do một thành viên của Khu tự trị đại diện và do Khu quản lý về mọi mặt.

Điều 2 - Ủy ban Khu tự trị Thái Mèo, các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Sư phạm Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO DỤC
Đã ký
Nguyễn Văn Huyền

Nơi nhận :

- UBNC Khu TT Thái Mèo
- Khu Giáo dục TT Thái Mèo
- Văn phòng (Phòng Kế hoạch Tài vụ)
- Vụ Sư phạm
- Vụ TCCB (2)

BỘ LƯU
C/T CHỨC VỤ PHÒNG
PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

Thưa trong Đảng

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II
BẢN SAO

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
TRƯỜNG SƯ PHẠM CẤP 2 (10+3) TÂY BẮC THÀNH TRƯỜNG CAO
ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY BẮC (SỐ 146-CP, NGÀY 06 THÁNG 04 NĂM 1981)**

PHỦ THỦ TƯỚNG

Số: 146/CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội ngày 06 tháng 4 năm 1981

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
Về việc công nhận Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc**

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 7 năm 1960;

Căn cứ Nghị định số 171-CP ngày 20 tháng 11 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành quy chế mở trường lớp Đại học và Trung học chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Bộ Giáo dục (công văn số 195-KHTV, ngày 28 tháng 1 năm 1981), Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, (công văn số 343 – KHTV, ngày 28 tháng 2 năm 1981) và Ủy ban kế hoạch Nhà nước (công văn số 223 – UB/QĐĐT ngày 6 tháng 3 năm 1981) và sau khi đã tổ chức việc kiểm tra kết quả chuẩn bị của Trường.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Công nhận Trường Sư phạm cấp 2 (10 + 3) Tây Bắc là Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc và giao cho Bộ giáo dục quản lý.
- Điều 2.** Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cấp 2 có trình độ Cao đẳng Sư phạm phục vụ cho nhu cầu phát triển của hai tỉnh Sơn La và Lai Châu.
- Điều 3.** Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc thuộc hệ thống giáo dục Đại học và Cao đẳng được hưởng các chính sách chế độ mà Nhà nước đã quy định cho các trường Đại học và Cao đẳng.
- Điều 4.** Phụ trách Trường do một Hiệu trưởng, giúp việc Hiệu trưởng có một số Phó Hiệu trưởng.
- Điều 5.** Các đồng chí chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Trưởng Ban Tổ chức của Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La và Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**T/M HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Đã ký: Tố Hữu

SAO KÍNH GỬI
BỘ GIÁO DỤC

Sao nguyên văn bản chính
THỦ TRƯỞNG PHỦ THỦ TƯỚNG

Đã ký: Dương Văn Phúc

Số: 746/VP

Hà Nội ngày 10 tháng 4 năm 1981

Sao gửi:

- Trường CĐSP Tây Bắc
- Vụ Tổ chức Cán bộ
- Vụ KHTV
- Cục Đào tạo bồi dưỡng
- Ban cải cách sự phạm
- Ban QLNCKH
- Lưu HC, CP

T.L BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
PHÓ VĂN PHÒNG

Đã ký: Đoàn Văn Di

Tây Bắc, ngày 22 tháng 4 năm 1981

Sao y như bản chính gửi

- Kính gửi:
- Các đồng chí trong BGH
 - Các phòng
 - Các đoàn thể trong trường

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký: *Cầm Quỳnh*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC
Sao lục

Sơn La, ngày tháng năm 2005

TRƯỞNG PHÒNG HCTH



Nguyễn Văn Đệ

QUYẾT ĐỊNH
THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC (SỐ 39/2001/QĐ-TTg, NGÀY 23
THÁNG 03 NĂM 2001)

Đoan

CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 39/2001/QĐ-TTg Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2001 P.300

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về thành lập Trường Đại học Tây Bắc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;
Căn cứ Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 11362/KHTC ngày 13 tháng 12 năm 2000,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Thành lập Trường Đại học Tây Bắc trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc.

Điều 2. Trường Đại học Tây Bắc có nhiệm vụ :

1. Đào tạo nhân lực trình độ đại học và cao đẳng.
2. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.
3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc.

2

Điều 3. Trường Đại học Tây Bắc trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trụ sở của trường đặt tại tỉnh Sơn La; Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nơi nhận :

- Thường vụ Bộ Chính trị,
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Trường Cao đẳng sư phạm Tây Bắc,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu : KG (4), Văn thư.

. Phạm Gia Khiêm

SAO GỬI

- Các đơn vị trong trường
- Lưu THHC

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY BẮC
SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 04 tháng 4 năm 2001

**TL HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG HCTH**



*** Lê Văn Doan**

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC TRỰC THUỘC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC (số 2645/QĐ- BGD&ĐT-TCCB, ngày 20 tháng 06 năm 2002)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỐ: 303

Ngày 20 tháng 6 năm 2002

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số: 2645/QĐ-BGD&ĐT-TCCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 20 tháng 6 năm 2002

4/6/02

gửi: Đ. U

- BG/Đ

- C.Đ.Đ., Tr.Đ.Đ.

- T/c, G.V., Q.T.Đ., K.C.T.T., Q.L.K.H.

- Các Khoa

- Các tổ chức thuộc

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO v/v thành lập các tổ chức trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

H. H.

- Căn cứ Nghị định 15/CP ngày 2.3.1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định 29/CP ngày 30.3.1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường ĐH Tây Bắc tại công văn số 98/TTr-TCCB ngày 03 tháng 5 năm 2002;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập các tổ chức sau đây trực thuộc Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2002-2005:

1- Các Phòng, Ban chức năng:

- x Phòng Đào tạo;
- x Phòng Tổ chức Cán bộ;
- x Phòng Quản lý Khoa học và Quan hệ Quốc tế;
- x Phòng Hành chính-Tổng hợp;
- x Phòng Quản trị Đời sống;
- x Phòng Công tác Chính trị;
- x Phòng Tài vụ;
- Ban Quản lý ký túc xá;
- x Trạm Y tế;

2- Các tổ chức quản lý đào tạo:

- x Khoa Toán;
- Khoa Lý-Công nghệ thông tin;
- x Khoa Ngữ văn;
- x Khoa Sử-Địa;
- x Khoa Sinh-Hoá;
- Khoa Tiểu học-Mầm non;
- Ban Dự bị đại học;
- Ban Kinh tế-Nông lâm;
- Ban Ngoại ngữ;

- * Bộ môn Giáo dục chính trị;
- * Bộ môn Tâm lý giáo dục;
- * Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

Điều 2. Chức năng và nhiệm vụ của các tổ chức tại Điều 1 do Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc quy định cụ thể;

Điều 3. Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc có nhiệm vụ sắp xếp tổ chức và bố trí nhân sự để các tổ chức tại Điều 1 hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỦ TRƯỞNG



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, Vụ TCCB

Phần thứ tư
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG,
DANH SÁCH NHÀ GIÁO NHÂN DÂN, NHÀ GIÁO ƯU TÚ VÀ CÁC GIÁO
SU, TIỀN SĨ (1960-2015)

CÁC THẾ HỆ HIỆU TRƯỞNG (1960-2015)



Lương Văn Cúc
(1961-1969)



Phạm Việt Tâm
(1969-1972)



Đỗ Mộng Bảo
(1972-1977)



Cầm Quỳnh
(1977-1996)



NGƯT
Hoàng Lăng
(1996-2001)



NGND.PGS.TS.
Đặng Quang Việt
(2001-2012)



NGƯT.TS
Nguyễn Văn Bao
(2012-2017)

BAN GIÁM HIỆU NHIỆM KỲ (2012-2017)



Hiệu trưởng
NGƯT.TS. Nguyễn
Văn Bao



P. Hiệu trưởng
NGƯT.TS. Đinh
Thanh Tâm



P. Hiệu trưởng
NGƯT.TS.
Nguyễn Triệu Sơn



P. Hiệu trưởng
TS. Đoàn Đức
Lân

DANH SÁCH NHÀ GIÁO NHÂN DÂN (1960-2015)



NGND.PGS.TS
Đặng Quang Việt
(2010)

DANH SÁCH NHÀ GIÁO ƯU TÚ (1960-2015)



NGƯT. Hoàng
Lăng (1998)



NGƯT.PGS.TS
Đặng Quang Việt
(2002)



NGƯT.TS
Nguyễn Văn Bao
(2006)



NGƯ.T.ThS
Nguyễn Văn Đệ
(2008)



NGƯ.T.ThS
Lò Văn Nét
(2010)



NGƯ.TS
Đinh Thanh Tâm
(2014)



NGƯ.TS
Nguyễn Triệu
Sơn (2014)

DANH SÁCH CÁC GIÁO SƯ, TIẾN SĨ (1960-2015)**1. PGS.TS. Tô Văn Bình**

Họ và tên: Tô Văn Bình
 Năm sinh: 27/01/ 1947
 Quê quán: Tiền Hải, Thái Bình
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận và PPDH Bộ môn Vật lí
 Năm bảo vệ: 1985 – CHDC Đức
 Học hàm: Phó Giáo sư

2. TS. Đoàn Đức Lân

Họ và tên: Đoàn Đức Lân
 Năm sinh: 21/04/ 1967
 Quê quán: Nam Trực, Nam Định
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Vật sinh vật học
 Năm bảo vệ: 1997 (về Trường 2004)
 Học hàm:

3. TS. Bùi Việt Hùng

Họ và tên: Bùi Việt Hùng
 Năm sinh: 25/12/1965
 Quê quán: Cát Hải, Hải Phòng
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
 Năm bảo vệ: 2000
 Học hàm:

4. NGND.PGS.TS. Đặng Quang Việt

Họ và tên: Đặng Quang Việt
 Năm sinh: 22/07/1960
 Quê quán: Văn Giang, Hưng Yên
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: PPDH Toán
 Năm bảo vệ: 2002
 Học hàm: Phó Giáo sư (2007)

5. TS. Vũ Tiến Dũng



Họ và tên: Vũ Tiến Dũng
 Năm sinh: 19/05/1959
 Quê quán: Tỉnh Gia, Thanh Hóa
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận Ngôn ngữ
 Năm bảo vệ: 2003
 Học hàm:

6. PGS.TS. Phạm Văn Lực



Họ và tên: Phạm Văn Lực
 Năm sinh: 12/08/1962
 Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
 Học hàm, học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
 Năm bảo vệ: 2005
 Học hàm: Phó Giáo sư (2014)

7. TS. Vũ Thị Liên



Họ và tên: Vũ Thị Liên
 Năm sinh: 23/09/1960
 Quê quán: Vĩnh Bảo, Hải Phòng
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Sinh thái học
 Năm bảo vệ: 2006 (về Trường 2014)
 Học hàm:

8. TS. Trần Thị Thanh Hồng



Họ và tên: Trần Thị Thanh Hồng
 Năm sinh: 09/08/1963
 Quê quán: Bình Lục, Hà Nam
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận và PPDH
 Văn-Tiếng Việt
 Năm bảo vệ: 2007
 Học hàm:

9. NGƯT.TS. Nguyễn Triệu Sơn



Họ và tên: Nguyễn Triệu Sơn
 Năm sinh: 23/01/1963
 Quê quán: Thanh Thủy, Phú Thọ
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận và PPDH
 Toán
 Năm bảo vệ: 2008
 Học hàm:

10. TS. Phạm Văn Nhã

Họ và tên: Phạm Văn Nhã
Năm sinh: 09/03/1970
Quê quán: Hiệp Hòa, Bắc Giang
Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Động vật học
Năm bảo vệ: 2008
Học hàm:

11. TS. Nguyễn Thị Nhung

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung
Năm sinh: 25/8/1962
Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lí luận và lịch sử
Giáo dục học
Năm bảo vệ: 2009
Học hàm:

12. TS. Hoàng Ngọc Anh

Họ và tên: Hoàng Ngọc Anh
Năm sinh: 18/10/1967
Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lí luận PPDH
Toán
Năm bảo vệ: 2010
Học hàm:

13. TS. Đỗ Hồng Đức

Họ và tên: Đỗ Hồng Đức
Năm sinh: 18/07/1967
Quê quán: Mê Linh, Hà Nội
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Năm bảo vệ: 2010
Học hàm:

14. TS. Vũ Trọng Lương



Họ và tên: Vũ Trọng Lương
 Năm sinh: 08/11/1979
 Quê quán: Bình Giang, Hải Dương
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Phương trình vi phân, tích phân
 Năm bảo vệ: 2010
 Học hàm:

15. TS. Đỗ Thúy Mùi



Họ và tên: Đỗ Thúy Mùi
 Năm sinh: 04/01/1968
 Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Địa lý Kinh tế
 Năm bảo vệ: 2010
 Học hàm:

16. TS. Nguyễn Hoàng Yên



Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yên
 Năm sinh: 09/01/1960
 Quê quán: Nga Sơn, Thanh Hóa
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận Ngôn ngữ
 Năm bảo vệ: 2011
 Học hàm:

17. NGU'TS. Nguyễn Văn Bao



Họ và tên: Nguyễn Văn Bao
 Năm sinh: 16/08/1957
 Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận Văn học
 Năm bảo vệ: 2012
 Học hàm:

18. NGU'TS. Đinh Thanh Tâm



Họ và tên: Đinh Thanh Tâm
 Năm sinh: 11/03/1965
 Quê quán: Nghĩa Hưng, Nam Định
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Vật lí Lý thuyết và Vật lí toán
 Năm bảo vệ: 2012
 Học hàm:

19. TS. Vũ Quốc Khánh

Họ và tên: Vũ Quốc Khánh
Năm sinh: 02/09/1963
Quê quán: Kim Thành, Hải Dương
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lí luận PPDH Toán
Năm bảo vệ: 2012
Học hàm:

20. TS. Vũ Quang Giảng

Họ và tên: Vũ Quang Giảng
Năm sinh: 21/11/1968
Quê quán: Hưng Hà, Thái Bình
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Bảo vệ Thực vật
Năm bảo vệ: 2012
Học hàm:

21. TS. Bùi Thanh Hoa

Họ và tên: Bùi Thanh Hoa
Năm sinh: 05/09/1981
Quê quán: Đô Lương, Nghệ An
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lí luận Ngôn ngữ
Năm bảo vệ: 2012
Học hàm:

22. TS. Khổng Cát Cường

Họ và tên: Khổng Cát Cường
Năm sinh: 10/01/1969
Quê quán: Sông Lô, Vĩnh Phúc
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Vật lí chất rắn
Năm bảo vệ: 2012
Học hàm:

23. TS. Nguyễn Văn Hồng

Họ và tên: Nguyễn Văn Hồng
Năm sinh: 1968
Quê quán: Vũ Thư, Thái Bình
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Tâm lí học
Năm bảo vệ: 2012
Học hàm:

24. TS. Đoàn Thị Kiều Oanh



Họ và tên: Đoàn Thị Kiều Oanh
 Năm sinh: 27/02/1983
 Quê quán: Tiên Lữ, Hưng Yên
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Vật lí Hạt cơ bản
 Năm bảo vệ: 2012- Cộng hòa Pháp
 Học hàm:

25. TS. Ngô Thị Phụng



Họ và tên: Ngô Thị Phụng
 Năm sinh: 25/12/1976
 Quê quán: Vụ Bản, Nam Định
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
 Năm bảo vệ: 2013
 Học hàm:

26. TS. Đặng Nguyên Giang



Họ và tên: Đặng Nguyên Giang
 Năm sinh: 03/01/1979
 Quê quán: Phù Cừ, Hưng Yên
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh
 Năm bảo vệ: 2013
 Học hàm:

27. TS. Lê Thị Hương



Họ và tên: Lê Thị Hương
 Năm sinh: 20/02/1976
 Quê quán: Kinh Môn, Hải Dương
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: CN Duy vật biện chứng và CN Duy vật lịch sử
 Năm bảo vệ: 2014
 Học hàm:

28. Lê Thị Vân Anh



Họ và tên: Lê Thị Vân Anh
 Năm sinh: 29/05/1981
 Quê quán: Tĩnh Gia, Thanh Hóa
 Học vị: Tiến sĩ
 Chuyên ngành: Lí luận và PPDH
 bộ môn Giáo dục Chính trị
 Năm bảo vệ: 2014
 Học hàm:

29. TS. Cao Đình Sơn

Họ và tên: Cao Đình Sơn
Năm sinh: 20/10/1973
Quê quán: Chương Mỹ, Hà Nội
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lâm sinh
Năm bảo vệ: 2014
Học hàm:

30. TS. Lò Mai Thu

Họ và tên: Lò Mai Thu
Năm sinh: 15/04/1977
Quê quán: Sốp Cộp, Sơn La
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Di truyền học
Năm bảo vệ: 2014
Học hàm:

31. TS. Phạm Thu Hà

Họ và tên: Phạm Thu Hà
Năm sinh: 08/03/1982
Quê quán: Kiến Xương, Thái Bình
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Xã hội học
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

32. TS. Lường Thị Hoài Thanh

Họ và tên: Lường Thị Hoài Thanh
Năm sinh: 09/01/1981
Quê quán: Mường La, Sơn La
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Lịch sử thế giới
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

33. TS. Lò Thanh Sơn



Họ và tên: Lò Thanh Sơn
Năm sinh: 02/07/1980
Quê quán: Thuận Châu, Sơn La
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Di truyền học
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

34. TS. Phạm Quang Thắng



Họ và tên: Phạm Quang Thắng
Năm sinh: 01/10/1981
Quê quán: Kim Động, Hưng Yên
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Khoa học cây trồng
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

35. Nguyễn Thị Thanh Nga



Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nga
Năm sinh: 25/03/1982
Quê quán: Thái Thụy, Thái Bình
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Di truyền học
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

36. TS. Mai Anh Đức



Họ và tên: Mai Anh Đức
Năm sinh: 23/11/1975
Quê quán: Ý Yên, Nam Định
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Hình học Tô pô
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

37. Vũ Việt Hùng

Họ và tên: Vũ Việt Hùng
Năm sinh: 21/03/1983
Quê quán: Phù Cừ, Hưng Yên
Học vị: Tiến sĩ
Chuyên ngành: Toán Giải tích
Năm bảo vệ: 2015
Học hàm:

CÁN BỘ LÃNH ĐẠO**NHÀ TRƯỜNG VÀ PHÒNG, BAN, KHOA, BỘ MÔN, ĐOÀN THỂ QUA CÁC THỜI KỲ
(1960-2015)****THỜI KỲ 1960 - 1980**

Phụ trách Trường	
1. Đỗ Mộng Bảo	1960 - 1961

Bí thư Chi bộ	
1. Cao Thiệp	1960 - 1962
2. Mai Ngọc Nam	1962 - 1965

Hiệu trưởng	
1. Lương Văn Cúc	1961 - 1969
2. Phạm Viết Tâm	1969 - 1972
3. Cầm Quỳnh - Q.HT	1972-1973
4. Đỗ Mộng Bảo	1973 - 1977
5. Cầm Quỳnh	1977 - 1980

Phó Hiệu trưởng	
1. Đỗ Mộng Bảo	1962 - 1973
2. Đặng Phôi	1961 - 1962
3. Trần Kiều	1967 - 1968
4. Phí Văn Thịnh	1969 - 1974
5. Cầm Quỳnh	1967 - 1977
6. Phan Lạc Đĩnh	1976 - 1977
7. Phạm Viết Tâm	1972 - 1980
8. Hoàng Siêng	1978 - 1980

Bí Thư	
1. Lương Văn Cúc	1968 - 1969
2. Phạm Viết Tâm	1965 - 1970
3. Bắc Việt	1970 - 1973
3. Cầm Quỳnh	1967 - 1975
4. Đỗ Mộng Bảo	1975 - 1977
5. Phạm Viết Tâm	1977 - 1980

Phó Bí thư	
1. Bắc Việt	1969 - 1971
2. Phạm Viết Tâm	1971 - 1973
3. Đỗ Mộng Bảo	1973 - 1975
4. Phan Lạc Đĩnh	1975 - 1977
5. Cầm Quỳnh	1977 - 1980

Phòng Hành chính Quản trị	
1. Trần Đình Thạch	1965 - 1973
2. Nguyễn Sĩ Biên	1973 - 1979
3. Q. Nguyễn Hữu Cam	1979 - 1980
Phòng Tổ chức Chính trị	
1. Nguyễn Viết Thanh	1962 - 1969

Tổ Tự nhiên và Xã hội	
1. Tổ Tự nhiên: Trần Kiều	1960 - 1964
2. Tổ Xã hội: Lê Kỳ Huân	1960 - 1964
3. Ban Tự nhiên	1964 - 1967
4. Ban Xã hội	1964 - 1967
Khoa Tự nhiên	
1. Trần Kiều	1967 - 1968

2. Bắc Việt	1969 - 1972
2. Phan Lạc Đình	1972 - 1975
3. Nguyễn Viết Thanh	1975 - 1980
Phòng Giáo vụ	
1. Văn Thọ	1961 - 1969
2. Phạm Vũ Hải	1969 - 1975
2. Nguyễn Đức Khiêm	1975 - 1976
3. Hoàng Siêng	1976 - 1977
4. Lò Tiến Thâm	1977-1980
Khoa Xã hội	
1. Cầm Quỳnh	1967 - 1975
2. Phạm Văn Na	1980 - 1981

2. Hoàng Kim Thông	1979 - 1980
Khoa Chính trị	
1. Phạm Viết Tâm	1967 - 1968
2. Nguyễn Đức Tề	1968 - 1970
Khoa Đào tạo Cơ sở	
1. Nguyễn Thiện Tề	1978 - 1980

CÔNG ĐOÀN	
1. Vương Đình Phương	1964 - 1965
2. Phạm Vũ Hải	1965 - 1966
3. Trần Đình Thạch	1966 - 1969
4. Phí Văn Thịnh	1969 - 1971
5. Cầm Quỳnh	1971 - 1973
6. Bùi Đức Thiện	1973 - 1975
7. Đoàn Tất Cận	1975- 1979

ĐOÀN THANH NIÊN	
1. Lê An	1962 - 1965
2. Phạm Đình Quý	1965 - 1967
3. Phan Lạc Đình	1967 - 1972
4. Chu Hiền	1972 - 1973
5. Đinh Văn Lành	1973 - 1977
6. Đỗ Đức Mạnh	1977 - 1981

THỜI KÌ 1981 - 2000

Hiệu trưởng	
1. Cầm Quỳnh	1981 - 1996
2. Hoàng Lăng	
- Q. Hiệu trưởng	1996 - 2001
- Hiệu trưởng	3/2001- 5/2001

Phó Hiệu trưởng	
1. Hoàng Siêng	1981 - 1986
2. Phạm Viết Tâm	1981 - 1987
3. Hoàng Lăng	1980 - 1996
4. Đặng Quang Việt	1996 - 2000
5. Lò Tiến Thâm	1996- 2000

Bí Thư	
1. Phạm Viết Tâm	1981 - 1986
2. Nguyễn Thiện Tề	1986 - 1992
3. Hoàng Lăng	1992 - 2001

Phó Bí thư	
1. Đinh Văn Cung	1980 - 1984
2. Lò Tiến Thâm	1984 - 1986
3. Quàng Văn Tịch	1988 - 1992
4. Nguyễn Thị Mai Suối	1988 - 1992
5. Cầm Quỳnh	1981 - 1988
	1992 - 1995
6. Đặng Quang Việt	1996 - 2000

Phòng Hành chính Tổng Hợp	
1. Trần Minh Phong	1980 - 1985
2. Nguyễn Lập Lễ	1985 - 1987
3. Lò Văn Doan	1987 - 2001
Phòng Quản trị đời sống	
1. Phạm Duy Định	1980 - 2004
Phòng Tổ chức Chính trị	
1. Đinh Văn Cung	1980 - 1995
2. Phạm Văn Chùa - QTP	1995 - 2000
Phòng Giáo vụ	
1. Lò Tiến Thâm	1980 - 1995
2. Nguyễn Văn Đệ	1995 - 2000
Tổ Chính - Giáo	
1. Phạm Văn Na	1981 - 1985
Tổ Chính trị	
1. Lò Thị Mai	1985 - 2002

Khoa Văn - Sử	
1. Nguyễn Lập Lễ	1981 - 1983
2. Phạm Ngọc Quang	1983 - 1991
3. Vũ Tiến Dũng	1991 - 1994
4. Nguyễn Hoàng Yến	1994 - 2002
Khoa Toán - Lí	
1. Hoàng Kim Thông	1981 - 1990
2. Đặng Quang Việt	1990 - 1995
3. Trần Phần	1995 - 2001
Khoa Sinh - Hóa	
1. Nguyễn Thiện Tề	1980 - 2001
Tổ Tâm lí - Giáo dục	
1. Phạm Văn Na	1985 - 1994
3. Nguyễn Thị Nhung	1995 - 1998
4. Nguyễn Văn Hồng	1998 - 2002
Tổ Thể dục	
1. Trần Văn Hạnh	1998 - 2000
Tổ Tài vụ	
Hoàng Kỳ	1980-1996
Nguyễn Mai Lôc	1996-2002

CÔNG ĐOÀN	
1. Trần Minh Phong	1979 - 1986
2. Lò Tiến Thâm	1986 - 2001

ĐOÀN THANH NIÊN	
1. Quảng Văn Tịch	1981 - 1985
2. Nguyễn Ngọc Luân	1985 - 1986
3. Nguyễn Văn Sơn	1986 - 1987
4. Vũ Tiến Dũng	1987 - 1994
5. Vũ Quốc Khánh	1995 - 1998
6. Nguyễn Tiến Thắng	1999 - 2000

THỜI KÌ 2001 - 2010

Hiệu trưởng	
1. Đặng Quang Việt	2001 đến 2012

Phó Hiệu trưởng	
1. Nguyễn Văn Bao	2002 -2012
2. Lò Tiến Thâm	2001 - 2006
3. Đinh Thanh Tâm	2006 -2012

Bí thư	
1. Đặng Quang Việt	2001 - 2012

Phó Bí thư	
1. Nguyễn Văn Bao	2001- 2012

Phòng Hành chính Tổng Hợp	
1. Lò Văn Doan	2001 - 2002
2. Nguyễn Văn Đệ	2002 -2012
Phòng Quản trị đời sống	
1. Hoàng Kỳ	2004 - 2005
Phòng Công tác Chính trị	
1. Lò Văn Doan	2002 - 2006
2. Lữ Thị Minh	2006 -2012
Phòng Tổ chức cán bộ	
1. Nguyễn Thiện Tê	2002 - 2008
2. Lò Văn Nét	2008 -2014
Phòng Đào tạo	
1. Nguyễn Văn Đệ	2000 - 2002
2. Đinh Thanh Tâm	2002 - 2007
3. Phạm Minh Thông	2007 -2012
Phòng Tài vụ	
1. Phạm Thị Hòa	2002 -2012
Phòng Quản lí khoa học và Quan hệ quốc tế	
1. Nguyễn Tiến Thắng	2002-2009
2. Nguyễn Văn Hồng- Phụ trách Phòng	2009 -2010
3. Nguyễn Văn Hồng	2010-3/2013
Khoa Kinh tế	
1. Nguyễn Thị Lan Anh	2009 -2012
Khoa Lí luận Chính trị	
1. Hoàng Văn Viện	2009 -2012
Khoa Thể dục Thể thao	
1. Trần Văn Hạnh	2010-2011

Khoa Ngữ văn	
1. Vũ Tiến Dũng	2002 -2012
Khoa Toán - Lí - Tin	
1. Đinh Thanh Tâm- Q. Trưởng khoa	2001 - 2002
2. Nguyễn Triệu Sơn	2002 -2012
Khoa Sinh - Hóa	
1. Vũ Hồng Kim	2002 -2012
Khoa Tiểu học - Mầm non	
1. Trần Thị Thanh Hồng	2003 -2012
Khoa Sử - Địa	
1. Bùi Việt Hùng	2002 - 2005
2. Phạm Văn Lực	2005 -2012
Khoa Nông - Lâm - Kinh tế	
1. Đoàn Đức Lân	2006 - 2008
Khoa Nông - Lâm	
1. Đoàn Đức Lân	2009-2012
Khoa Ngoại ngữ	
1. Phạm Thị Hồng Thanh	2008 -2012
Bộ môn Tâm lí-Giáo dục	
1. Nguyễn Thị Nhung	2002 -2012
Bộ môn Lí luận Chính trị	
1. Hoàng Văn Viện	2002 - 2009
Bộ môn Giáo dục Thể chất	
1. Trần Văn Hạnh	2000 - 2010

CÔNG ĐOÀN	
1. Lò Tiến Thâm	2001-2003
2. Nguyễn Văn Bao	2003 - 2008
3. Lò Văn Nét	2008 -2012

ĐOÀN THANH NIÊN	
1. Nguyễn Tiến Thăng	2001 - 2009
2. Bùi Thanh Hoa	2009 -2012

THỜI KÌ 2011-2015

Hiệu trưởng	
1. Nguyễn Văn Bao	2012 đến nay

Phó Hiệu trưởng	
1. Đinh Thanh Tâm	2013 đến nay
2. Nguyễn Triệu Sơn	2013 đến nay
2. Đoàn Đức Lân	2013 đến nay

Bí Thư	
1. Nguyễn Văn Bao	2013 đến nay

Phó Bí thư	
1. Đinh Thanh Tâm	2013 đến nay

Phòng Hành chính Tổng Hợp	
1. Nguyễn Thanh Sâm	2012-2013
2. Nguyễn Hoàng Yến	2013 đến nay
Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	
1. Nguyễn Duy Quang	2013 đến nay
Phòng Công tác Chính trị	
1. Lữ Thị Minh	2006 đến nay
Phòng Tổ chức Cán bộ	
1. Lò Văn Nét	2002 - 2014
2. Bùi Mạnh Thắng	2014 đến nay
Phòng Đào tạo đại học	
1. Đỗ Hồng Đức	4/2013 đến nay
Phòng Kế hoạch Tài chính	
1. Đặng Thị Huệ	4/2013 đến nay
Phòng Đào tạo Sau đại học	

Khoa Ngữ văn	
1. Bùi Thanh Hoa	2013 đến nay
Khoa Toán - Lí - Tin	
1. Hoàng Ngọc Anh	2013 đến nay
Khoa Sinh - Hóa	
1. Phạm Văn Nhã	2013 đến nay
Khoa Tiểu học - Mầm non	
1. Vũ Tiến Dũng	2013 đến nay
Khoa Sử - Địa	
1. Phạm Văn Lực	2013 đến nay
Khoa Nông - Lâm	
1. Vũ Quang Giảng	2013 đến nay
Khoa Thể dục Thể thao	

1. Nguyễn Văn Hồng	4/2013 đến nay
Phòng Khảo thí và BĐCLGD	
1. Phạm Minh Thông	4/2013 đến nay
Phòng KHCN& HTQT	
1. Vũ Trọng Lưỡng	4/2013 đến nay
Phòng Thanh tra Pháp chế	
1. Lò Văn Nét	Từ 1/2015 đến nay

1. Trần Văn Hạnh	2010 đến nay
Khoa Ngoại ngữ	
1. Đỗ Thanh Trà	2013 đến nay
Khoa Kinh tế	
1. Nguyễn Thị Lan Anh	Từ 2013 đến nay
Khoa Lí luận Chính trị	
1. Hoàng Văn Viện	2009-2014
2. Lê Thị Hương	Từ 2014 đến nay
Bộ môn Tâm lí Giáo dục	
1. Nguyễn Thị Nhung	Từ 2013 đến nay

CÔNG ĐOÀN	
1. Nguyễn Triệu Sơn	2012 đến nay

ĐOÀN THANH NIÊN	
1. Hà Văn Niệm	2012 đến nay

Phần thứ năm
CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÍ VÀ MỘT SỐ HÌNH ẢNH LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ
NƯỚC ĐẾN THĂM, LÀM VIỆC VỚI NHÀ TRƯỜNG (1960-2015)

CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÍ CỦA NHÀ TRƯỜNG (1960-2015)



Huân chương Lao động Hạng Ba (1980)



Huân chương Lao động Hạng Nhì (1999)



**Công đoàn Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc được tặng
Huân chương Lao động Hạng Ba (2000)**



Huân chương Lao động Hạng Nhất (2005)





Huân chương Độc lập Hạng Ba (2010)

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH LÊN THĂM TÂY BẮC (07/05/1959)

Trong bài nói chuyện tại sân vận động Thuận Châu - Sơn La (07/05/1959), Người căn dặn: *“Phát triển bình dân học vụ khắp nơi, làm thêm nhà trường cho con em có chỗ học. Trong mọi công việc phải ra sức giúp đỡ đồng bào rẻo cao”*.

**CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
ĐẢNG, NHÀ NƯỚC ĐẾN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI NHÀ TRƯỜNG (1960-2015)**



Phó CTHĐ Bộ trưởng Võ Văn Kiệt lên thăm và làm việc với Nhà trường (05/1982)



**Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm
cùng đoàn công tác của Bộ và đồng chí Tổng Thị Phóng (Bí thư Tỉnh ủy Sơn La) đến thăm,
làm việc với Nhà trường ngày 26/10/2002**

**CHỦ TỊCH NƯỚC
TRƯƠNG TẤN SANG LÊN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI NHÀ TRƯỜNG (13/4/2012)**



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang nói chuyện với cán bộ, giảng viên và sinh viên Nhà trường



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang lưu bút trong sổ vàng truyền thống Nhà trường



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trồng cây lưu niệm trong khuôn viên Nhà trường



**Chủ tịch nước Trương Tấn Sang
cùng đoàn công tác chụp ảnh lưu niệm với cán bộ, giảng viên Nhà trường**

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA TRƯỜNG
(1960-2015)**





Hình ảnh Nhà trường những năm đầu mới thành lập







Một số hình ảnh trong Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Trường (1990)



Hội thảo khoa học Giáo trình Văn học Thái (10/1994)



Công đoàn

Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba (2000)



Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc lần thứ XX (Nhiệm kỳ 2005-2010)

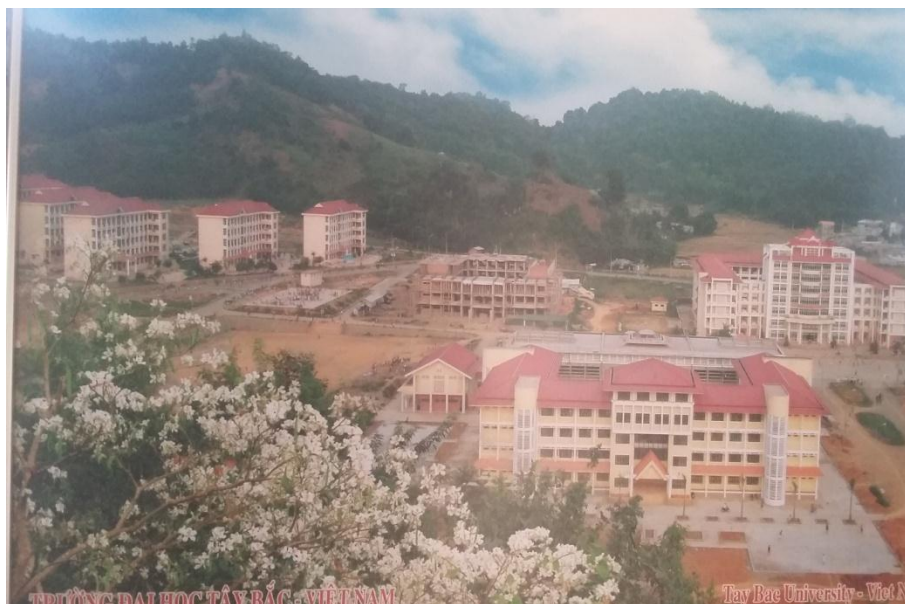


Một số hình ảnh trong

Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Trường và đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Ba (2010)



Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2010-2015)



Toàn cảnh Trường Đại học Tây Bắc năm 2011



**Lễ công bố Quyết định thành lập Trường TH,THCS và THPT Chu Văn An
(6/9/2013)**



Lễ ra mắt Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh sinh viên Tây Bắc (22/9/2013)



Một số hình ảnh hợp tác Quốc tế của Trường (2011-2015)



Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc lần thứ XXII (Nhiệm kỳ 2015-2020)



Lễ bế giảng và trao bằng Thạc sĩ Khóa I của Trường (2015)



Toàn cảnh Trường Đại học Tây Bắc năm 2015